VINAMILK

# Giá trị tự nhiên
chia sẻ CỘNG ĐỒNG

Báo cáo thường niên

# 2010

# Lịch tài chính

## CÁC CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

| | |
|---|---|
| Quý I: | 22 tháng 4 năm 2010 |
| Quý II: | 23 tháng 7 năm 2010 |
| Quý III: | 23 tháng 10 năm 2010 |
| Quý IV: | 25 tháng 01 năm 2011 |

## TRẢ CỔ TỨC

| | |
|---|---|
| TẠM ỨNG CỔ TỨC ĐỢT 2 NĂM 2009: | Bằng tiền mặt 10% vốn điều lệ |
| Ngày thông báo: | 08 tháng 02 năm 2010 |
| Ngày giao dịch không hưởng quyền: | 25 tháng 02 năm 2010 |
| Ngày thanh toán cổ tức | 26 tháng 03 năm 2010 |
| CHI CỔ TỨC BỔ SUNG SAU 6 NĂM CỔ PHẦN HÓA: | Bằng tiền mặt 10% vốn điều lệ |
| Ngày thông báo: | 31 tháng 03 năm 2010 |
| Ngày giao dịch không hưởng quyền: | 08 tháng 04 năm 2010 |
| Ngày thanh toán cổ tức | 27 tháng 04 năm 2010 |
| TẠM ỨNG CỔ TỨC NĂM 2010: | Bằng tiền mặt 30% vốn điều lệ |
| Ngày thông báo: | 02 tháng 08 năm 2010 |
| Ngày giao dịch không hưởng quyền: | 13 tháng 08 năm 2010 |
| Ngày thanh toán cổ tức: | 31 tháng 08 năm 2010 |

**HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:** 27 tháng 03 năm 2010

# Nội dung


TÓM TẮT KẾT QUẢ 5 NĂM HOẠT ĐỘNG 05

THÔNG ĐIỆP 08
- Tầm nhìn 10
- Sứ mệnh 10
- Giá trị cốt lõi 11
- Thông điệp của Chủ tịch HĐQT 12

GIỚI THIỆU CÔNG TY 16
- Giới thiệu Công ty 18
- Cơ cấu tổ chức Công ty 20
- Sơ đồ tổ chức và Cơ cấu quản lý 22
- Hội đồng Quản trị 24
- Ban điều hành 26
- Ban kiểm soát 29

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH 30
- Tổng quan hoạt động kinh doanh 33
- Hệ thống phân phối 34
- Danh mục nhãn hiệu 36
- Các sự kiện tiêu biểu trong năm 48
- Các danh hiệu đã đạt được 49

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP 50
- Báo cáo quản trị 52
- Quản lý rủi ro 62
- Quan hệ Nhà đầu tư 65

MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG 66
- Môi trường và Xã hội 69
- Trách nhiệm đối với Cộng đồng 75

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 78
- Thông tin Doanh nghiệp 01
- Báo cáo của Ban điều hành 02
- Báo cáo của Kiểm toán viên độc lập 03
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất 05
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 10
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 12

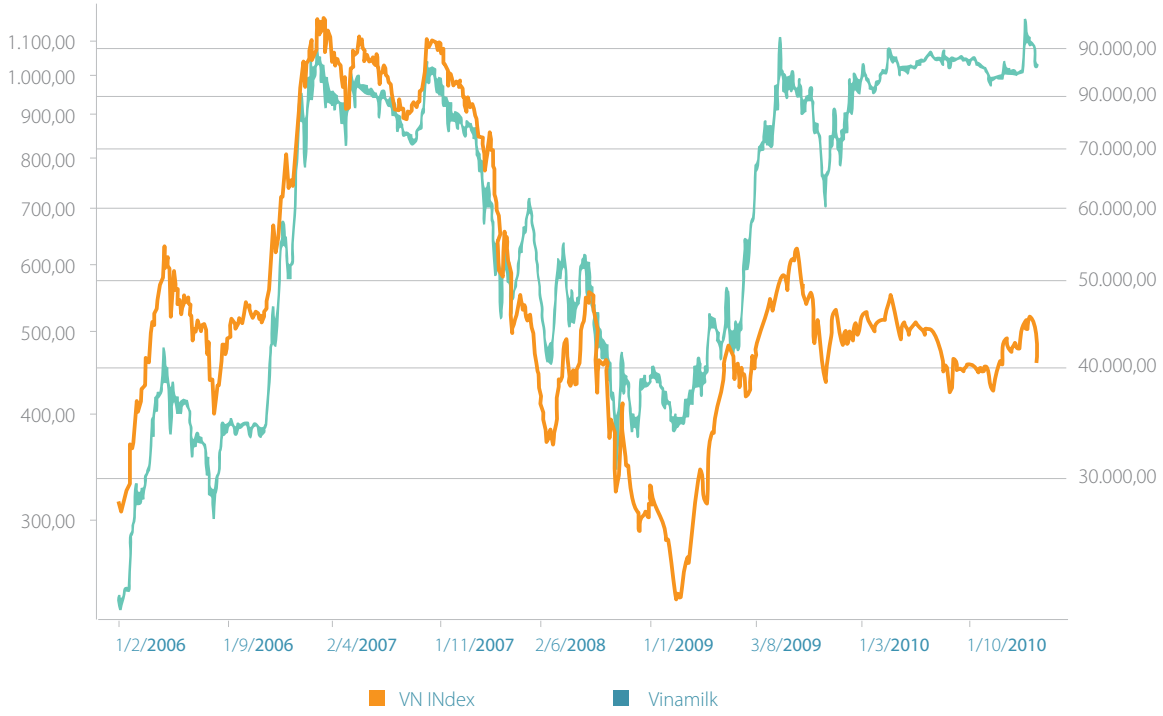


| Năm kết thúc 31/12 | 2010 | 2009 | 2008 | 2007 | 2006 |
|---|---|---|---|---|---|
| **BÁO CÁO LÃI LỖ (Tỷ đồng)** | | | | | |
| Tổng doanh thu | 16.081 | 10.820 | 8.381 | 6.675 | 6.289 |
| Lợi nhuận trước thuế | 4.251 | 2.731 | 1.371 | 955 | 663 |
| Lợi nhuận sau thuế | 3.616 | 2.376 | 1.249 | 963 | 660 |
| **CỔ TỨC (tính trên 1 cổ phiếu) (Đồng)** | | | | | |
| Thu nhập cơ bản | 10.251 | 6.769 | 3.563 | 5.607 | 4.150 |
| Trả cổ tức | 4.000 | 3.000 | 2.900 | 2.900 | 1.900 |
| **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tỷ đồng)** | | | | | |
| Vốn điều lệ | 3.531 | 3.513 | 1.753 | 1.753 | 1.590 |
| Vốn Chủ sở hữu | 7.964 | 6.455 | 4.666 | 4.224 | 2.684 |
| Tổng tài sản | 10.773 | 8.482 | 5.967 | 5.425 | 3.601 |
| Nợ vay dài hạn | - | 12 | 22 | 32 | 42 |
| Giá trị tài sản thuần/1 cổ phiếu | 22.556 | 18.378 | 26.619 | 24.101 | 16.879 |
| **CHỈ SỐ TÀI CHÍNH (%)** | | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu | 26% | 25% | 16% | 14% | 11% |
| Tỷ suất lợi nhuận/Vốn Chủ sở hữu | 45% | 37% | 27% | 23% | 25% |
| Tổng nợ trên vốn Chủ sở hữu | 35% | 31% | 28% | 28% | 34% |

# TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG BÌNH QUÂN 26% TỔNG DOANH THU QUA 5 NĂM

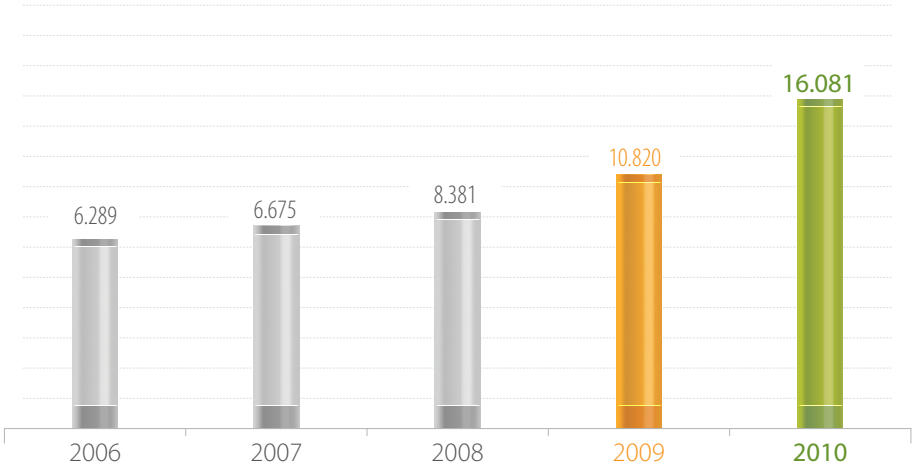


TỔNG DOANH THU (Tỷ đồng)

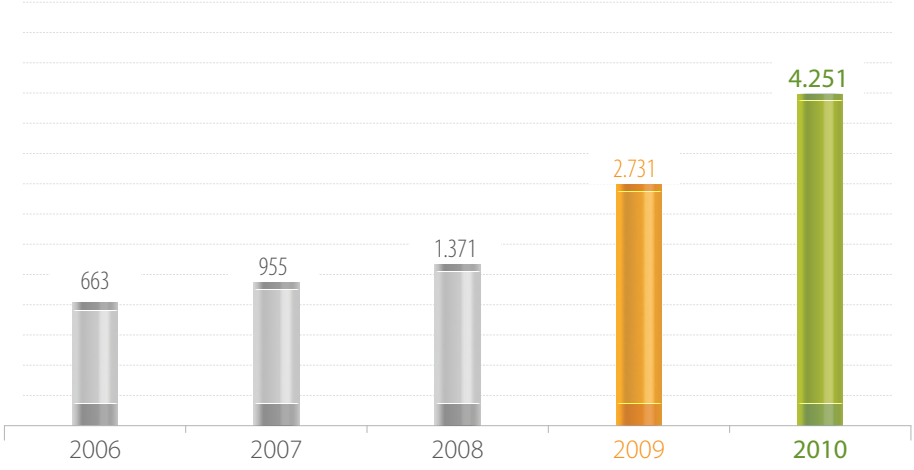


LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (Tỷ đồng)

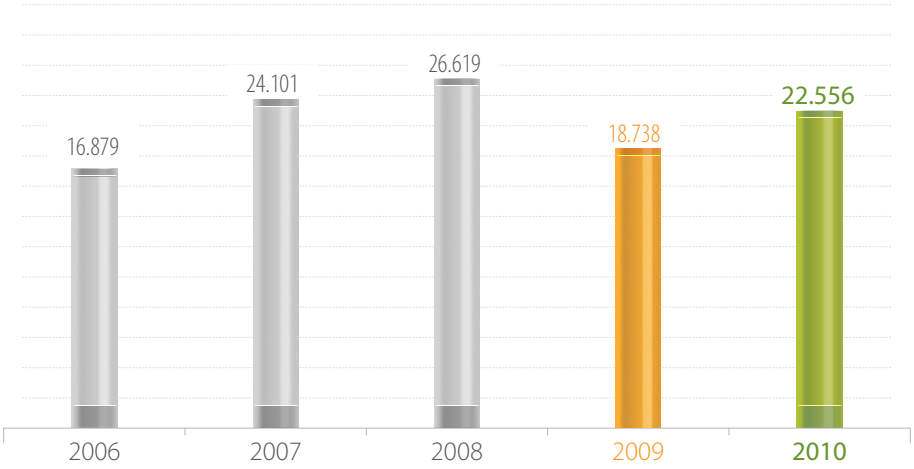


GIÁ TRỊ TÀI SẢN THUẦN/ 1 CỔ PHIẾU (đồng)

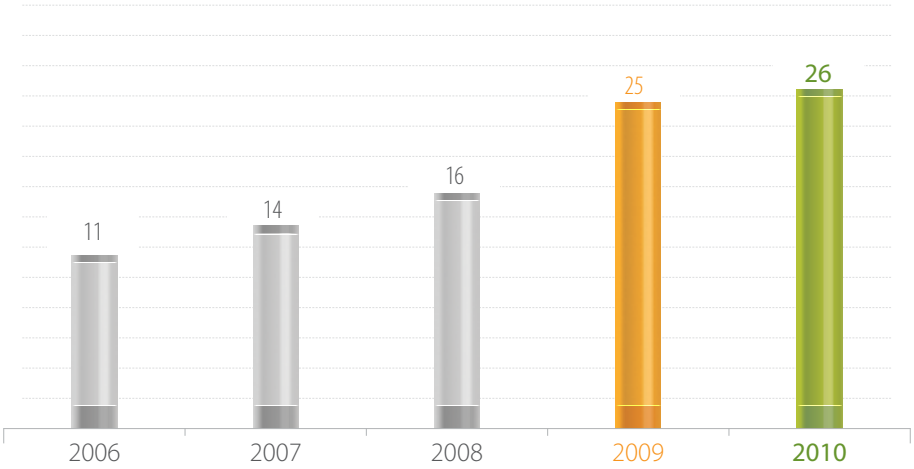


LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ/DOANH THU (%)

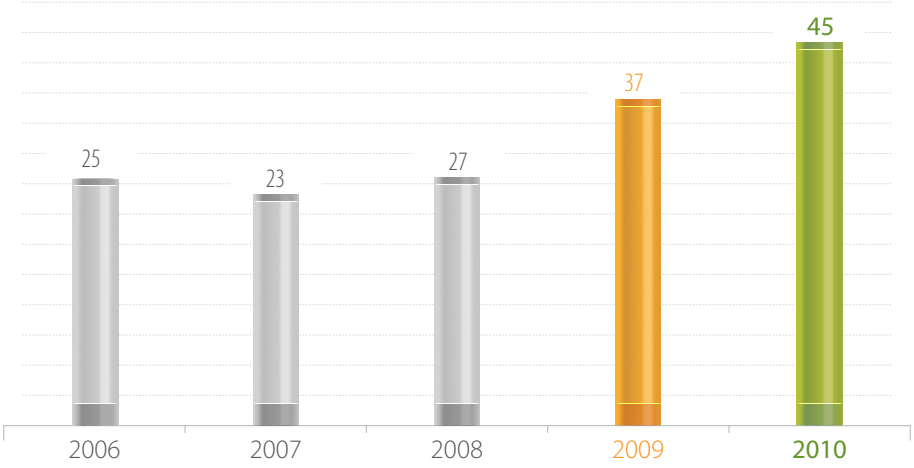


TỶ SUẤT LỢI NHUẬN/VỐN CHỦ SỞ HỮU (%)

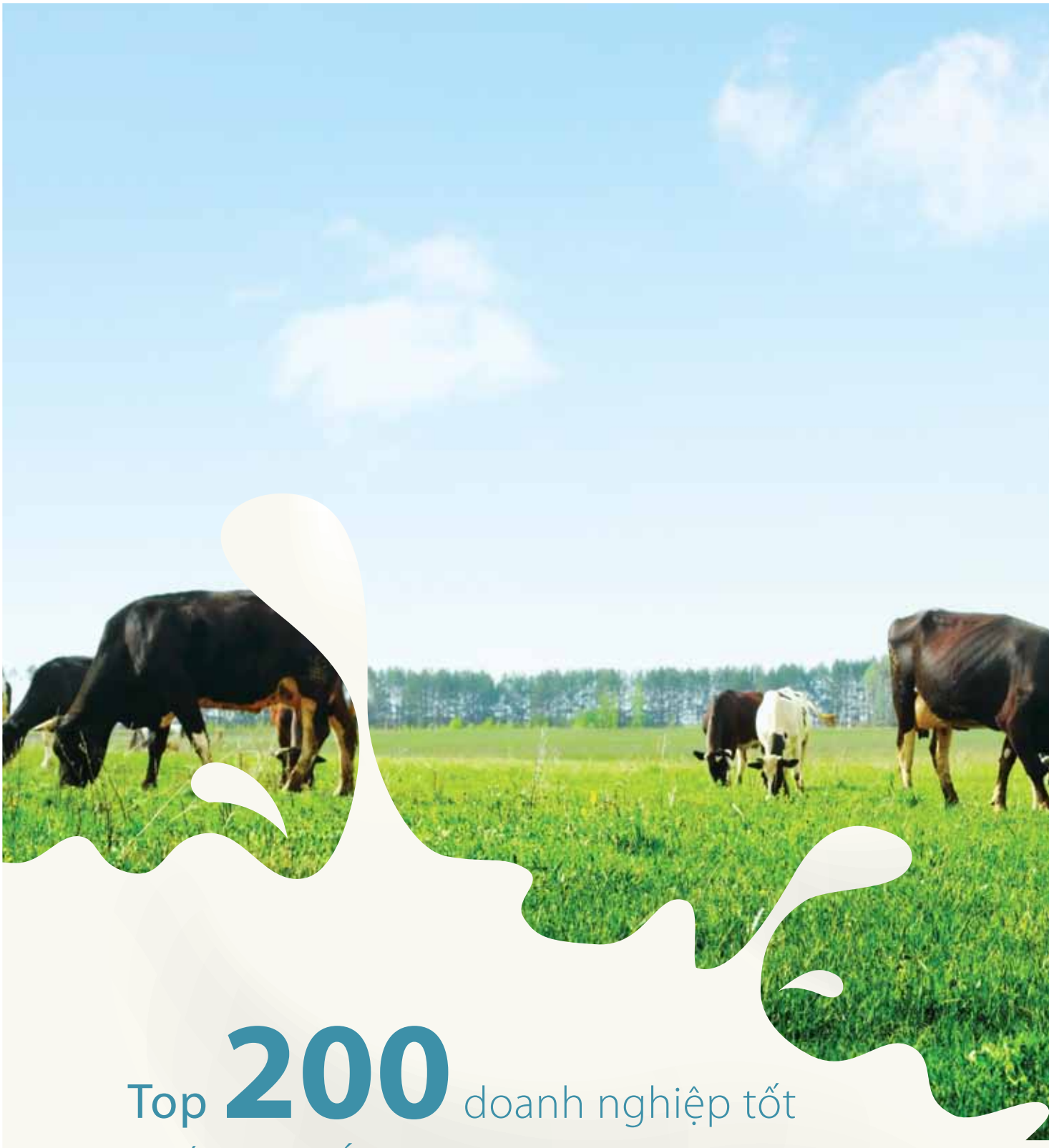

# Top 200 doanh nghiệp tốt nhất Châu Á Thái Bình Dương do tạp chí Forbes bình chọn

Vinamilk là doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên lọt vào danh sách 200 công ty vừa và nhỏ tốt nhất châu Á của Forbes. Danh sách 2010 đặc biệt hơn các năm trước với sự góp mặt lần đầu tiên của một doanh nghiệp đến từ Việt Nam, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam. Theo tính toán của Forbes, trong 12 tháng qua, doanh thu của Vinamilk đạt 575 triệu USD, xếp hạng 16 trong số 200 công ty. Lợi nhuận ròng là 129 triệu USD, đứng thứ 18 và giá trị thị trường đạt 1,56 tỷ USD, đứng thứ 31.

# Thông điệp

- Tầm nhìn
- Sứ mệnh
- Giá trị cốt lõi
- Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

# Tầm Nhìn

"Trở thành biểu tượng niềm tin số một Việt Nam về sản phẩm dinh dưỡng và sức khỏe phục vụ cuộc sống con người"

# Sứ Mệnh

"Vinamilk cam kết mang đến cho cộng đồng nguồn dinh dưỡng tốt nhất, chất lượng nhất bằng chính sự trân trọng, tình yêu và trách nhiệm của mình với cuộc sống con người và xã hội"

# Giá Trị Cốt Lõi

1. CHÍNH TRỰC

Liêm chính, trung thực trong ứng xử và trong tất cả các giao dịch.

2. TÔN TRỌNG

Tôn trọng bản thân, tôn trọng đồng nghiệp. Tôn trọng Công ty, tôn trọng đối tác. Hợp tác trong sự tôn trọng.

3. CÔNG BẰNG

Công bằng với nhân viên, khách hàng, nhà cung cấp và các bên liên quan khác.

4. TUÂN THỦ

Tuân thủ luật pháp, Bộ Quy tắc Ứng xử và các quy chế, chính sách, quy định của Công ty.

5. ĐẠO ĐỨC

Tôn trọng các tiêu chuẩn đã được thiết lập và hành động một cách đạo đức.

## Kính gửi: Quý cổ đông

"Chúng ta rất tự hào Vinamilk là Công ty **ĐẦU TIÊN** và **DUY NHẤT** của Việt Nam đứng trong danh sách 200 Doanh nghiệp tốt nhất Châu Á Thái Bình Dương năm 2010 của Tạp chí Forbes.

"Tôi tin rằng Vinamilk có đủ cơ sở để biến mục tiêu thành hiện thực" là lời đầu tiên trong thông điệp của tôi đã gửi đến Quý Cổ đông cách đây một năm, khi chúng ta tổng kết năm 2009. Và hôm nay, chúng ta tổng kết cho năm hoạt động kinh doanh 2010 với kết quả đã thành hiện thực.

Mặc dù trong năm 2010 nền kinh tế vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thị trường còn nhiều biến động, nhưng Vinamilk đã có sự tăng trưởng vượt bậc, và tăng cao nhất trong 35 năm qua.

Năm 2010, chúng ta đạt tất cả các mục tiêu đã đặt ra từ đầu năm về doanh số và lợi nhuận. Doanh số tăng trưởng 49% so 2009 (vượt 11% so với kế hoạch), lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 56% so với 2009 (vượt 36% so với kế hoạch).

Để chủ động nguồn cung sữa tươi nguyên liệu nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường, Công ty đã đầu tư phát triển dự án vùng nguyên liệu ra ngước ngoài tại New Zealand với tổng vốn đầu tư là 121 triệu NZD. Vốn điều lệ của dự án Miraka này là 55 triệu NZD, trong đó Vinamilk góp 12,5 triệu NZD, tương đương chiếm 19,3% vốn sở hữu của Miraka.

Với tốc độ phát triển bền vững như vậy, Công ty đã đầu tư mở rộng và xây dựng thêm 03 nhà máy mới sản xuất sữa, bao gồm: 01 nhà máy sữa bột công suất 54.000 tấn/năm sẽ đi vào hoạt động năm 2012; 01 nhà máy sữa nước tại Bình Dương có công suất giai đoạn 1 là 400 triệu lít/năm sẽ đi vào hoạt động vào cuối năm 2012. Đây là nhà máy sữa nước có qui mô lớn nhất, công nghệ hiện đại nhất của

khu vực Đông Nam Á và một nhà máy tại Đà Nẵng có công suất sữa nước là 64,4 triệu lít/ năm và sữa chua ăn là 240 triệu hủ/ năm sẽ đi vào hoạt động trong năm 2011.

Chúng ta cũng rất tự hào Vinamilk là công ty ĐẦU TIÊN và DUY NHẤT của Việt Nam đứng trong danh sách 200 doanh nghiệp Châu Á xuất sắc năm 2010 của tạp chí chuyên xếp hạng Forbes. Các yếu tố được lựa chọn để đánh giá, bình chọn gồm lợi nhuận, tăng trưởng, số tiền nợ và triển vọng từ hơn 12.000 doanh nghiệp có niêm yết cổ phiếu tại sàn giao dịch, với doanh thu dưới 1 tỷ USD.

Một số danh hiệu cao quý khác mà Vinamilk đạt được trong năm 2010: i) Hàng Việt Nam chất lượng cao 2010; ii) Thương hiệu Quốc gia; iii) Top 10 Thương Hiệu Nổi tiếng Nhất Khu vực (Super Brands); iv) Top 5 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam 2010; và Top 50 doanh nghiệp đóng góp cao nhất vào ngân sách Nhà nước.

Là công ty chuyên sản xuất kinh doanh thực phẩm, Vinamilk không chỉ chú trọng về an toàn vệ sinh thực phẩm mà còn đặt yếu tố thân thiện với môi trường lên hàng đầu. Các nhà máy của Công ty đều được trang bị các dây chuyền công nghệ hiện đại được nhập trực tiếp từ Pháp, Đức, Đan Mạch, Thụy Điển,… góp phần giảm thiểu mức tiêu hao nước, nhiên liệu và năng lượng. Hệ thống xử lý nước thải của các nhà máy đều được Sở Tài Nguyên và Môi trường địa phương cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn xả thải theo TCVN 5945:2005. Thêm vào đó, Công ty hướng tới việc sử dụng các loại bao bì thân thiện với môi trường, tiếp tục triển khai các dự án xây dựng hệ thống Biogas cho các trang trại bò nhằm góp phần tích cực vào việc giảm thải các khí gây hiệu ứng nhà kính, đồng thời tham gia tích cực công tác bảo vệ môi trường tại địa phương dựa trên phương châm "phát triển bền vững và có trách nhiệm với xã hội".



TÓM TẮT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU KẾ HOẠCH NHƯ SAU:

| | Thực hiện 2010 | Mục tiêu 2010 | Thực hiện 2009 | % vượt mục tiêu | Tăng trưởng so với năm 2009 |
|---|---|---|---|---|---|
| *(Tỷ đồng)* | | | | | |
| Tổng doanh thu | 16.081 | 14.428 | 10.820 | 11 % | ↑ 49 % |
| Lợi nhuận trước thuế | 4.251 | 3.137 | 2.731 | 36 % | ↑ 56 % |
| Lợi nhuận sau thuế | 3.616 | 2.666 | 2.376 | 36 % | ↑ 52 % |
| EPS (đồng/cổ phiếu) | 10.251 | - | 6.769 | - | ↑ 51 % |

## CỔ TỨC

Đại Hội đồng Cổ đông ngày 27 tháng 03 năm 2010 đã thông qua chủ trương chi trả cổ tức bằng 30% vốn điều lệ. Tuy nhiên, với kết quả kinh doanh luôn tăng trưởng tốt trong các năm qua, Hội Đồng Quản trị đã thông qua chi trả cổ tức bổ sung cho thành quả đạt được trong 6 năm kể từ khi cổ hóa với tỷ lệ 10% vốn điều lệ và tạm ứng cổ tức năm 2010 bằng 30% vốn điều lệ và trình Đại Hội đồng Cổ đông thông qua trong kỳ họp lần này.

# 4.251 TỶ ĐỒNG
## LỢI NHUẬN ĐẠT ĐƯỢC TRƯỚC THUẾ

## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2011 - 2013

Đánh giá thị trường sữa Việt Nam còn nhiều tiềm năng và khả năng phát triển bền vững lâu dài, chiến lược phát triển của Công ty tập trung các nội dung sau:

- Củng cố và tiếp tục mở rộng hệ thống tiếp thị và phân phối: mở thêm điểm bán lẻ, nâng cao độ bao phủ và trang bị thêm phương tiện và thiết bị bán hàng;
- Đầu tư nâng cấp toàn diện các nhà máy và xây dựng nhà máy mới với công nghệ hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế nhằm nâng cao năng lực sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường;
- Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu ở trong nước và ở nước ngoài;
- Đầu tư nghiên cứu và giới thiệu đến người tiêu dùng các sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn;
- Áp dụng các tiêu chuẩn cao nhất của hệ thống quản lý chất lượng như ISO, HACCP để cam kết chất lượng tốt nhất cho người tiêu dùng;
- Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp và quản lý rủi ro nhằm giảm thiểu các tổn thất có thể xảy ra cho Công ty và cổ đông;
- Chú trọng phát triển kinh doanh đi đôi với chính sách thân thiện với môi trường và trách nhiệm xã hội.

Với những chiến lược trên, Vinamilk đặt ra mục tiêu doanh số năm 2011 là 1 tỷ đô la Mỹ.

## THAY LỜI KẾT

Sau một năm đầy thành công với những kết quả hết sức lạc quan, tôi xin gửi lời chân thành cảm ơn đến các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát đã có những đóng góp thiết thực về chiến lược kinh doanh cũng như về quản trị doanh nghiệp; cảm ơn người tiêu dùng và đối tác đã tiếp tục ủng hộ và đặt niềm tin vào Vinamilk; cảm ơn toàn thể cán bộ công nhân viên vì sự chuyên nghiệp, trung thành và cam kết đồng hành cùng Công ty và sự ủng hộ mạnh mẽ của Quý Cổ đông.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2011

MAI KIỀU LIÊN
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

# Giới thiệu Công ty

- Giới thiệu công ty
- Cơ cấu tổ chức công ty
- Sơ đồ tổ chức và cơ cấu quản lý
- Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- Giới thiệu Ban điều hành
- Giới thiệu Ban kiểm soát

# CHĂM CHÚT mầm xanh từ Đất Mẹ

## 6.000 suất học bổng "Ươm mầm tài năng trẻ Việt Nam"

Niên học 2009 - 2010 cho các em học sinh tiêu biểu đại diện 3 vùng miền trên cả nước trong chiến dịch trao học bổng cho 6.000 em học sinh tiểu học tại 63 tỉnh thành trên cả nước. Quỹ học bổng "**VINAMILK - Ươm mầm tài năng trẻ Việt Nam**" là một trong những hoạt động vì trẻ em trong chuỗi hành trình "Vươn cao Việt Nam" của Vinamilk. Được thành lập bởi sáng kiến của Bộ Giáo dục & Đào tạo dưới sự tài trợ của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam bắt đầu từ năm học 2003-2004, tính đến hết năm 2010, số tiền tài trợ của Vinamilk cho Quỹ học bổng này đã hơn 14 tỷ đồng.

## 1976

Tiền thân là Công ty Sữa, Café Miền Nam, trực thuộc Tổng Cục Công nghiệp thực phẩm, với 2 đơn vị trực thuộc là Nhà máy sữa Thống Nhất, Nhà máy sữa Trường Thọ.

## 1978

Công ty có thêm nhà máy bột Bích Chi, nhà máy bánh Lubico và nhà máy Café Biên Hòa. Công ty được chuyển cho Bộ Công nghiệp Thực phẩm quản lý và Công ty được đổi tên thành Xí nghiệp Liên hợp Sữa Café và Bánh Kẹo I.

## 1989

Nhà máy sữa bột Dielac đi vào hoạt động và cho ra lô sản phẩm đầu tiên.

## 1992

Xí Nghiệp Liên hợp Sữa Café và Bánh Kẹo I được chính thức đổi tên thành Công ty Sữa Việt Nam và thuộc sự quản lý trực tiếp của Bộ Công nghiệp nhẹ.

## 2004

Mua thâu tóm Công ty Cổ phần sữa Sài Gòn, tăng vốn điều lệ của Công ty lên 1.590 tỷ đồng.

## 2003

Chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần vào tháng 11 năm 2003 và đổi tên thành Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam cho phù hợp với hình thức hoạt động của Công ty.

## 2001

Khánh thành và đưa nhà máy sữa Cần Thơ tại miền Tây đi vào hoạt động.

## 1996

Liên doanh với Công ty Cổ phần Đông lạnh Quy Nhơn để thành lập Xí Nghiệp Liên doanh Sữa Bình Định. Đưa nhà máy sữa Hà Nội đi vào hoạt động.

# CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

## 2005

Mua số cổ phần còn lại của đối tác liên doanh trong Công ty Liên doanh Sữa Bình Định (sau đó được gọi là Nhà máy Sữa Bình Định) và khánh thành Nhà máy Sữa Nghệ An vào ngày 30 tháng 06 năm 2005, có địa chỉ đặt tại Khu Công nghiệp Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An.

## 2006

Vinamilk chính thức giao dịch trên thị trường chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 19 tháng 01 năm 2006.

## 2007

Mua cổ phần chi phối 55% của Công ty Sữa Lam Sơn vào tháng 9 năm 2007, có trụ sở tại Khu Công nghiệp Lễ Môn, Tỉnh Thanh Hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn. Đến tháng 04/2010, mua lại toàn bộ cổ phần của công ty này để trở thành Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn.

## 2008

Khánh thành và đưa nhà máy sữa Tiên Sơn tại Hà Nội đi vào hoạt động

## 2010

Nhận chuyển nhượng 100% vốn từ Công ty TNHH F&N Việt Nam và đổi tên thành Công ty TNHH Một Thành Viên Sữa Dielac.

Góp vốn đầu tư 12,5 triệu NZD, chiếm 19.3% vào Công ty TNHH Miraka tại New Zealand.

Mua thâu tóm 100% cổ phần còn lại tại Công ty cổ phần sữa Lam Sơn để trở thành Công ty TNHH Một Thành viên sữa Lam Sơn.

Khánh thành và đưa nhà máy Nước giải khát tại Bình Dương đi vào hoạt động.

> Năm 2010, Vinamilk có tổng cộng 11 nhà máy sản xuất với tổng công suất 677.150 tấn/năm.

## VINAMILK HIỆN CÓ CÁC CÔNG TY CON, LIÊN KẾT NHƯ SAU:

| STT | Tên Công ty | Ngành nghề kinh doanh chính | Vốn điều lệ (tỷ đồng) | Tỷ lệ sở hữu của Vinamilk (%) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam | Chăn nuôi bò sữa | 840 | 100 |
| 2 | Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế | Kinh doanh bất động sản *(Chưa hoạt động)* | 160 | 100 |
| 3 | Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn | Sản xuất kinh doanh các sản phẩm về sữa và nước giải khát. | 80 | 100 |
| 4 | Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Dielac | Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ sữa. | 147 | 100 |
| 5 | Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu - Sài Gòn | Sản xuất bột crème dùng cho thực phẩm *(Chưa hoạt động)* | 90 | 20 |
| 6 | Công ty TNHH Miraka | Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ sữa (chưa hoạt động) | 55 triệu Đô New Zealand | 19,3 |

## 1. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BÒ SỮA VIỆT NAM

Được thành lập ngày 11/07/2007, là công ty con 100% vốn do Vinamilk đầu tư. Công ty này xây dựng các trang trại chăn nuôi bò sữa hạt nhân để cung cấp giống và hỗ trợ kỹ thuật công nghệ chăn nuôi bò cho nông dân nhằm tạo nguồn cung sữa tươi nguyên liệu chất lượng và ổn định cho nhu cầu của Vinamilk.

Các trang trại đều được đầu tư tốt về con giống, thức ăn đầu vào chất lượng, chuồng trại và công nghệ vắt sữa tiên tiến của Châu Âu để đảm bảo nguồn sữa tươi nguyên liệu có chất lượng tốt nhất. Đây là nguồn sữa nguyên liệu cung cấp để sản xuất dòng sản phẩm sữa tươi nguyên chất 100% cho các nhà máy của công ty mẹ Vinamilk.

Tính đến ngày 31/12/2010, công ty con này đang quản lý 05 trang trại bò sữa (Tuyên Quang, Nghệ An, Thanh Hóa, Bình Định và Lâm Đồng) với tổng đàn 6.000 con.

## 2. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN QUỐC TẾ

Được thành lập ngày 22/12/2006 nhằm đầu tư vào lĩnh vực bất động sản. Tuy nhiên, theo chiến lược của Vinamilk sẽ tập trung vào lĩnh vực sản xuất chính nên đến nay chưa triển khai dự án bất động sản đáng kể nào.

## 3. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SỮA LAM SƠN

Tiền thân là Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn do Vinamilk nắm quyền chi phối 55%, có trụ sở tại Thanh Hóa. Đến tháng 4/2010, Vinamilk tiến hành mua lại toàn bộ cổ phần của các cổ đông còn lại để trở thành công ty THHH Một Thành viên. Hiện nay, công ty này có 01 nhà máy sản xuất các sản phẩm sữa nước và sữa chua theo thương hiệu và đơn đặt hàng của Vinamilk.

## 4. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SỮA DIELAC

Tiền thân là Công ty TNHH F&N Việt Nam có trụ sở tại Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Bình Dương. Vinamilk mua lại toàn bộ cổ phần của Công ty TNHH F&N Việt Nam và đổi tên thành Công ty TNHH 1 Thành viên Sữa Dielac theo giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 463041000209, ngày 30/09/2010.

Hiện tại công ty con này đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng mới lại nhà máy chế biến sữa bột và bột dinh dưỡng có công suất 54.000 tấn/năm.

## 5. CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU THỰC PHẨM Á CHÂU - SÀI GÒN ("AFI")

Được thành lập ngày 07/05/2008, công ty có vốn điều lệ là 90 tỷ đồng. Trong đó, Vinamilk tham gia 20% vốn điều lệ. Công ty AFI đang trong giai đoạn hoàn thành xây dựng nhà máy chế biến nguyên liệu sữa tại Bình Dương. Dự kiến Công ty AFI sẽ đi vào hoạt động đầu năm 2011.

## 6. CÔNG TY TNHH MIRAKA

Đây là dự án đầu tư ra bên ngoài đầu tiên của Vinamilk. Miraka có trụ sở đặt tại Taupo, New Zealand, có vốn điều lệ là 55 triệu NZD, trong đó Vinamilk góp 12,5 triệu NZD (tương đương 19,3%). Miraka đang xây dựng nhà máy chế biến bột sữa cao cấp với công suất 32.000 tấn/năm. Miraka dự kiến đi vào hoạt động vào Quý 3 năm 2011.

# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU QUẢN LÝ

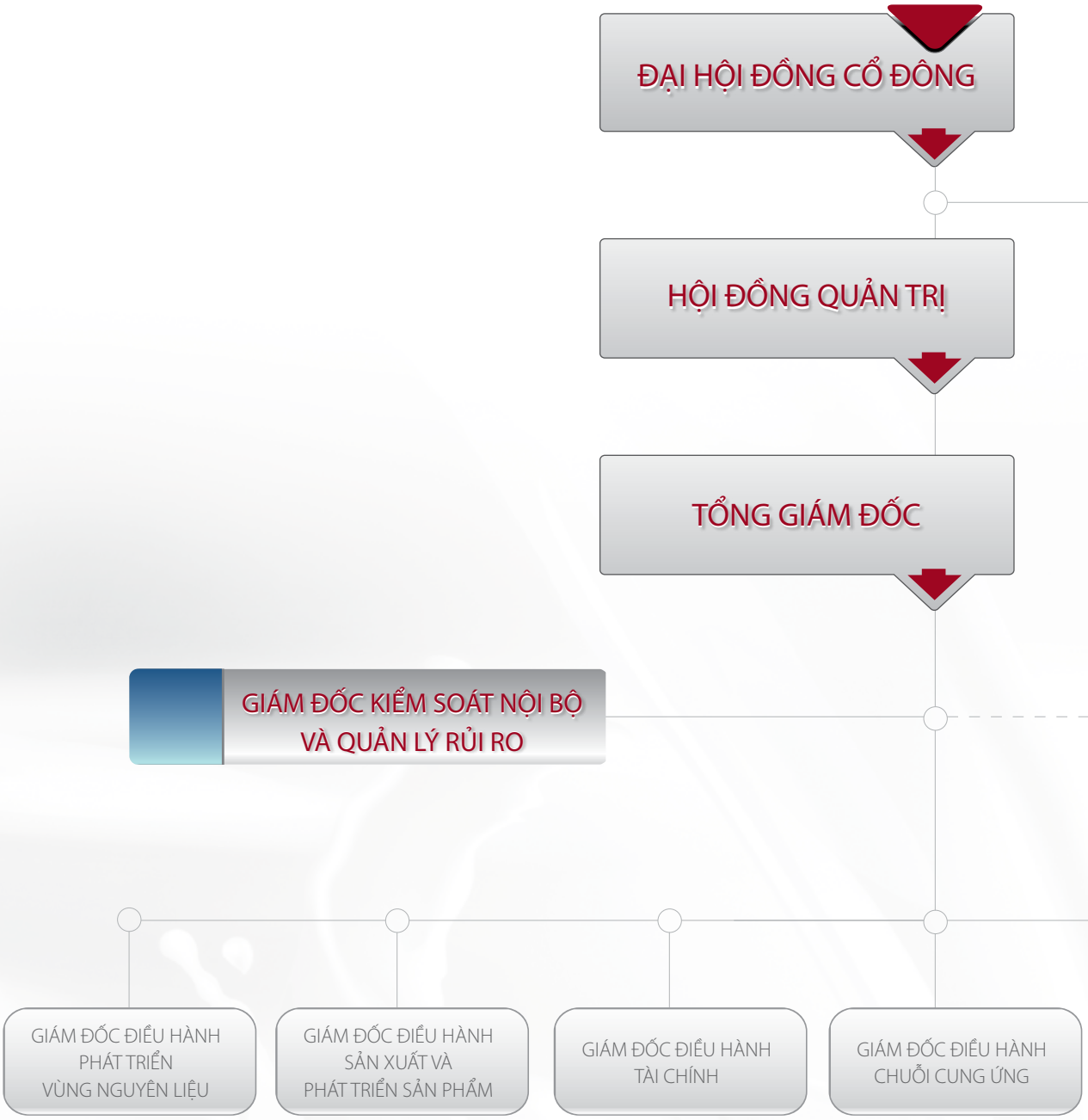

BAN KIỂM SOÁT
GIÁM ĐỐC KIỂM TOÁN NỘI BỘ
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH MARKETING
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH KINH DOANH
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH HÀNH CHÍNH NHÂN SỰ

"Hội đồng Quản trị ("HĐQT") của Công ty nhiệm kỳ 2007 - 2011 gồm có 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên HĐQT là độc lập. ĐHĐCĐ thường niên 2010 đã phê chuẩn Chủ tịch HĐQT đồng thời là Tổng Giám đốc.

Bà **MAI KIỀU LIÊN**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Kiêm Tổng Giám đốc

Từ tháng 8/1976 đến tháng 8/1980, Bà là kỹ sư công nghệ phụ trách sữa đặc có đường tại Nhà máy sữa Trường Thọ. Từ tháng 9/1980 đến tháng 2/1982, Bà là kỹ sư công nghệ tại phòng Kỹ thuật, Xí Nghiệp Liên hiệp Sữa - Cà phê và Bánh Kẹo I. Từ tháng 2/1982 đến tháng 6/1983, Bà là Phó Giám đốc Kỹ thuật phụ trách sản xuất tại Nhà máy sữa Thống Nhất. Sau khi hoàn tất khóa đào tạo tại Đại học Kinh tế Leningrad tại Liên Bang Xô Viết (nay là nước Nga), Bà được bổ nhiệm vào chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh tế tại Xí nghiệp Liên hiệp Sữa - Cà phê và Bánh Kẹo I. Tháng 12/1992, Bà được đề bạt vào vị trí Tổng Giám đốc Công ty Sữa Việt Nam. Ngày 14/11/2003, Bà được bầu vào HĐQT và tiếp tục được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc của Công ty. Tháng 3/2007, Bà tiếp tục được ĐHĐCĐ bầu vào HĐQT nhiệm kỳ 2007-2011.

Bà Liên tốt nghiệp Đại học từ năm 1976 về chế biến thịt và sữa tại Moscow, Nga. Bà cũng tốt nghiệp chứng chỉ quản lý kinh tế thuộc Đại học Kỹ sư Kinh tế Leningrad, Nga và chứng chỉ quản lý chính trị của Học viện chính trị Quốc gia, Việt Nam.

Năm 2005, bà Liên được Nhà nước phong tặng Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới.

Bà **NGÔ THỊ THU TRANG**
Thành viên HĐQT - Giám đốc điều hành Tài chính

Là Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Tài chính từ tháng 3/2005. Bà gia nhập Công ty từ năm 1985 với vị trí phân tích tài chính, đến tháng 1/1995 Bà giữ chức vụ Phó Phòng Kế toán Thống kê của Công ty Sữa Việt Nam. Bà giữ chức vụ này đến tháng 12/1997 và giữ chức vụ Trưởng phòng Kế toán Thống kê từ tháng 1 đến tháng 2/1998. Từ tháng 2/1998 đến tháng 3/2005, Bà giữ chức vụ Kế toán trưởng phụ trách phòng kế toán của Công ty Sữa Việt Nam. Tháng 3/2005, Bà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Tài chính. Kể từ 20/8/2009 chức vụ của bà Trang được đổi thành Giám đốc Điều hành Tài chính.

Bà Trang tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Tài chính Kế toán năm 1984, Đại học Tài chính Kế toán Thành phố Hồ Chí Minh. Bà cũng đã tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh năm 1998.

Ông **HOÀNG NGUYÊN HỌC**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Học tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh theo chương trình đào tạo giữa Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Pacific Western năm 2005. Ông đã có nhiều kinh nghiệm về quản lý doanh nghiệp trong thời gian công tác tại Bộ Tài chính Việt Nam. Từ 10/1999 đến 6/2003, Ông Học là Phó Cục trưởng Cục Tài chính Doanh nghiệp. Ông được bổ nhiệm là Cục trưởng Cục Tài chính Doanh nghiệp vào tháng 7/2003 và giữ chức vụ này đến tháng 10/2006.

Tháng 10/2006, Ông chuyển sang công tác tại Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC) và hiện đang giữ cương vị Phó Tổng Giám đốc của SCIC, phụ trách về các vấn đề đầu tư, nhân sự, tài chính và kế toán. Tháng 6/2008, Ông Học được Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm làm Ủy viên HĐQT của SCIC.

Ông **LÊ ANH MINH**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Minh tốt nghiệp Cử nhân ngành Quản Trị và Kinh Tế của Đại học Ngân Hàng năm 1991, tốt nghiệp cao học năm 1998 Quản trị Kinh Doanh trường kinh doanh Wharton thuộc Đại học Pennsylvania, Hoa Kỳ. Năm 1991, ông bắt đầu làm việc với công ty Peregrine Capital Việt Nam phụ trách về tài chính công ty và mảng đầu tư của các tổ chức tài chính. Trong thời gian đó, ông Minh đã hoàn thành việc tiếp quản lần đầu tiên tại Việt Nam một ngân hàng thương mại địa phương (NH Đại Nam) và tái cơ cấu thành công một năm sau đó. Ông là Phó Tổng Giám đốc ngân hàng Đại Nam từ năm 1994-1996, giám sát bộ phận Phát triển kinh doanh và phòng Tín dụng. Sau đó, Ông làm Giám đốc Tài chính 4 năm cho tập đoàn Coca Cola Đông Nam Á. Ông gia nhập công ty Dragon Capital Group Limited vào năm 2002 với chức danh Giám Đốc và chịu trách nhiệm chính các hoạt động về Tài chính công ty của Tập đoàn.

Ông **WANG ENG CHIN**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Wang là chuyên viên phát triển doanh nghiệp năm 1987 và 1988, là Giám đốc từ năm 1988 đến 1991. Ông Wang gia nhập F&N Foods Pte Ltd với chức vụ Giám đốc Kinh doanh năm 1991 đến 1997. Từ năm 1997 đến 2003, Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc của F&N Foods Pte Ltd và F&N Dairies (M) Sdn Bhd. Năm 2003, Ông trở thành Tổng Giám đốc phụ trách quản lý chung F&N Foods Pte Ltd và F&N Vietnam Foods và giữ vị trí này cho đến tháng 9/2006. Ngày 1/10/2006, Ông được bổ nhiệm làm quyền Giám đốc Điều hành phụ trách quản lý chung ngành thực phẩm và giải khát thuộc tập đoàn Fraser & Neave.

Ông tốt nghiệp Đại học Mississippi, Mỹ năm 1984, chuyên ngành Quản trị Kinh doanh và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh năm 1987.

Bà **MAI KIỀU LIÊN**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Kiêm Tổng Giám đốc

(Xem phần "HĐQT" - Kinh nghiệm và chuyên môn của HĐQT để biết thông tin về bà **Mai Kiều Liên** trang 24)

Bà **NGÔ THỊ THU TRANG**
Thành viên HĐQT - Giám đốc điều hành Tài chính

(Xem phần "HĐQT" - Kinh nghiệm và chuyên môn của HĐQT để biết thông tin về bà **Ngô Thị Thu Trang** trang 24)

Bà NGUYỄN THỊ THANH HÒA
Giám đốc điều hành chuỗi cung ứng

Từ năm 1978 đến tháng 6/1983, Bà Hòa là giảng viên tại Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, Bà gia nhập Công ty năm 1983 với vị trí kỹ sư chế biến tại Nhà máy Sữa Trường Thọ. Bà giữ chức Phó Giám đốc, rồi Giám đốc Nhà máy Sữa Trường Thọ từ tháng 7/1991 đến 1999. Tháng 12/1999, Bà Hòa được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc của Công ty. Kể từ 20/8/2009, chức vụ của bà Hòa được đổi thành Giám đốc điều hành Chuỗi cung ứng. Bà hiện đang phụ trách phòng kế hoạch, xuất nhập khẩu, dịch vụ khách hàng, và các xí nghiệp kho vận của Công ty.

Bà Hòa tốt nghiệp Cử nhân Đại học Công nghệ Chế biến Thịt và Sữa Maxtcơva 1978 (nay là trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Công nghệ Sinh học Ứng dụng Maxtcơva), chuyên ngành kỹ thuật chế biến sữa.

Bà NGUYỄN THỊ NHƯ HẰNG
Giám đốc điều hành phát triển vùng nguyên liệu

Bà Hằng gia nhập Công ty năm 1981 và giữ chức vụ Phó phòng Tiêu thụ cho đến năm 2001. Bà được đề bạt làm Giám đốc Xí nghiệp Kho vận từ tháng 8/2001 đến tháng 12/2002. Bà Hằng được thăng chức làm Phó Tổng Giám đốc vào tháng 1/2003, phụ trách phòng dự án. Từ tháng 7/2006, Bà Hằng phụ trách mảng dịch vụ khách hàng và sau đó là lĩnh vực phát triển trang trại bò sữa và phát triển vùng nguyên liệu sữa tươi cho Công ty. Tháng 7/2007, Bà Hằng cũng được bổ nhiệm làm Giám đốc công ty con là Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam. Kể từ 20/8/2009 chức vụ của bà Hằng được đổi thành Giám đốc Điều hành phát triển vùng nguyên liệu.

Bà Hằng tốt nghiệp Cử nhân Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 1999, chuyên ngành Quản trị Kinh doanh.

Ông TRẦN MINH VĂN
Giám đốc điều hành dự án

Từ năm 1990 đến tháng 7/1994, Ông Văn là Phó Giám đốc Nhà máy Sữa Thống Nhất. Tháng 8/1994 đến tháng 6/2006, Ông giữ chức vụ Giám đốc Nhà máy Sữa Thống Nhất. Ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách phòng Dự án từ tháng 7/2006. Tháng 12/2006, Ông Văn cũng được bổ nhiệm làm Giám đốc công ty con của Vinamilk là Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế. Kể từ 20/8/2009, chức vụ của ông Văn được đổi thành Giám đốc Điều hành- phụ trách Khối Dự án.

Ông Văn tốt nghiệp Kỹ sư Cơ khí, Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh năm 1981. Ông cũng tốt nghiệp Cử nhân Quản trị Kinh doanh - Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 1994, Cử nhân Luật- Đại học Luật Hà Nội, chuyên ngành Luật Thương mại năm 2001 và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2003.

## Ông NGUYỄN QUỐC KHÁNH
Quyền Giám đốc điều hành sản xuất và phát triển sản phẩm

Giữ chức vụ Quyền Giám Đốc Điều Hành Sản Xuất và Phát Triển Sản Phẩm từ tháng 09/2009, hiện ông đang phụ trách các nhà máy và Trung tâm Nghiên cứu dinh dưỡng & Phát triển sản phẩm của Công ty. Ông Khánh gia nhập công ty từ tháng 01 năm 1988 với vị trí KCS tại phòng Kiểm Nghiệm của nhà máy Sữa Thống Nhất. Đến 1996 Ông Khánh giữ chức vụ Phó Quản Đốc Phân Xưởng Sản Xuất, và là Quản Đốc Phân Xưởng Sản Xuất của nhà máy Sữa Thống Nhất vào năm 1998. Năm 2003 Ông Khánh được điều động giữ chức vụ Quyền Giám Đốc nhà máy Sữa Cần Thơ. Năm 2004 ông được bổ nhiệm vào vị trí Giám Đốc nhà máy Sữa Cần Thơ và giữ chức vụ này đến 09/2009.

Ông Khánh tốt nghiệp Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh năm 1987 chuyên ngành Kỹ thuật Hoá học và Thực phẩm. Ông cũng tốt nghiệp Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 1997 chuyên ngành Quản trị Kinh doanh và Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2001 chuyên ngành Ngữ văn Anh.

## Bà NGUYỄN HỮU NGỌC TRÂN
Quyền Giám đốc điều hành marketing

Bà Trân gia nhập Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam tháng 7 năm 2008 với vị trí Giám đốc Hoạch định Chiến lược Marketing. Tháng 8 năm 2009 bà được bổ nhiệm vào vị trí Quyền Giám Đốc điều hành Marketing, chịu trách nhiệm hoạch định chiến lược phát triển Marketing của các ngành hàng Sữa và Nước giải khát. Trước đó, bà Trân đã từng đảm nhiệm vị trí Giám đốc Marketing tại công ty Pepsi Việt Nam từ năm 2003 và năm 2005, bà được điều chuyển sang công ty Pepsi Malaysia trong vai trò Giám Đốc Marketing.Trước khi gia nhập Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam, bà Trân cũng đã từng công tác tại tập đoàn Tân Hiệp Phát với vị trí Giám đốc Marketing.

Bà Trân tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế trường Đại học Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh.

## Ông PHẠM PHÚ TUẤN
Quyền Giám đốc điều hành kinh doanh

Ông Tuấn gia nhập Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam tháng 9 năm 2008 với vị trí Giám đốc Phát triển Khách hàng và được đề bạt vào vị trí Quyền Giám đốc Điều hành Kinh doanh tháng 9 năm 2009. Nhiệm vụ của ông Tuấn là hoạch định chiến lược kinh doanh và phân phối, đặc biệt là tập trung vào việc xây dựng hệ thống phân phối trở thành một trong những lợi thế cạnh tranh đảm bảo cho sự phát triển ổn định và lâu dài của Vinamilk. Trước khi tham gia Vinamilk, ông Tuấn đã đảm nhiệm các vị trí quản lý cao cấp về tài chính và kinh doanh tại các công ty đa quốc gia tại Việt Nam như PepsiCo (1993-2002), Kimberly Clark (2002-2003), và Interflour (2003-2005).

Ông Tuấn tốt nghiệp cử nhân Đại học Tài chính Kế toán TP.HCM năm 1991 và tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Đại học Texas, Dallas, năm 2007.

Bà NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI
Trưởng Ban Kiểm soát

Là thành viên BKS từ tháng 3/2007. Từ năm 1993 đến 1997, Bà Mai giữ chức vụ Trưởng Bộ phận Tín dụng Thương mại Quốc tế và Trưởng Bộ phận Tín dụng Doanh nghiệp tại ngân hàng ANZ, chi nhánh Hà Nội. Từ năm 1999 đến 2003, Bà là Chuyên viên Bộ phận Tín dụng Đầu tư Khối Khách hàng Doanh nghiệp, sau đó giữ chức vụ Trưởng Bộ phận Tín dụng Cấu trúc Khối Thương mại Quốc tế và Hàng hóa, phụ trách lĩnh vực quản lý quan hệ doanh nghiệp thuộc bộ phận doanh nghiệp, chiến lược ngân hàng quốc tế, cấu trúc sản phẩm, tài chính thương mại và quản lý tín dụng khu vực Châu Á tại ngân hàng Đầu tư ANZ Singapore. Từ năm 2004 đến 5/2007, Bà giữ chức vụ Quản trị viên cao cấp tại văn phòng đại diện của Công ty TNHH Tư vấn Openasia Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 6/2007, Bà được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc tài chính doanh nghiệp phụ trách lĩnh vực tư vấn tài chính tại Công ty TNHH Tư vấn Openasia Việt Nam.

Bà Mai tốt nghiệp cử nhân Đại học Ngoại ngữ Hà Nội năm 1991, chuyên ngành Anh Văn và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của Đại học Melbourne năm 1999.

Ông NGUYỄN ANH TUẤN
Thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát từ năm 3/2008. Ông Tuấn là sáng lập viên, chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Trang thiết bị Y tế Cổng Vàng từ năm 2004. Ông Tuấn cũng là thành viên HĐQT bệnh viện tim Tâm Đức. Từ năm 1990 đến năm 1992, Ông là cán bộ phòng nghiên cứu tín dụng tiền tệ tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Từ năm 1992 đến 1994, Ông là cán bộ kinh doanh Công ty Vàng bạc Đá quý, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Năm 1994, Ông chuyển sang làm nhân viên kinh doanh tại văn phòng đại diện Taisei Corporation của Nhật và công tác tại đây đến năm 1997. Năm 1999, ông tham gia vào công ty Johnson & Johnson Medical, Mỹ ở cương vị Giám đốc Marketing khu vực ASEAN đến năm 2004.

Ông Tuấn tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại Đại học American, Washington D.C., Mỹ.

Ông NGUYỄN TRUNG KIÊN
Thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát từ năm 3/2009, ông Kiên là sáng lập viên và là Giám đốc điều hành của TNK Capital tại Việt Nam từ đầu năm 2008 đến nay. Từ năm 2001, ông là chuyên viên phân tích về mua bán sáp nhập công ty và tài chính doanh nghiệp tại Ngân hàng Đầu tư Credit Suisse First Boston, Singapore. Sau đó, ông Kiên chuyển sang làm chuyên viên về cấu trúc tài chính tại chi nhánh Ngân hàng Commonwealth Bank của Úc ở New York, Mỹ. Từ năm 2004 đến 2005, ông là chuyên viên cao cấp trong bộ phận phát triển doanh nghiệp, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động mua bán sáp nhập của ngân hàng OCBC, Singapore. Sau đó, ông chuyển sang làm chuyên viên cao cấp về đầu tư cho tập đoàn Temasek Holdings, Singapore.

Ông tốt nghiệp Cử nhân Tài chính Ứng dụng, ĐH Macquarie, Úc và sau đó lấy bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, ĐH Chicago, Mỹ.

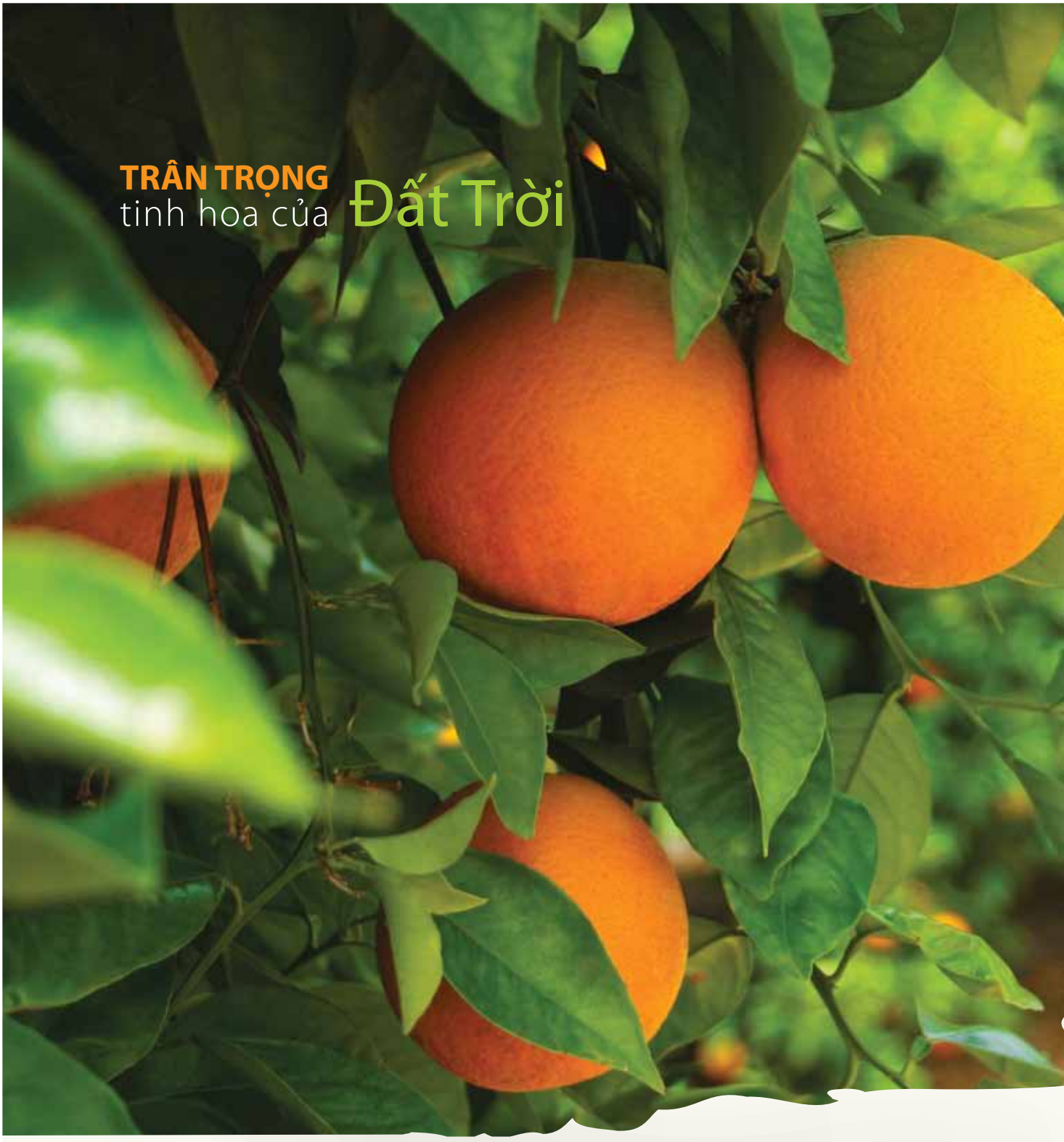


# Báo cáo của Ban điều hành

- Tổng quan hoạt động kinh doanh
- Hệ thống phân phối
- Danh mục nhãn hiệu

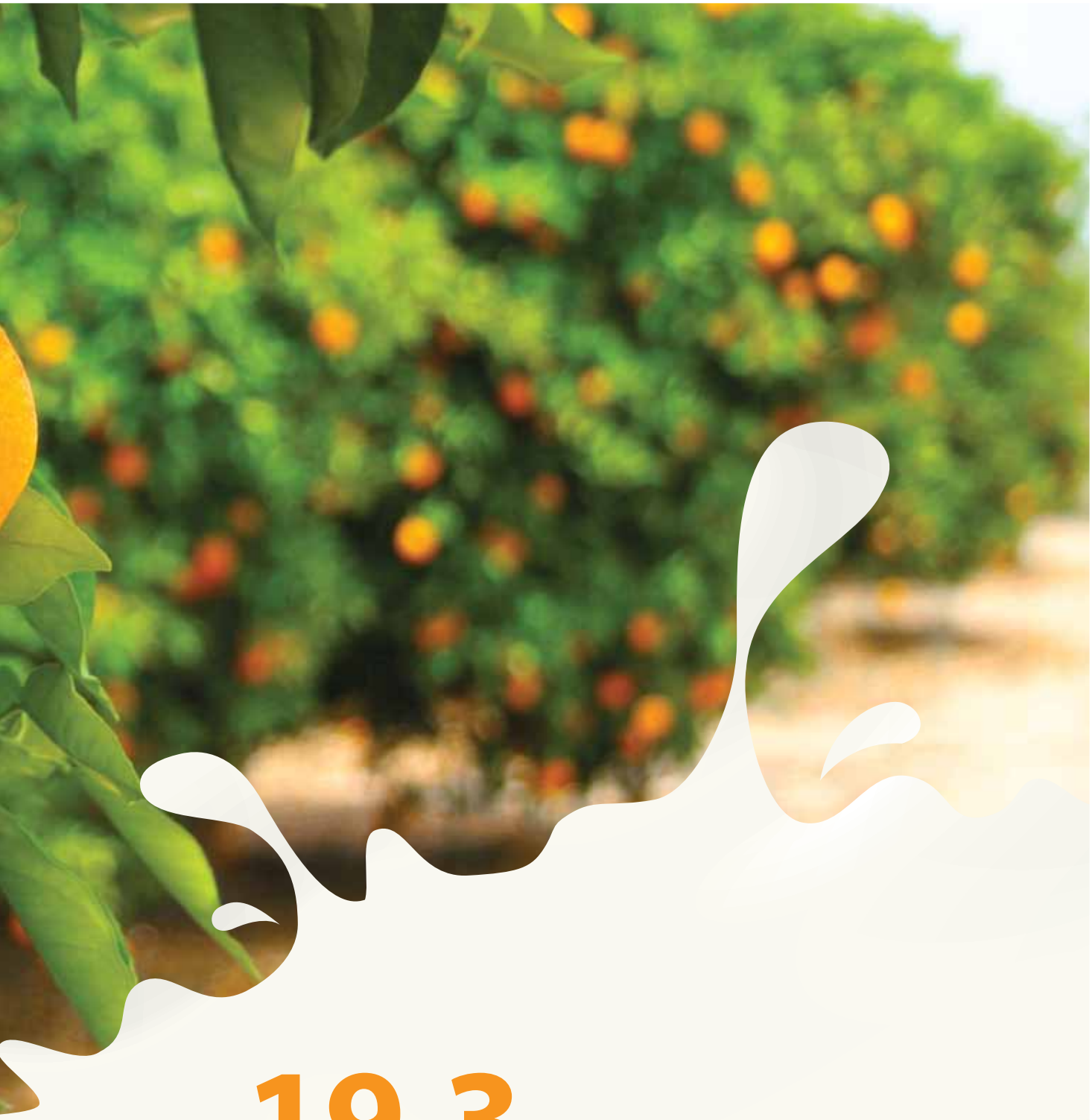

# 19,3% cổ phần

## Công ty Miraka Limited, New Zealand

Vinamilk mua cổ phần của Công ty Miraka, hiện đang đầu tư dự án nhà máy chế biến sữa chất lượng cao tại trung tâm Đảo Bắc của New Zealand. Nhà máy sẽ thu mua sữa tươi từ các nông dân tại vùng Taupo và sản xuất các sản phẩm sữa chất lượng cao bán ra thị trường quốc tế. Nhà máy có công suất thiết kế là 32.000 tấn bột sữa một năm, với tổng vốn đầu tư là 121 triệu đô la New Zealand, tương đương với 1.623 tỉ đồng Việt Nam, sẽ hoạt động vào tháng 8 năm sau. Đây là dự án đầu tư ra nước ngoài đầu tiên của Vinamilk.

DOANH THU **16.081** TỶ

TĂNG 49% SO VỚI NĂM 2009

"Doanh thu của Vinamilk tiếp tục tăng mạnh trong năm 2010 với tỷ lệ tăng trưởng 49% so với cùng kỳ, trong đó doanh thu nội địa tăng 50% và doanh thu xuất khẩu tăng 40%.

Mặc dù năm 2010 còn nhiều khó khăn, nhưng với nỗ lực của Công ty và sự tin tưởng của người tiêu dùng, Công ty đã đạt được kết quả cao nhất từ trước đến nay. Các chỉ tiêu về doanh số và lợi nhuận của ĐHĐCĐ đặt ra đầu năm Công ty đều vượt kế hoạch.

Thị phần ngày càng được củng cố và mở rộng. Thị trường nội địa là chủ lực chiếm 90% tổng doanh số và thị trường xuất khẩu đóng góp 10% tổng doanh số. Các nhóm ngành hàng của Công ty như sau:

- Nhóm sữa bột và bột dinh dưỡng
- Nhóm sữa đặc
- Nhóm sữa nước và sữa chua uống
- Nhóm sữa chua ăn
- Nhóm kem, phô mai và nước giải khát

## Sữa bột và bột dinh dưỡng

Sản phẩm được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Cùng với chương trình khuyến khích người Việt Nam dùng hàng Việt Nam, cơ hội phát triển và tăng trưởng của nhóm hàng này rất tiềm năng. Doanh số năm 2010 tăng trưởng 56% so với năm 2009.

## Sữa đặc

Đây là sản phẩm truyền thống của Công ty được người tiêu dùng biết đến với thương hiệu sữa đặc "Ông Thọ" và "Ngôi Sao Phương Nam". Sản phẩm này cũng được tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Mặc dù thị trường sữa đặc tăng trưởng chậm nhưng sữa đặc của Vinamilk tăng trưởng 28% so với 2009.

## Sữa nước và sữa chua uống

Đây là ngành hàng chủ lực tăng trưởng 55% so với năm 2009.

Trong năm 2010, Công ty đã giới thiệu đến người tiêu dùng sản phẩm sữa thanh trùng với công nghệ ly tâm tách khuẩn, đây là công nghệ tiên tiến bật nhất thế giới hiện nay.

Ngoài ra, Công ty còn giới thiệu đến người tiêu dùng các sản phẩm sữa tiệt trùng có bổ sung vi chất cần thiết cho sự phát triển của người tiêu dùng Việt Nam.

## Sữa chua ăn

Đây là sản phẩm có lợi thế cạnh tranh tốt của Vinamilk. Với thương hiệu mạnh, sữa chua ăn Probiotics bổ sung vi khuẩn có lợi cho đường ruột và các sản phẩm sữa chua ăn nha đam, trái cây,... cùng với hệ thống phân phối mạnh và rộng khắp đã tạo nên thế mạnh cho sản phẩm này. Người tiêu dùng ngày càng ưa chuộng sản phẩm sữa chua ăn Vinamilk. Sữa chua ăn tăng trưởng 60% so với năm 2009.

# 140.000

## ĐIỂM BÁN LẺ TRÊN TOÀN QUỐC

Hệ thống phân phối của Công ty luôn được củng cố và duy trì. Thị trường nội địa vẫn là thị trường chính đóng góp khoảng 90% tổng doanh thu. Thị trường xuất khẩu đóng góp 10% doanh số và chủ yếu là xuất đi các thị trường truyền thống như các nước thuộc khu vực Trung Đông, Campuchia, Lào, Philippines.

Vinamilk sở hữu một hệ thống phân phối mạnh, bền vững và rộng khắp cả nước. Tổng số điểm bán lẻ trong năm 2010 khoảng 140.000 điểm bán lẻ trên toàn quốc.



MÔ HÌNH PHÂN PHỐI THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA:

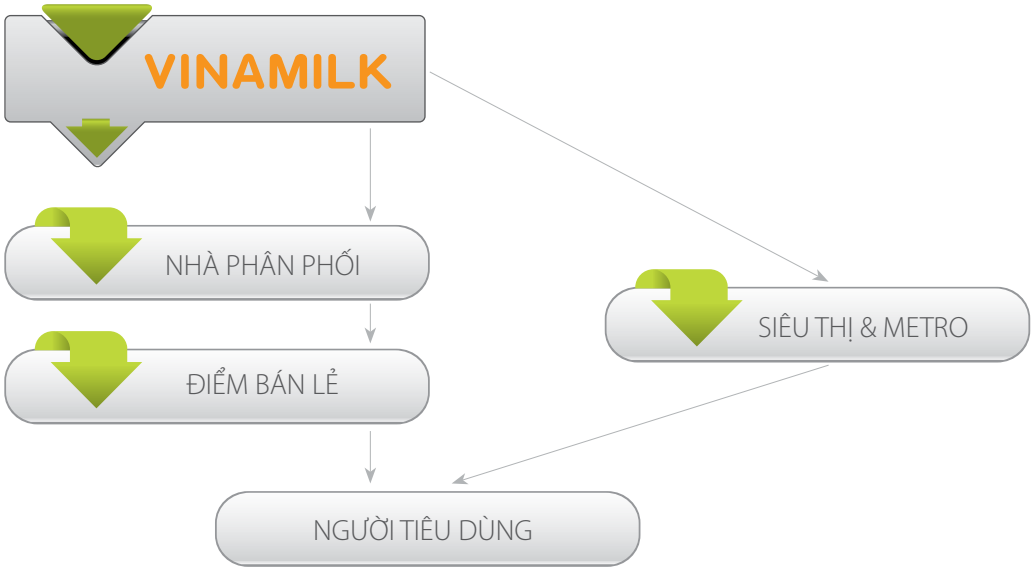

Nhớ mua thêm Vinamilk 100% Mẹ nhé.
VINAMILK
100%
Sữa tươi
nguyên chất

## Sữa nước cho GIA ĐÌNH

### SỮA TƯƠI NGUYÊN CHẤT

Được làm từ 100 % sữa tươi nguyên chất chứa đựng những dưỡng chất cần thiết và thuần khiết nhất từ thiên nhiên, mang đến cho bạn một sức sống dồi dào để thưởng thức trọn vẹn một cuộc sống tươi đẹp.

### SỮA TIỆT TRÙNG FLEX

Ít béo và giàu canxi, Flex là nguồn dưỡng chất lý tưởng để cơ thể bạn luôn cân đối, khỏe khoắn năng động và tràn đầy sức sống.

## Sữa nước cho TRẺ EM

### SỮA TIỆT TRÙNG MILK KID

Được sản xuất từ sữa bò tươi nguyên chất, giàu canxi và khoáng chất, được xử lý bằng công nghệ tiệt trùng hiện đại: sữa tươi được tiệt trùng ở nhiệt độ cao trong thời gian cực ngắn (3 giây) nên sản phẩm bảo toàn được tất cả các vitamin và khoáng chất, hàm lượng canxi trong sữa với tỷ lệ D/Ca tối ưu, được bổ sung DHA giúp trẻ phát triển cao lớn, mạnh khỏe, nhanh nhẹn và thông minh.

## Sữa chua uống

Có 2 dòng sản phẩm là Sữa chua uống Vinamilk và Sữa chua uống SUSU với nhiều hương vị khác nhau. Sữa chua là sản phẩm có lợi cho hệ thống tiêu hóa và mang lại nguồn dinh dưỡng tốt cho sức khỏe.

## Sữa tiệt trùng

### VINAMILK - FINO

Cung cấp dưỡng chất thiết yếu cho cả gia đình, giúp gia đình bạn thưởng thức cuộc sống tươi đẹp trọn vẹn.

### SỮA TƯƠI THANH TRÙNG 100% VINAMILK

Với công nghệ ly tâm tách khuẩn, cùng phương pháp thanh trùng tinh tế ở 75$^{0}$C trong 30 giây, sữa tươi thanh trùng Vinamilk 100% giữ trọn vẹn dưỡng chất từ Sữa bò tươi nguyên chất.

Thật thơm ngon và bổ dưỡng!

# SỮA CHUA ĂN

## 1. SỮA CHUA ĂN PROBI BỔ SUNG LỢI KHUẨN PROBIOTICS

Sữa chua ăn Vinamilk Probi được bổ sung Probiotic giúp tăng cường khả năng miễn dịch, để cơ thể luôn khỏe mạnh và luôn tràn đầy sức sống.

Men sống Probiotic trong Sữa chua ăn Vinamilk Probi sẽ bổ sung trực tiếp hàng tỉ những lợi khuẩn cho đường ruột, làm ức chế những vi khuẩn có hại, giúp tăng cường khả năng miễn dịch.

Sữa chua ăn Vinamilk Probi - thực phẩm thiết yếu giúp tăng cường miễn dịch mỗi ngày

## 2. SỮA CHUA ĂN CÓ ĐƯỜNG

Với hương vị thơm béo từ sữa nguyên chất, Sữa chua ăn Vinamilk có Đường cung cấp cho bạn nguồn năng lượng dồi dào khi mệt mỏi hay căng thẳng.

## 3. SỮA CHUA ĂN NHA ĐAM

Sữa chua ăn Vinamilk Nha Đam không chỉ là món ăn ngon miệng mà còn vô cùng bổ dưỡng đối với làn da vì giàu vitamin A và E giúp da mịn màng, đồng thời chứa selenium giúp ngăn ngừa quá trình lão hóa.

Hãy khám phá bí mật của làn da mịn màng trong từng muỗng sữa chua ăn Vinamilk Nha Đam!

## 4. SỮA CHUA ĂN DÂU

Hương vị thơm ngon của dâu tươi và mứt dâu trong Sữa chua ăn Vinamilk Dâu sẽ đem đến cho bạn cảm giác ngon miệng và một làn da tươi tắn mịn màng.

## 5. SỮA CHUA ĂN KEFIR

Sữa chua ăn Vinamilk Kefir được làm từ loại men đặc biệt Kefir giúp:

- Giảm Cholesterol, giảm stress.
- Kích thích hệ thống miễn dịch, ức chế vi khuẩn có hại.
- Rất thích hợp cho người bệnh tiểu đường.

## 6. SỮA CHUA ĂN TRÁI CÂY

Sữa chua ăn Vinamilk Trái Cây có chứa mứt trái cây tổng hợp cho bạn cảm giác tươi mát, sảng khoái như đang hòa mình vào thiên nhiên.

## 7. SỮA CHUA ĂN SUSU CÓ ĐƯỜNG

Sữa chua ăn SuSu rất tốt cho bé vì có bổ sung chất xơ hòa tan Prebiotic tạo nên môi trường tốt để các vi sinh có lợi trong đường ruột phát triển, điều hòa tiêu hóa, tăng khả năng hấp thụ canxi…

Với Sữa chua ăn SuSu, bé sẽ khỏe mạnh, vui vẻ mỗi ngày.

## 8. SỮA CHUA ĂN KHÔNG ĐƯỜNG

Với hương vị thơm béo từ sữa nguyên chất & ít năng lượng, Sữa chua ăn Vinamilk Không Đường rất phù hợp cho những người ăn kiêng và người bị bệnh tiểu đường.

# SỮA CHUA MEN SỐNG PROBI

Sữa chua men sống Vinamilk Probi là sản phẩm sữa chua lên men từ hàng tỉ men sống Lactobacillus Casei, hoạt động tích cực trong hệ tiêu hóa, giúp:

- Tăng cường sức đề kháng cho hệ tiêu hóa.
- Giúp thanh lọc độc chất từ thực phẩm và môi trường bên ngoài.
- Hấp thu tối đa các chất dinh dưỡng.

Uống sữa chua men sống Vinamilk Probi mỗi ngày là cách tự nhiên nhất cho một hệ tiêu hóa khỏe khoắn và tăng cường miễn dịch cho cơ thể.

# SỮA BỘT

## SỮA BỘT DÀNH CHO BÀ MẸ MANG THAI VÀ CHO CON BÚ

### DIELAC MAMA - HỢP CHO MẸ, TỐT CHO CON

Sữa Bột Dielac Mama được nghiên cứu dành riêng cho phụ nữ trong thời kỳ mang thai và cho con bú. Không chỉ dễ uống, phù hợp với khẩu vị của các bà mẹ mang thai Việt Nam mà Dielac Mama còn cung cấp các dưỡng chất cần thiết cho sức khỏe của mẹ và sự phát triển toàn diện của bé

## SỮA BỘT DÀNH CHO TRẺ BIẾNG ĂN VÀ SUY DINH DƯỠNG

### DIELAC PEDIA - CHO TRẺ BẮT KỊP ĐÀ TĂNG TRƯỞNG

Dielac Pedia với sự kết hợp giữa Bifidobacterium BB-12 và chất xơ hòa tan (FOS) tăng cường miễn dịch và ức chế sự phát triển của các vi khuẩn có hại, nuôi dưỡng và làm giàu các vi khuẩn có lợi giúp đường ruột hoạt động tốt hơn, gia tăng khả năng hấp thu tối ưu của trẻ. Đồng thời, chất Inositol giúp quá trình vận chuyển các chất dinh dưỡng qua màng tế bào tốt hơn hỗ trợ bé hấp thu tối ưu dưỡng chất cần thiết để bắt kịp đà tăng trưởng.

## SỮA BỘT DÀNH CHO TRẺ EM

### DIELAC ALPHA - SỰ LỰA CHỌN THÔNG MINH

Công thức độc quyền Alpha bổ sung Sữa non Colostrum, DHA, Choline, Omega 3, Omega 6 và các dưỡng chất cần thiết khác nhằm cung cấp cho trẻ một năng lượng sống mạnh mẽ và bảo vệ bé khỏi tác nhân gây bệnh.

**Dielac Alpha Step 1:** Sữa bột dành cho trẻ em từ 0-6 tháng tuổi.

**Dielac Alpha Step 2:** Sữa bột dành cho trẻ em từ 6-12 tháng tuổi.

**Dielac Alpha 123:** Sữa bột dành cho trẻ em từ 1-3 tuổi.

**Dielac Alpha 456:** Sữa bột dành cho trẻ em từ 4-6 tuổi.

## SỮA BỘT DÀNH CHO TRẺ BIẾNG ĂN VÀ SUY DINH DƯỠNG

### VINAMILK CANXI

SỮA BỘT ÍT BÉO, GIÀU CANXI, GIÚP XƯƠNG CHẮC KHỚP KHỎE

Sữa bột Vinamilk Canxi với tỉ lệ kết hợp vượt trội giữa Canxi và Phốt Pho, cùng với Vitamin D & FOS, giúp hấp thu Canxi tối đa, tạo hệ xương vững chắc. Ngoài ra, sản phẩm được bổ sung đạm Collagen thủy phân giúp nuôi dưỡng, củng cố các khớp xương và sụn, nhờ vậy giúp khớp thêm khỏe mạnh, dẻo dai. Xua tan nỗi lo xương khớp, với Vinamilk Canxi, người trên 30 tuổi vẫn tận hưởng một cuộc sống năng động và hạnh phúc.

### DIELAC SURE

SẢN PHẨM DINH DƯỠNG ĐẶC BIỆT DÀNH CHO NGƯỜI BỆNH

Sản phẩm dinh dưỡng đặc biệt chứa hàm lượng đạm, béo cao, không chứa đường lactose, không chứa cholesterol nên thích hợp với người lớn tuổi, người dị ứng với đường lactose, và các bệnh nhân cần phục hồi sức khỏe nhanh.

## SỮA BỘT DÀNH CHO TRẺ BIẾNG ĂN VÀ SUY DINH DƯỠNG

### SỮA GIẢM CÂN VINAMILK

GIẢI PHÁP GIẢM CÂN HIỆU QUẢ VÀ AN TOÀN. TRUNG BÌNH GIẢM 3,9 KG SAU 06 TUẦN SỬ DỤNG

Dinh dưỡng đặc biệt giúp người thừa cân, béo phì kiểm soát cân nặng thông qua chế độ ăn kiêng, giảm ngưỡng no và hoàn toàn duy trì dinh dưỡng cho sinh hoạt hàng ngày. Sản phẩm đã được nghiên cứu lâm sàng tại Viện Dinh Dưỡng Quốc Gia, xác nhận hiệu quả giảm cân tốt, an toàn và phù hợp cho người Việt Nam.

## SỮA BỘT NGUYÊN KEM VINAMILK DINH DƯỠNG

### TĂNG CƯỜNG NĂNG LƯỢNG MỖI NGÀY

Sữa bột nguyên kem có đường Vinamilk Dinh Dưỡng không chỉ cung cấp đầy đủ các dưỡng chất căn bản như Đạm, Béo, Đường, Vitamin và Khoáng chất mà còn bổ sung các chất có tính năng đặc biệt như:

- MCT: là axit béo mạch trung bình, giúp chuyển hóa năng lượng nhanh, đáp ứng nhu cầu hoạt động của cơ thể.
- Chất xơ hòa tan (Oligofructose): phát triển hệ vi khuẩn có lợi cho đường ruột và hỗ trợ tiêu hóa tốt.
- Canxi + Vitamin D: Tỷ lệ cân đối giữa Canxi và Vitamin D trong sữa giúp cung cấp Canxi và tăng khả năng hấp thu Canxi.

## BỘT ĂN DẶM RIDIELAC ALPHA

### DINH DƯỠNG, THƠM NGON và AN TOÀN THỰC PHẨM

Bột ngũ cốc dinh dưỡng Ridielac Alpha là thực phẩm ăn dặm được nghiên cứu bởi TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DINH DƯỠNG và PHÁT TRIỂN VINAMILK theo tiêu chuẩn dinh dưỡng Quốc Tế và Nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị của Bộ Y Tế Việt Nam. Sản phẩm được sản xuất và kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm theo hệ thống HACCP và tiêu chuẩn RVA - Hà Lan, đảm bảo cho bé sự phát triển toàn diện về thể chất, trí não và vận động:

**Ridielac Alpha** với nhiều sản phẩm đa dạng thích hợp với từng giai đoạn phát triển của bé.

**Ridielac Alpha Gạo Sữa/Gạo Trái Cây**: Thức ăn dặm dành cho trẻ trong giai đoạn tập ăn từ 6 - 24 tháng tuổi.

**Ridielac alpha Thịt Heo Bó Xôi/ Thịt Heo Cà Rốt/ Thịt Gà Rau Củ**: Thức ăn dặm dành dành cho trẻ khám phá hương vị mới từ 7 - 24 tháng tuổi.

**Ridielac alpha Thịt bò - Rau Củ**: Thức ăn dặm dành dành cho trẻ khám phá hương vị mới từ 8 - 24 tháng tuổi.

# SỮA ĐẶC CÓ ĐƯỜNG

## SỮA ĐẶC CÓ ĐƯỜNG ÔNG THỌ

Nguồn dinh dưỡng cần thiết cho sự phát triển của bạn và gia đình bạn, được đặc chế để phục vụ nhu cầu đa dạng của mọi người như dùng để uống như một loại sữa khi pha với nước ấm đã đun sôi, dùng với bánh mì, làm yaourt, pha cà phê sữa, làm sinh tố…

## SỮA ĐẶC CÓ ĐƯỜNG NGÔI SAO PHƯƠNG NAM

Với thành phần chất béo từ dầu thực vật, không chứa Cholesterol rất thích hợp cho mọi lứa tuổi và đặc biệt tốt cho người ăn kiêng. Sữa đặc có đường Ngôi Sao Phương Nam sẽ là sự kết hợp tuyệt vời khi được dùng để chế biến bánh Flan, làm Yaourt và đặc biệt rất thích hợp khi dùng cà phê.

## KEM

Nhiều hương vị trái cây tự nhiên: dâu, sầu riêng, dừa, đậu xanh, khoai môn,…. được đóng gói trong bao bì 1 lít hoặc 450ml tiện lợi cho người tiêu dùng.

## PHÔ MAI

Phô mai Vinamilk được chế biến trên dây chuyền của Pháp, có giá trị dinh dưỡng rất cao.

Phô mai Vinamilk rất thích hợp với trẻ em đang lớn vì có hàm lượng canxi cao và lượng chất dinh dưỡng dồi dào.

Phô mai Vinamilk không sử dụng chất bảo quản thực phẩm và cần bảo quản lạnh trong quá trình vận chuyển và sử dụng.

Vfresh
Tốt tự nhiên

# THANH NHIỆT VÀ TƯƠI MÁT TỪ BÊN TRONG

Vfresh là một thương hiệu mạnh của Vinamilk chuyên về các sản phẩm nước trái cây nguyên chất, nước trái cây pha sữa nước giải khát (trà xanh, trà atiso, trà bí đao các loại. . .) và sữa đậu nành được phát triển từ thương hiệu Fresh đã được người tiêu dùng ưa chuộng từ hơn 10 năm nay.

# NƯỚC GIẢI KHÁT VFRESH

## SỮA ĐẬU NÀNH VFRESH

Sữa đậu nành Vfresh chứa 6,4 gram đạm đậu nành trên mỗi khẩu phần 200ml được Viện Dinh Dưỡng Quốc Gia chứng nhận đạt tiêu chuẩn TỐT CHO TIM MẠCH

Không chứa cholesterol, không chứa chất bảo quản và hương vị thơm ngon, sữa đậu nành Vfresh là thức uống bổ dưỡng tuyệt hảo cho bạn và cả gia đình mỗi ngày.

## NƯỚC ÉP TRÁI CÂY VFRESH 100% NGUYÊN CHẤT

100% nguyên chất, không chất bảo quản, hương vị thơm ngon, nước ép trái cây Vfresh là nguồn cung cấp Vitamin và khoáng chất từ đất mẹ thiên nhiên cho cơ thể khỏe mạnh và năng động mỗi ngày.

## NECTA VFRESH

Necta trái cây Vfresh với hương vị tuyệt hảo của trái cây tươi, đa dạng chủng loại bao bì mang lại cảm giác sảng khoái, tươi trẻ mỗi ngày.

## NƯỚC TRÁI CÂY PHA SỮA VFRESH

Nước trái cây pha sữa Vfresh Smoothies, sự kết hợp độc đáo giữa nước trái cây tươi thanh mát và vị sữa dịu nhẹ cho bạn 1 thức uống sóng sánh không chỉ có hương vị ngon tuyệt mà còn tốt hơn cho sức khỏe.

Với hộp giấy Tetra Prisma hoàn toàn mới và có nắp tiện dụng, bạn có thể thưởng thức Nước trái cây pha sữa Vfresh Smoothie mọi lúc mọi nơi.

## TRÀ XANH VFRESH

Trà xanh Vfresh có hàm lượng trà nguyên chất cao được làm từ 100% nguyên liệu thiên nhiên, không chất bảo quản, tốt cho sức khỏe.

Nguyên liệu tuyệt hảo: Vfresh được làm từ lá trà non được thu hoạch từ cao nguyên Bảo Lộc, nơi có thổ nhưỡng và khí hậu tốt nhất cho những lá trà ngon nhất.

## TRÀ BÍ ĐAO VFRESH

Trà bí đao Vfresh mới là sự kết hợp độc đáo giữa chất thanh nhiệt của bí đao tự nhiên đặc chế với Thạch trong suốt mang lại vị ngon lạ thường và sự ngạc nhiên thú vị với cảm giác sóng sánh trong miệng làm cho bạn chỉ muốn uống mãi không thôi.

## TRÀ ATISO VFRESH

Trà Vfresh Atiso là sản phẩm đầu tiên có mặt trên thị trường trong bao bì Pet tiện dụng và hiện đại.

Vfresh Trà thanh nhiệt Atiso có hàm lượng Atiso nguyên chất cao được chế biến từ atiso được chọn lọc trên cao nguyên Đà Lạt trong lành và mát mẻ. Trà Atiso Vfresh có tác dụng mát gan, giải nhiệt, thanh lọc cơ thể.

## Tháng 01/2010

Ký hợp đồng nhận chuyển nhượng 100% vốn từ Công ty TNHH Thực phẩm F&N Việt Nam, đổi tên thành Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Dielac.

## Tháng 02/2010

Ký hợp đồng chuyển nhượng nhà máy Café Sài Gòn cho Công ty Cổ phần Trung Nguyên.

## Tháng 04/2010

Mua thâu tóm Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn để trở thành Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn.



## Tháng 09/2010

Vinamilk nhận được giấy phép của Bộ Kế hoạch & Đầu tư cho phép Vinamilk đầu tư góp 12,5 triệu NZD (chiếm 19,3%) vào dự án sản xuất sữa bột tại Miraka Limited, New Zealand.

*Thương hiệu Quốc Gia*

*Giải thưởng Top 200*
*Doanh nghiệp tốt Châu Á*

# CÁC DANH HIỆU ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2010

1. Top 200 Doanh nghiệp tốt nhất Châu Á (Tạp chí Forbes bình chọn)
2. Top 5 Doanh Nhiệp tư nhất lớn Nhất Việt Nam 2010
3. Top 50 DN nộp thuế cao nhất năm 2010
4. Top 10 Thương Hiệu Nổi tiếng nhất Khu Vực (Supers brands)
5. Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2010
6. Thương Hiệu mạnh Việt Nam năm 2010
7. 1 trong 50 Thương Hiệu Quốc Gia
8. Sản phẩm được Người tiêu dùng ưa thích (sữa chua nha đam và sữa tươi 100%)
9. Thương Hiệu nổi tiếng Việt Nam năm 2010.
10. 1 trong 15 thương hiệu được nhận giải "Tự hào thương hiệu Việt"
11. Thương hiệu chứng khoán uy tín năm 2010
12. 1 trong 20 doanh nghiệp niêm yết tiêu biểu trên cả 2 sàn Hồ Chí Minh và Hà Nội

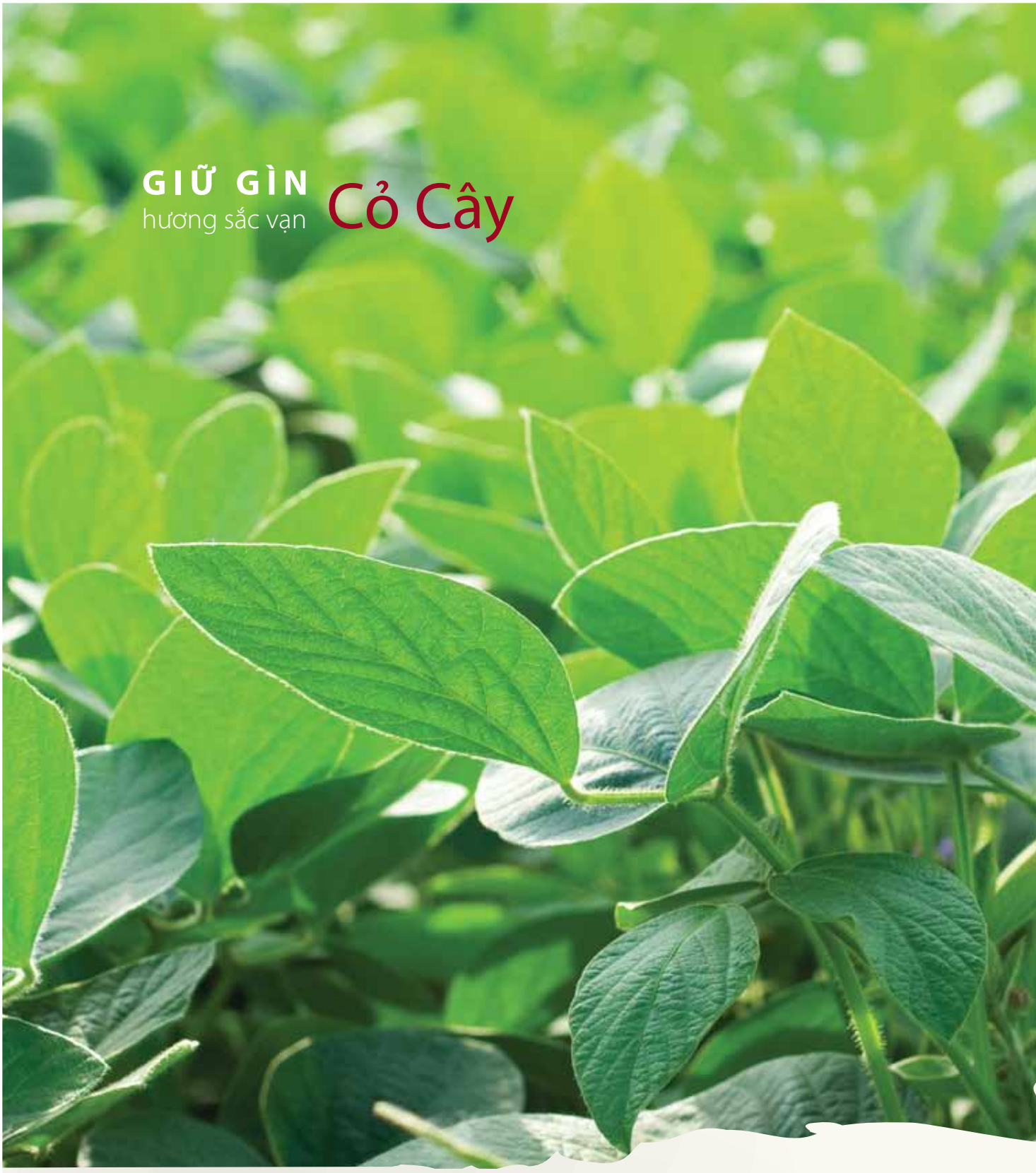


# Quản trị Doanh nghiệp

- Báo cáo quản trị
- Quản lý rủi ro
- Quan hệ nhà đầu tư

# 8.000.000 ly sữa

## CẢI THIỆN THỂ CHẤT CHO TRẺ EM NGHÈO

Theo những nghiên cứu được tiến hành trong những năm gần đây, chiều cao của trẻ em nước ta hiện đang thua kém khá xa với mặt bằng chung của khu vực và thế giới, điều này sẽ có ảnh hưởng đến tầm vóc phát triển của các thế hệ tương lai. Quỹ sữa "Vươn cao Việt Nam" có mục đích chia sẻ những khó khăn của trẻ em nghèo, có hoàn cảnh đặc biệt, bị suy dinh dưỡng. Đây là hoạt động mang tính chất xã hội của Vinamilk nhằm góp phần giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng trong cả nước.

Quản trị doanh nghiệp tốt là một trong những yếu tố góp phần vào sự phát triển bền vững của Vinamilk trong những năm qua. Ngoài yêu cầu tối thiểu về nội dung quả trị doanh nghiệp theo Thông tư 12/2007/QD-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 13 tháng 3 năm 2007 về "Quản trị doanh nghiệp áp dụng cho các tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam", Vinamilk luôn áp dụng các chuẩn mực và thông lệ quản trị doanh nghiệp quốc tế.



## A. CÁC VẤN ĐỀ VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ("HĐQT")

### CÁCH ĐIỀU HÀNH VÀ NHIỆM VỤ CỦA HĐQT

#### Trách nhiệm của HĐQT

Vinamilk được điều hành và quản lý bởi một HĐQT hiệu quả. HĐQT chịu trách nhiệm chung về đề ra tầm nhìn, định hướng và các mục tiêu chiến lược lâu dài của Công ty.

HĐQT chịu trách nhiệm chọn lọc, bổ nhiệm và đánh giá kết quả làm việc hàng năm của Tổng Giám đốc.

HĐQT đã xem xét và đề ra 5 giá trị cốt lõi: Chính trực, Tôn trọng, Công bằng, Tuân thủ và Đạo đức là những nguyên tắc cơ bản gắn liền với hình ảnh và uy tín của Công ty.

HĐQT làm việc rất chặt chẽ với Ban Điều hành để đạt được nội dung này và Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm báo cáo và giải trình cho HĐQT.

*Thành viên Hội đồng Quản trị*

## Qui mô HĐQT

HĐQT hiện tại bao gồm năm thành viên, phù hợp cho việc quản lý với qui mô hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinamilk. Số lượng thành viên HĐQT hiện tại là có khả năng đáp ứng đầy đủ các ý kiến đại diện trong HĐQT, đồng thời chú ý đến tính hiệu quả và khuyến khích sự trao đổi tích cực giữa các thành viên HĐQT.

## Nhiệm kỳ

HĐQT có nhiệm kỳ tối đa là 5 năm. Thành viên HĐQT cũng phải đệ trình cho Đại hội đồng Cổ đông để bầu chọn và bổ nhiệm lại tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông gần nhất hoặc ít nhất là 5 năm một lần. Điều lệ của Công ty qui định một phần ba thành viên HĐQT phải được bầu lại tại Đại Hội đồng cổ đồng hàng năm. Theo qui định này, Ông Wang Eng Chin và Ông Lê Anh Minh đã được bầu lại tại Đại Hội đồng cổ đông tổ chức vào tháng 3 năm 2010.

## Sự ủy quyền một số vấn đề của HĐQT

Nhằm tạo điều kiện cho việc quản lý hiệu quả, HĐQT đã giao quyền một số chức năng của mình cho các tiểu ban của HĐQT như sau:

- Tiểu ban Nhân sự
- Tiểu ban Đãi ngộ
- Tiểu ban Kiểm toán

Các tiểu ban này hoạt động theo các nguyên tắc, thông lệ rõ ràng và cụ thể. Mọi thành viên HĐQT có thể tham khảo ý kiến tư vấn độc lập và sử dụng sự đánh giá độc lập của mình khi ra quyết định.

## Phân cấp quản lý

Công ty đã áp dụng chế độ phân cấp quản lý, qui định các mức thẩm quyền cho từng nghiệp vụ cụ thể, bao gồm cả những nghiệp vụ thuộc thẩm quyền của HĐQT.

## Họp và tham dự các cuộc họp HĐQT

HĐQT họp định kỳ hàng quý trong năm. Các cuộc họp bất thường cũng được triệu tập khi có yêu cầu. Cuộc họp HĐQT có thể được tiến hành thông qua điện thoại, các phương tiện thông tin truyền thông trực tiếp hoặc điện báo. Mỗi thành viên HĐQT có thể lấy ý kiến tư vấn độc lập và đánh giá độc lập khi đưa ra quyết định của mình. Ban Kiểm soát cũng được thông báo và mời tham dự các cuộc họp của HĐQT.

Báo cáo ghi nhận sự tham gia của thành viên HĐQT tại các cuộc họp HĐQT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

| STT | Họ và tên | Số cuộc họp | Số lần tham dự |
|---|---|---|---|
| 1 | Bà Mai Kiều Liên | 6 | 6/6 |
| 2 | Bà Ngô Thị Thu Trang | 6 | 6/6 |
| 3 | Ông Hoàng Nguyên Học | 6 | 6/6 |
| 4 | Ông Dominic Scriven (*) | 1 | 1/1 |
| 5 | Ông Lê Anh Minh | 5 | 5/5 |
| 6 | Ông Wang Eng Chin | 6 | 6/6 |

*Ghi chú:*
(*) ĐHĐCĐ đã bầu Ông Lê Anh Minh vào thành viên HĐQT thay thế Ông Dominic Scriven vào ngày 27/03/2010 nên chỉ tham gia 01 cuộc họp trong năm.

Tất cả các cuộc họp của HĐQT đều có sự tham dự của Ban Kiểm soát.

## Thành phần và cơ cấu HĐQT

HĐQT gồm có ba thành viên không trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Không có một thành viên hoặc một nhóm thành viên thiểu số nào có ảnh hưởng chi phối các quyết định chung của HĐQT.

HĐQT gồm có các thành viên sau:

1. Bà Mai Kiều Liên : Chủ tịch
2. Bà Ngô Thị Thu Trang : Thành viên
3. Ông Hoàng Nguyên Học : Thành viên
4. Ông Lê Anh Minh : Thành viên
5. Ông Wang Eng Chin : Thành viên

Tiểu sử sơ lược của các thành viên HĐQT được nêu tại trang 24 -25 của báo cáo thường niên này.

Vinamilk có cơ cấu thành viên giàu năng lực và kinh nghiệm về lĩnh vực kinh doanh, tài chính, kế toán và quản trị doanh nghiệp, những con người có sự đánh giá khách quan độc lập đối với công việc, kinh nghiệm và sự đóng góp lớn lao cho Vinamilk.

## Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc

Chủ tịch HĐQT đồng thời cũng là Tổng Giám đốc của Công ty. Việc bổ nhiệm này được phê chuẩn bởi Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Chủ tịch là người đứng đầu HĐQT để bảo đảm truyền tải thông tin hiệu quả tới cổ đông, khuyến khích mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa HĐQT và ban quản lý của Công ty, và thúc đẩy nâng cao chuẩn mực quản trị Công ty.

## Tư cách thành viên HĐQT

Công ty duy trì một qui trình chính thức và minh bạch cho việc chọn lọc và bổ nhiệm thành viên mới vào HĐQT. Bất kỳ sự bổ nhiệm thành viên mới nào cũng phải trải qua một qui trình bổ nhiệm chính thức: HĐQT bổ nhiệm thành viên mới và sau đó sẽ đệ trình Đại Hội đồng cổ đông phê chuẩn chính thức sự bổ nhiệm này tại Đại Hội đồng cổ đông gần nhất.

## Đánh giá năng lực của HĐQT

Công ty duy trì sự đánh giá chính thức về hiệu quả làm việc của HĐQT nói chung và sự đóng góp của từng thành viên HĐQT.

## Hoạt động của các tiểu ban của HĐQT

Các hoạt động chính của các tiểu ban HĐQT trong năm 2010 như sau:

» Xây dựng chính sách thù lao cho HĐQT, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

» Xây dựng chương trình cổ phiếu của nhân viên theo kết quả kinh doanh. Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2006, chương trình cổ phiếu nhân viên được phát hành hàng năm trong suốt giai đoạn 2007 - 2011. Trong năm, Công ty đã phát hành cổ phiếu đợt 2 của chương trình này với tổng số phát hành là 1.806.820 cổ phiếu. Đợt phát hành cuối cùng của Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2006 sẽ được phát hành trong năm 2011.

» Triển khai dự án về xây dựng hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp (Enterprise Risk Management - ERM) với sự tư vấn của Công ty TNHH Ernst & Young. Các chính sách và quy trình về ERM sẽ chính thức được áp dụng tại Vinamilk từ năm 2010. Việc áp dụng ERM sẽ giúp Vinamilk xác định, đánh giá và xử lý rủi ro trong hoạt động kinh doanh tốt hơn.

» Hoàn thiện việc xây dựng cấu trúc lương theo hệ thống Mercer do Công ty kết hợp với công ty tư vấn TalentNet thực hiện. Việc xây dựng cấu trúc lương bao gồm hoàn thiện mô tả công việc cho các vị trí, hoàn tất đánh giá vị trí công việc để thành lập cấp bậc công việc (position class) cho từng vị trí công việc, xây dựng cấu trúc lương cạnh tranh trên thị trường so với các doanh nghiệp trong ngành tiêu dùng nhanh tại Việt Nam.

## Quyền truy cập thông tin

Các thành viên HĐQT được cung cấp một cách đầy đủ, kịp thời và thường xuyên các thông tin liên quan đến Công ty để họ có thể hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Ban Điều hành cung cấp thông tin một cách đầy đủ và kịp thời, cũng như xem xét kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trước khi tổ chức cuộc họp HĐQT.

HĐQT có quyền độc lập truy cập thông tin của Vinamilk từ các thành viên Ban Điều hành cao cấp và Thư ký của Công ty khi họ cần hiểu rõ về bất kỳ vấn đề liên quan đến hoạt động của Vinamilk.

Trước khi triệu tập họp HĐQT sẽ có thông báo kèm theo chương trình nghị sự đến HĐQT. Thư ký HĐQT sẽ tham gia tất cả các cuộc họp và đảm bảo rằng cuộc họp được tiến hành theo đúng thủ tục và qui định của pháp luật.

Thư ký của Công ty bao gồm:

» Ông Nguyễn Thanh Tú
*Chánh Văn phòng*

» Bà Lê Quang Thanh Trúc
*Trưởng Ban Đầu tư Tài chính*

Khi đề ra tiền lương, Tiểu ban Đãi ngộ xem xét đến các yếu tố về tiền lương và việc làm trong cùng ngành, so sánh với các công ty tương đương, kết quả hoạt động của Vinamilk nói chung và cũng như từng cá nhân thành viên Hội đồng Quản trị và nhân viên chủ chốt. Chương trình xét thưởng hàng năm cũng được áp dụng cho toàn nhân viên trong công ty.



## B. CÁC VẤN ĐỀ VỀ TIỀN THÙ LAO

### Chính sách Thù lao

Tiểu ban Đãi ngộ xem xét và đề xuất với HĐQT chính sách tiền lương phù hợp và cạnh tranh. Việc quyết định thù lao cho từng thành viên HĐQT, và lương cho Ban điều hành phải được phê chuẩn thông qua một qui trình chính thức và minh bạch. Không thành viên nào được tự quyết định mức lương của mình.

Tiểu ban Đãi ngộ gồm có:

| | |
|---|---|
| Ông Hoàng Nguyên Học : | Trưởng tiểu ban |
| Bà Ngô Thị Thu Trang : | Thành viên |
| Ông Lê Anh Minh : | Thành viên |

Tiểu ban Đãi ngộ đề xuất cho HĐQT phê chuẩn khung tiền thù lao cho từng thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT và lương của Tổng Giám đốc.

### Mức tiền lương và cơ cấu lương

Mức tiền lương cần phù hợp để thu hút, giữ và khích lệ thành viên HĐQT, Ban Điều hành để điều hành Vinamilk thành công. Một phần của tiền lương sẽ căn cứ vào kết quả hoạt động chung của Công ty và của từng cá nhân.

Khi đề ra tiền lương, Tiểu ban Đãi ngộ xem xét đến các yếu tố về tiền lương và việc làm trong cùng ngành, so sánh với các công ty tương đương, kết quả hoạt động của Vinamilk nói chung và cũng như từng cá nhân thành viên HĐQT và nhân viên chủ chốt. Chương trình xét thưởng hàng năm cũng được áp dụng cho toàn nhân viên trong Công ty.

Tiền thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát được Đại Hội đồng Cổ đông phê chuẩn hàng năm.

*Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát*

## Công bố tiền lương

Tiền lương của tất cả thành viên HĐQT và Ban Điều hành được công bố hàng năm. Nội dung công bố này giúp nhà đầu tư hiểu rõ mối liên hệ giữa tiền lương của Ban Điều hành, vị trí chủ chốt với thành tích của họ.

| Mức tiền lương | Lương % | Thưởng % | Thù lao % | Tổng cộng % |
|---|---|---|---|---|
| **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** | | | | |
| Bà Mai Kiều Liên (***) | 40 | 56 | 4 | 100 |
| Bà Ngô Thị Thu Trang (*) (**) | 37 | 53 | 10 | 100 |
| Ông Hoàng Nguyên Học (**) | - | - | 100 | 100 |
| Ông Dominic Scriven (**) | - | - | 100 | 100 |
| Ông Wang Eng Chin (**) | - | - | 100 | 100 |
| **BAN ĐIỀU HÀNH** | | | | |
| Ông Trần Minh Văn (*) | 42 | 58 | - | 100 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa (*) | 41 | 59 | - | 100 |
| Bà Nguyễn Thị Như Hằng (*) | 43 | 57 | - | 100 |
| Bà Nguyễn Hữu Ngọc Trân (*) | 43 | 57 | - | 100 |
| Ông Phạm Phú Tuấn (*) | 43 | 57 | - | 100 |
| Ông Nguyễn Quốc Khánh (*) | 48 | 52 | - | 100 |

(*) : Giám đốc Điều hành (**) : Thành viên HĐQT (***) : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

## C. TRÁCH NHIỆM VÀ KIỂM TOÁN

### Trách nhiệm

HĐQT chịu trách nhiệm trước các cổ đông của Công ty và Ban Điều hành chịu trách nhiệm trước HĐQT. HĐQT chịu trách nhiệm trình bày bảng đánh giá cân đối và có thể hiểu về tình hình và triển vọng của Công ty trong báo cáo thường niên và các báo cáo thường kỳ khác, chẳng hạn như báo cáo thường kỳ cho cơ quan chức năng theo qui định.

HĐQT họp định kỳ hàng quý nhằm xem xét và đánh giá kết quả hoạt động của Vinamilk. Báo cáo tài chính đầy đủ và tóm tắt hàng quý được gửi cho Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE"). Đại hội Đồng Cổ đông thường niên được tổ chức hàng năm để cổ đông phê chuẩn các chỉ tiêu kinh doanh của Công ty.

### Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát hoạt động theo quy chế và thông lệ được qui định bằng văn bản với nhiệm vụ và quyền hạn rõ ràng. Ban Kiểm soát xem xét phạm vi công việc và kết quả của kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập, hiệu quả chi phí, những vấn đề báo cáo tài chính trọng yếu và tính đầy đủ của hệ thống kiểm soát nội bộ cũng như tính hiệu lực của chức năng kiểm toán nội bộ của Công ty.



### Hướng dẫn 11.8 Công bố tên của các thành viên và hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra có ba thành viên với nhiệm kỳ năm năm. Nhiệm kỳ hiện tại là từ năm 2007 đến 2011. Tất cả các thành viên Ban kiểm soát không phải là nhân viên của Vinamilk.

| | |
|---|---|
| Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai | Trưởng ban |
| Ông Nguyễn Trung Kiên | Thành viên |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Thành viên |

Thành viên Ban Kiểm soát có đủ tư cách và năng lực để thực hiện nhiệm vụ của dựa trên kinh nghiệm và trình độ chuyên môn trong lĩnh vực liên quan về quản lý tài chính, kế toán.

Ban Kiểm soát có thẩm quyền kiểm tra bất kỳ vấn đề nào trong phạm vi trách nhiệm của họ, có đầy đủ quyền tiếp cận và làm việc với Ban Điều hành công ty, có quyền mời bất kỳ thành viên HĐQT, nhân sự quản lý tham dự cuộc họp với họ. Ban Kiểm soát có nguồn lực hợp lý để thực hiện chức năng của mình một cách hoàn chỉnh.

*Thành viên Ban Kiểm soát*







Hàng năm hoặc khi cần thiết, Ban Kiểm soát sẽ làm việc với Kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập mà không cần có sự tham gia của Ban Điều hành Công ty.

Ban Kiểm soát xem xét sự phù hợp về tính độc lập và khách quan của kiểm toán độc lập và đề xuất cho HĐQT và đề nghị bổ nhiệm lại kiểm toán độc lập. Ban Kiểm soát xem xét mức độ và tính độc lập của kiểm toán độc lập đối với các dịch vụ phi kiểm toán do kiểm toán độc lập thực hiện để đảm bảo rằng tính độc lập của kiểm toán độc lập đối với Công ty không bị ảnh hưởng.

## Kiểm soát Nội bộ

HĐQT đảm bảo rằng Ban Điều hành duy trì một hệ thống kiểm soát nội bộ đầy đủ và hoàn chỉnh nhằm bảo vệ tài sản của Vinamilk và vốn đầu tư của cổ đông.

Với sự trợ giúp của Kiểm toán Nội bộ, HĐQT và Ban Kiểm soát sẽ xem xét tính hiệu quả của các công cụ kiểm soát nội bộ chính yếu nhằm đảm bảo các hành động khắc phục được thực hiện kịp thời. Thủ tục chính thức được áp dụng cho cả kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập trong việc lập báo cáo kết luận và đề xuất ý kiến cho Ban Điều hành và Ban Kiểm soát.

## D. THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

| | | |
|---|---|---|
| Vốn điều lệ của Công ty | : | **3.530.721.200.000** đồng |
| Khối lượng cổ phiếu niêm yết | : | **353.072.120** cổ phiếu |
| Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành | : | **353.006.100** cổ phiếu |
| Cổ phiếu quỹ | : | **66.020** cổ phiếu |
| Mệnh giá 1 cổ phiếu | : | **10.000** đồng |

CỔ TỨC **4.000** ĐỒNG/1CP

TĂNG 33,3% SO VỚI NĂM 2009

Trong năm 2010, Công ty đã phát hành **1.806.820** cổ phiếu của chương trình cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên (ESOP) đã được ĐHĐCĐ năm 2006 thông qua.

## Cơ cấu cổ đông

*Tại thời điểm 31/12 của năm tài chính*

| | 2010 (%) | 2009 (%) |
|---|---|---|
| Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) | 47,30 | 47,64 |
| Cổ đông Nước ngoài | 46,00 | 44,11 |
| Cổ đông trong nước (trừ SCIC) | 6,70 | 8,25 |
| | 100,00 | 100 |

## Thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông nội bộ

*Tại thời điểm 31/12 của năm tài chính*

| | | 2010 (%) | 2009 (%) | Thay đổi (%) |
|---|---|---|---|---|
| **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** | | | | |
| 1 | Mai Kiều Liên | | | |
| | - Đại diện cho SCIC | 23,6484 | 23,7701 | -0,1216 |
| | - Cá nhân | 0,1860 | 0,1245 | 0,0615 |
| 2 | Ngô Thị Thu Trang | 0,0657 | 0,0519 | 0,0138 |
| 3 | Hoàng Nguyên Học (đại diện cho SCIC) | 23,6484 | 23,7701 | -0,1216 |
| 4 | Lê Anh Minh (đại diện các quỹ của Dragon Capital) | 7,6724 | 8,6915 | -1,0191 |
| 5 | Wang Eng Chin (đại diện cho F&N Dairy Investment) | 10,0083 | 10,0598 | -0,0515 |
| **BAN KIỂM SOÁT** | | | | |
| 1 | Nguyễn Anh Tuấn | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 |
| 2 | Nguyễn Trung Kiên | 0,0028 | 0,0028 | 0,0000 |
| 3 | Nguyễn Thị Tuyết Mai | 0,0030 | 0,0030 | 0,0000 |
| **BAN ĐIỀU HÀNH** | | | | |
| 1 | Mai Kiều Liên (như trên) | | | |
| 2 | Ngô Thị Thu Trang (như trên) | | | |
| 3 | Nguyễn Thị Như Hằng | 0,0401 | 0,0266 | 0,0135 |
| 4 | Nguyễn Thị Thanh Hòa | 0,0462 | 0,0325 | 0,0138 |
| 5 | Trần Minh Văn | 0,0332 | 0,0162 | 0,0170 |
| 6 | Nguyễn Hữu Ngọc Trân | 0,0091 | 0,0002 | 0,0089 |
| 7 | Phạm Phú Tuấn | 0,0077 | 0,0006 | 0,0071 |
| 8 | Nguyễn Quốc Khánh | 0,0105 | 0,0032 | 0,0073 |

## Thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn

*Tại thời điểm 31/12 của năm tài chính*

| Thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn | 2010 (%) | 2009 (%) | Thay đổi trong năm |
|---|---|---|---|
| Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) | 47,2969 | 47,5401 | -0,2433 |
| F&N Dairy Investment | 10,0083 | 10,0598 | -0,0515 |

Năm 2010 là một năm đánh dấu sự khởi đầu hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro ("QTRR") theo mô hình đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam tư vấn thiết lập và cũng mở ra những phương hướng phát triển mới cho hệ thống này trong 2011.

## MỘT HỆ THỐNG QTRR ĐÃ ĐƯỢC THIẾT LẬP TẠI VINAMILK

### Cơ cấu của hệ thống

Vinamilk đã thiết lập một hệ thống QTRR với cơ cấu tổng thể về vai trò và trách nhiệm phù hợp với thực tế của mô hình Vinamilk nhằm đảm bảo rằng rủi ro được quản lý hiệu quả. Đồng thời, cơ cấu này cũng được xác lập theo hướng cải tiến liên tục dựa trên sự kiểm tra và soát xét, trong đó:

» Tổng Giám đốc, Bộ phận quản lý rủi ro cùng với Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán sẽ phụ trách việc thực hiện và có trách nhiệm giải trình về quản lý rủi ro.

» Ban kiểm soát, Bộ phận kiểm toán nội bộ sẽ thực hiện giám sát, đánh giá nhằm đảm bảo việc thực hiện trên.

### Hệ thống tài liệu

Một hệ thống tài liệu về QTRR bao gồm Chính sách, Thủ tục và các quy trình QTRR phù hợp với Vinamilk đã được xác lập nhằm đề ra các nguyên tắc, hướng dẫn quản lý rủi ro. Chính sách và Thủ tục được Hội đồng quản trị xem xét và phê chuẩn. Đồng thời, cơ chế báo cáo định kỳ và đột xuất cũng được thiết lập để báo cáo về tình hình quản lý rủi ro của Vinamilk.

### Tổ chức và nguồn nhân lực

Hệ thống QTRR được tổ chức xuyên suốt tất cả các lĩnh vực hoạt động, các mục tiêu theo đuổi hay các chương trình, quyết định quan trọng tại từng thời điểm của Vinamilk với nguồn nhân lực như sau:

» Bộ phận Quản lý rủi ro quản lý tổng thể trong mối liên hệ với các Chủ sở hữu rủi ro ở Khối, Phòng ban, Đơn vị (kể cả công ty con). Chức năng quan trọng của bộ phận này là tích hợp việc quản lý rủi ro vào hoạt động của Công ty; hợp nhất rủi ro ở cấp độ Công ty; đề xuất các sửa đổi về chiến lược, hệ thống tài liệu…

» Ngoài ra, Vinamilk có hẳn một đội ngũ Điều phối viên rủi ro đóng vai trò kết nối việc quản lý QTRR của từng khối, lĩnh vực với Bộ phận Quản lý rủi ro.

## CÁC QUAN ĐIỂM VÀ PHƯƠNG HƯỚNG QTRR ĐƯỢC VINAMILK XÁC ĐỊNH RÕ RÀNG

### Quan điểm QTRR

» THỨ NHẤT, việc QTRR chỉ mang lại kết quả khi nó được thực thi xuyên suốt Vinamilk ở tất cả lĩnh vực, ở tất cả các cấp độ nhân viên dựa trên các nguyên tắc xác định. Ban Giám đốc phải duy trì một cơ chế ủy quyền và cam kết rõ ràng, phù hợp, xác định mục tiêu và chấp nhận rủi ro rõ ràng. QTRR phải được tích hợp vào các thủ tục, quy trình, hoạt động và quyết định của Công ty.

» THỨ HAI, tất cả các rủi ro phải được nhận diện, phân tích, đánh giá và ứng phó một cách thích đáng. Tất cả các ứng phó đối với các loại rủi ro khác nhau chính là quyết định của Vinamilk dựa trên sự cân nhắc trên nhiều yếu tố, phù hợp với mục tiêu một cách thách thức, cân bằng giữa lợi ích và chi phí, đặc biệt là đặt lợi ích của Cổ đông lên hàng đầu trong hoạt động kinh doanh của mình.

» THỨ BA, việc QTRR phải được thực hiện bởi những nhân sự có chuyên môn, phù hợp, được hỗ trợ bởi một nguồn lực tốt về kỹ thuật, chi phí và phải trở thành một nét văn hóa trong hoạt động hàng ngày nhằm mang lại giá trị cộng thêm tốt nhất cho việc Vinamilk thực hiện và đạt được mục tiêu. Bên cạnh đó, các công cụ hỗ trợ đắc lực cho hệ thống QTRR về phương pháp, kỹ thuật đánh giá rủi ro phải luôn đa dạng và được ứng dụng cho từng lĩnh vực khác nhau.

» CUỐI CÙNG, QTRR phải luôn được cải tiến liên tục, đáp ứng được các yêu cầu của các chuẩn mực liên quan, luôn phù hợp và đáp ứng mọi sự thay đổi mà Công ty phải đối mặt.

### Phương hướng QTRR

Đối với QTRR, Vinamilk sẽ luôn cải tiến liên tục nhằm theo kịp các phương pháp tiếp cận tiên tiến trên thế giới và các doanh nghiệp cùng lĩnh vực, phát huy sự phù hợp của hệ thống và tích hợp chúng vào hệ thống Vinamilk. Vinamilk sẽ luôn nỗ lực để đảm bảo QTRR là một công cụ quản trị doanh nghiệp đắc lực, mang lại giá trị cao nhất cho Cổ đông và luôn là một doanh nghiệp được tin yêu trong mắt Người tiêu dùng.

## NHỮNG KẾT QUẢ BAN ĐẦU VÀ KẾ HOẠCH TRONG THỜI GIAN TỚI CỦA VINAMILK

### Các công việc đã thực hiện

» Bước đầu, các báo cáo rủi ro đã được thực hiện với các nội dung về quá trình thiết lập hệ thống QTRR, về việc tiếp cận quản trị rủi ro ở cấp quản lý và về các rủi ro mà Vinamilk đang chú trọng như rủi ro chất lượng sản phẩm, rủi ro pháp lý, rủi ro cạnh tranh…

» Các cuộc kiểm toán dựa trên cơ sở rủi ro đã được Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện với sự tư vấn của Công ty kiểm toán KPMG cho một số quy trình hoạt động khác nhau của Vinamilk như quy trình đầu tư, quy trình thu mua…

### Kế hoạch trong thời gian tới

» Đầu tiên và liên tục, Vinamilk sẽ chuẩn bị hệ thống Quản trị rủi ro đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế ISO 31000 ngay khi có điều kiện đánh giá từ các tổ chức.

» Thứ hai, là phát triển cơ chế giám sát rủi ro một cách tự động và tích hợp hệ thống QTRR này vào các hệ thống quản lý, thông tin tại Vinamilk.

» Thứ ba, duy trì tính cập nhật và phù hợp của các phương pháp, kỹ thuật đánh giá rủi ro và áp dụng chúng một cách hiệu quả nhất.

## ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động, Vinamilk đã xây dựng các giải pháp ứng phó như sau:

» Cơ cấu tổ chức quản lý tinh gọn hợp lý để ra các quyết định kinh doanh nhanh chóng;

» Cắt giảm các dự án đầu tư chưa thật sự cần thiết;

» Tiết kiệm chi phí ở tất cả các bộ phận để giảm giá thành, giảm chi phí hoạt động nhằm nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm và góp phần bình ổn thị trường;

» Phân bổ nguồn lực hợp lý và sử dụng nguồn lực hiệu quả nhất.

VINAMILK ĐANG DUY TRÌ KÊNH THÔNG TIN HIỆU QUẢ ĐẾN NHÀ ĐẦU TƯ THÔNG QUA CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN ĐƯỢC TỔ CHỨC HÀNG NĂM VÀ SỰ TƯƠNG TÁC THƯỜNG XUYÊN CỦA BỘ PHẬN QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ VỚI CỔ ĐÔNG, CÁC NHÀ ĐẦU TƯ TIỀM NĂNG.

Bộ phận Quan hệ Nhà Đầu tư ("IR") của Công ty đã thực hiện tốt công tác đối ngoại và đối nội trong năm. Thực hiện đầy đủ chức năng công bố thông tin theo qui định của pháp luật. Là một bộ phận quan trọng của Công ty trong việc công bố thông tin kịp thời đến cổ đông và giới thiệu Công ty đến các nhà đầu tư tiềm năng, từ đó góp phần xây dựng hình ảnh thương hiệu Công ty Vinamilk trên thị trường.

Với sự lớn mạnh không ngừng của Vinamilk, trong năm qua, đã có rất nhiều nhà đầu tư lớn và chuyên nghiệp trên thế giới đã đến tham quan và tìm hiểu Công ty và nhiều nhà đầu tư sau đó đã trở thành cổ đông của Vinamilk.

Bộ phận IR của Vinamilk cũng đã tham gia các cuộc hội thảo lớn do các công ty chứng khoán tổ chức như Dragon Capital, JP Morgan tổ chức tại Tp. Hồ Chí Minh và Daiwa Securities tổ chức tại Singapore.

Đồng thời, Công ty luôn duy trì kênh thông tin với cổ đông và nhà đầu tư qua mail, điện thoại và qua mục "Hỏi Đáp" trên trang website của Công ty.

Ngoài các phương tiện thông tin đại chúng, các thông tin về hoạt động cũng như kết quả kinh doanh của Công ty được công bố tại trang web www.vinamilk.com.vn

# Môi trường và Cộng đồng

- Môi trường và Xã hội
- Trách nhiệm đối với Cộng đồng

# NUÔI DƯỠNG nhựa sống cho Cộng Đồng

## TẤT CẢ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI Ở CÁC NHÀ MÁY CỦA VINAMILK đều được Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương cấp giấy chứng nhận

Các nhà máy của Vinamilk được thiết kế hiện đại, đạt tiêu chuẩn HACCP, tạo môi trường làm việc sạch sẽ, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động đối với người lao động và không ảnh hưởng đến khu vực dân cư xung quanh nhà máy. Mọi nguồn phát sinh tiếng ồn đều nằm xa khu dân cư và được cách ly hoàn toàn. Việc trồng cây xanh xung quanh nhà máy tạo cảnh quan xanh - sạch - đẹp, đồng thời hạn chế tiếng ồn, bụi khói ảnh hưởng đến môi trường không khí khu dân cư.

LƯỢNG NƯỚC ĐÃ QUA XỬ LÝ VÀ THẢI RA MÔI TRƯỜNG GIẢM

# 17,1%

BÌNH QUÂN TRÊN 1 TẤN SẢN PHẨM SO VỚI NĂM 2009

Bên cạnh đó, việc tiết kiệm nhiên liệu cũng góp phần giảm thải các khí gây hiệu ứng nhà kính như carbon dioxide, methane, . . . Là một công ty chuyên sản xuất kinh doanh thực phẩm, Vinamilk không chỉ chú trọng về an toàn vệ sinh thực phẩm mà còn đặt yếu tố thân thiện với môi trường lên hàng đầu. Tất cả các nhà máy của Vinamilk đều thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu về đánh giá tác động môi trường ngay từ những ngày đầu xây dựng. Không chỉ đầu tư hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy định, các nhà máy còn chủ động quản lý chất thải nguy hại, xây dựng hệ thống xử lý khói thải, khí thải, mùi và tiếng ồn.

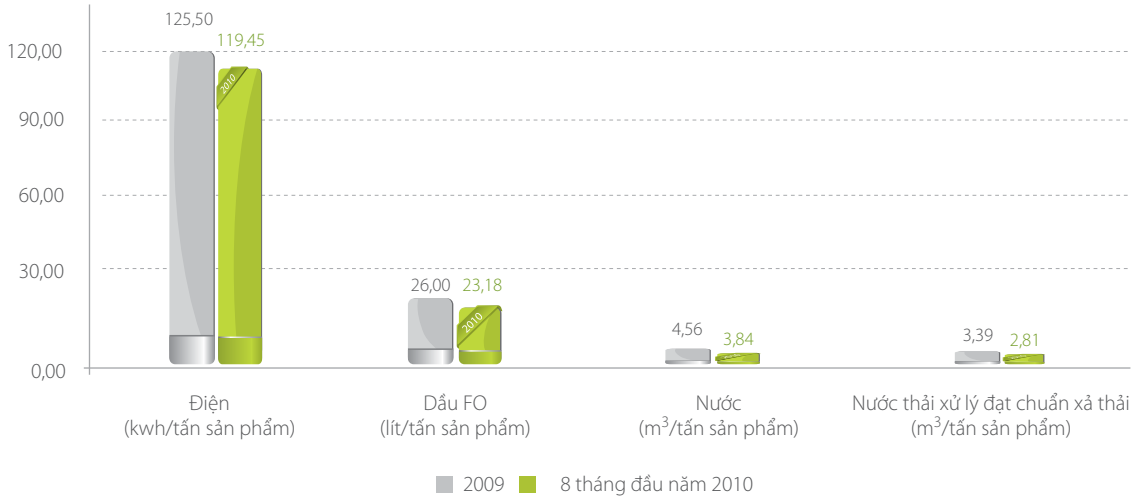


# A. VINAMILK PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CÓ TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI

## SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ

### Cơ sở vật chất kỹ thuật

Các nhà máy của công ty đều được trang bị các dây chuyền công nghệ hiện đại được nhập trực tiếp từ các nước như: Pháp, Đức, Đan Mạch, Thụy Điển… với tiêu chí tạo ra sản phẩm chất lượng cao, tiêu hao năng lượng thấp, có khả năng thu hồi và tái sử dụng sản phẩm cũng như các nguồn năng lượng. Bên cạnh đó, Công ty đang từng bước đầu tư chuyển đổi từ các dây chuyền chế biến và chiết rót công suất thấp sang công suất cao. Việc áp dụng các dây chuyền máy móc công suất cao sẽ góp phần đáng kể trong việc tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm thiểu mức tiêu hao nước, nhiên liệu và năng lượng.

### Chủ trương và chính sách

Công ty đã và đang áp dụng chương trình sản xuất sạch - tiết kiệm năng lượng thông qua việc xây dựng định mức năng lượng sử dụng; theo dõi chặt chẽ tiêu hao điện, nước, nhiên liệu; thực hiện các biện pháp tiết giảm nhằm tiết kiệm nguồn tài nguyên, giảm thiểu ô nhiễm môi trường mà vẫn đảm bảo đem đến cho người tiêu dùng sản phẩm với chất lượng cao nhất.

### Nước và năng lượng

Số liệu thống kê toàn công ty cho thấy, lượng nước nguồn và năng lượng tiêu hao bình quân trên 1 tấn sản phẩm trong 8 tháng đầu năm 2010 giảm đáng kể so với năm 2009, cụ thể : nước nguồn - giảm 15,8 %, điện - giảm 5,6 %, dầu FO - giảm 10,8 % (xem biểu đồ). Đây là minh chứng cụ thể cho hiệu quả của chính sách quản lý và sử dụng tài nguyên mà Vinamilk đang áp dụng.

Công ty đang tìm hiểu và tiếp cận trình độ công nghệ tiên tiến trên thế giới trong sản xuất kinh doanh như áp dụng các hệ thống sử dụng năng lượng mặt trời, hệ thống biogas… trong các trang trại chăn nuôi bò sữa nhằm giảm chi phí, tiết kiệm nguồn tài nguyên ngày một cạn kiệt, hạn chế ô nhiễm toàn cầu.

## GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

### XỬ LÝ NƯỚC THẢI VÀ KHÓI THẢI

Tất cả các nhà máy của Vinamilk đều thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu về đánh giá tác động môi trường ngay từ những ngày đầu xây dựng. Không chỉ đầu tư hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy định, các nhà máy còn chủ động quản lý chất thải nguy hại, xây dựng hệ thống xử lý khói thải, khí thải, mùi và tiếng ồn.

Tất cả các nhà máy đang triển khai phần cứng về quản lý môi trường đạt tiêu chuẩn ISO 14001, trong đó, một số nhà máy đã được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 14001:2004 (Thống Nhất, Trường Thọ, Dielac)

Hệ thống xử lý nước thải của các nhà máy đều được Sở Tài nguyên Môi trường địa phương cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn xả thải theo TCVN 5945:2005 (QCVN 24:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi thải ra môi trường. Một phần nước thải sau xử lý được tái sử dụng để tưới cây, vệ sinh nhà xưởng và sử dụng phần lớn cho hệ thống xử lý khói thải. Nước thải từ hệ thống xử lý khói thải lại được đưa về hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

Mọi nhà máy trong Công ty đều được đầu tư xây dựng hệ thống xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn TCVN 5939:2005 (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ) trước khi thải vào bầu khí quyển.

Các nhà máy của Vinamilk được thiết kế hiện đại, đạt tiêu chuẩn HACCP, tạo môi trường làm việc sạch sẽ, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động đối với người lao động và không ảnh hưởng đến khu vực dân cư xung quanh nhà máy. Mọi nguồn phát sinh tiếng ồn đều nằm xa khu dân cư và được cách ly hoàn toàn. Việc trồng cây xanh xung quanh nhà máy tạo cảnh quan xanh - sạch - đẹp, đồng thời hạn chế tiếng ồn, bụi khói ảnh hưởng đến môi trường không khí khu dân cư.

Tất cả các nhà máy đều được Sở Tài nguyên Môi trường địa phương phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với các nhà máy mới xây dựng như Tiên Sơn, Nước Giải Khát) hoặc Đề án bảo vệ môi trường (đối với các nhà máy được xây dựng từ trước năm 1990 như Trường Thọ, Thống Nhất, Dielac) và cấp Giấy chứng nhận cơ sở đã hoàn thành các biện pháp xử lý môi trường triệt để. Kết quả thanh tra, đánh giá định kỳ hàng năm của các Cơ quan quản lý môi trường nhà nước tại từng nhà máy đều xác nhận việc chấp hành nghiêm chỉnh công tác bảo vệ môi trường của tất cả các nhà máy thông qua các biên bản kiểm tra cụ thể.

Tất cả các nhà máy đều được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải, ký hợp đồng trực tiếp với các đơn vị chức năng xử lý chất thải rắn theo đúng quy định.

## GIẢM THIỂU LƯỢNG NƯỚC THẢI VÀ KHÍ GÂY HIỆU ỨNG NHÀ KÍNH

Số liệu thống kê toàn công ty cho thấy, lượng nước đã qua xử lý và thải ra môi trường bình quân trên 1 tấn sản phẩm trong 8 tháng đầu năm 2010 giảm đáng kể so với năm 2009 - giảm 17,1 % (xem biểu đồ). Bên cạnh đó, việc tiết kiệm nhiên liệu (ví dụ : dầu FO) cũng góp phần giảm thải các khí gây hiệu ứng nhà kính như carbon dioxide, methane, …

Hiện nay, Vinamilk đang triển khai dự án xây dựng hệ thống biogas cho trang trại bò sữa Nghệ An. Khi đi vào hoạt động, hệ thống sẽ giúp xử lý 1 lượng lớn khí methane từ phân bò, góp phần tích cực trong việc giảm thải các khí gây hiệu ứng nhà kính.

## HƯỚNG TỚI SỬ DỤNG CÁC LOẠI BAO BÌ THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG

Sử dụng bao bì trọng lượng nhẹ, có thể tái chế hoặc có khả năng tự hủy đang là một xu hướng mới trong công nghệ đóng gói sản phẩm trên thế giới. Trước xu hướng trên, Vinamilk đã áp dụng giảm trọng lượng bao bì cho 1 số sản phẩm (ví dụ : sử dụng thiếc mỏng hơn để giảm trọng lượng bao bì của các sản phẩm sữa đặc có đường, giảm lượng nhựa bao bì tiêu hao trên 1 đơn vị hộp sữa chua).

## THAM GIA TÍCH CỰC VÀO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Cùng với địa phương, các nhà máy trong công ty tham gia vệ sinh, tạo cảnh quan xanh - sạch - đẹp khu vực xung quanh nhà máy. Ban Giám đốc các nhà máy thường xuyên liên lạc với chính quyền và nhân dân tại khu vực dân cư để lắng nghe, tiếp thu và nâng cao công tác bảo vệ môi trường.

Công tác đóng phí bảo vệ môi trường và phí khai thác tài nguyên nước, phí cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường được thực hiện đầy đủ và đúng hạn.

Các nhà máy thành viên luôn hưởng ứng nhiệt tình các ngày lễ về môi trường, thường xuyên đào tạo nhận thức người lao động về công tác bảo vệ môi trường trong nhà máy và cả bên ngoài xã hội.

Qua đánh giá, một số nhà máy đã được chính quyền địa phương cấp giấy chứng nhận, bằng khen về công tác bảo vệ môi trường.

## B. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ CÓ TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI

Sự phát triển có trách nhiệm với xã hội của Vinamilk được thể hiện qua các tiêu chí và chính sách hoạt động sản xuất kinh doanh.

### ĐỐI VỚI NGƯỜI TIÊU DÙNG

Với hơn 30 năm kinh nghiệm phát triển, với nguồn tài chính và nhân lực vững mạnh dồi dào, Vinamilk luôn tự tin đem lại sức khỏe cho cộng đồng bằng các sản phẩm đa dạng có chất lượng cao, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, không sử dụng phụ gia thực phẩm không nằm trong danh mục cho phép của Bộ Y tế, không sử dụng chất bảo quản và thực phẩm biến đổi gene.

Vinamilk không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm thông qua chính sách hướng tới việc chỉ sử dụng các nguồn nguyên liệu tự nhiên, tập trung phát triển các dòng sản phẩm mới theo hướng tốt cho sức khỏe con người (sản phẩm ít đường, ít béo, …).

### ĐỐI VỚI CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

Vinamilk cam kết đối xử tôn trọng và công bằng với tất cả nhân viên, tạo dựng những cơ hội phát triển bình đẳng, xây dựng và duy trì môi trường làm việc an toàn, thân thiện và cởi mở.

### ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG

Vinamilk chia sẻ trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động từ thiện như Quỹ sữa cho trẻ em nghèo, Quỹ học bổng thường niên Vinamilk.

“Vinamilk cam kết đối xử TÔN TRỌNG và CÔNG BẰNG với tất cả nhân viên, tạo dựng những cơ hội phát triển bình đẳng, xây dựng và duy trì môi trường làm việc an toàn, thân thiện và cởi mở.

***Chia sẻ với Cộng đồng*** *- Vinamilk xem đó là trách nhiệm của doanh nghiệp đối với Xã hội thông qua các hoạt động từ thiện như Quỹ sữa, Quỹ học bổng thường niên.*

# 12 TỶ ĐỒNG

## CHO QUỸ SỮA "VƯƠN CAO VIỆT NAM"

"Quỹ bảo trợ trẻ em Việt Nam trực thuộc Bộ Lao động Thương binh & Xã hội kết hợp cùng Vinamilk khởi xướng chương trình quỹ sữa "Vươn cao việt nam" nhằm tạo cơ hội cho mọi trẻ em Việt Nam đều có thể uống sữa mỗi ngày, cải thiện thể chất cho trẻ em nghèo, góp phần làm giảm tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng ở Việt Nam.

Thước đo giá trị mà Vinamilk - một Thương hiệu danh tiếng đã có những bước phát triển bền vững và luôn khẳng định được vị thế trên thương trường - sử dụng chính là giá trị đạo đức, là sự tin tưởng và hợp tác của người tiêu dùng, khách hàng, đối tác, cổ đông và cả cộng đồng.

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu có nhiều biến động lớn, dưới áp lực cạnh tranh của các nhãn hiệu sữa trong và ngoài nước, hàng loạt các sự kiện về chất lượng và giá cả các sản phẩm sữa đã giúp công ty có cơ hội phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.

Với qui trình sản xuất được kiểm soát chặt chẽ ngay từ khâu nguyên liệu đầu vào, thiết bị và công nghệ hiện đại, đội ngũ nhân viên lành nghề, trình độ cao, chất lượng sản phẩm của công ty luôn đảm bảo tiêu chuẩn Việt Nam và Quốc tế.

Là một trong những doanh nghiệp đi đầu hướng về Cộng đồng, trong những năm qua, Vinamilk luôn quan tâm đến các hoạt động từ thiện xã hội.

## QUỸ HỌC BỔNG VINAMILK "ƯƠM MẦM TÀI NĂNG TRẺ VIỆT NAM"

Bắt đầu năm học 2003-2004 Vinamilk đã phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập Quỹ Học Bổng Vinamilk - Ươm mầm tài năng trẻ Việt Nam, đồng hành cùng các em học sinh tiểu học trong cả nước được 7 năm qua với hơn 29.000 suất học bổng được trao đến tận tay các em học sinh tiểu học tiêu biểu của cả nước, trị giá lên tới trên 14 tỷ đồng…

Năm nay, 2010 Quỹ sẽ trao tặng cho 6.000 suất học bổng, trong đó 1.000 suất, mỗi suất 1.000.000 đồng và 5.000 suất, mỗi suất 1 phần quà bằng sản phẩm của Vinamilk.

## QUỸ SỮA VƯƠN CAO VIỆT NAM

Vinamilk cũng kết hợp với Quỹ Bảo trợ Trẻ em Việt Nam khởi xướng việc thành lập Quỹ sữa "Vươn cao Việt Nam" khởi nguồn từ quỹ một triệu ly sữa cho trẻ em nghèo Việt Nam. Mục tiêu của chương trình là nhằm chia sẻ những khó khăn của trẻ em nghèo, có hoàn cảnh đặc biệt, bị suy dinh dưỡng, khuyết tật… Đây là hoạt động xã hội của Vinamilk mang ý nghĩa nhân văn cao cả góp phần giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em VN và mong muốn thay đổi một thế hệ người Việt mới. Được biết, chiều cao của trẻ em nước ta hiện thua kém khá xa với mặt bằng chung của khu vực và thế giới. Điều này ảnh hưởng đến tầm vóc phát triển của các thế hệ Việt Nam tương lai. Chính vì vậy, Vinamilk triển khai quỹ một triệu ly sữa, rồi 3 triệu, 6 triệu và bây giờ là "Vươn cao Việt Nam" với mục tiêu 8 triệu ly sữa (tương đương 30 tỷ đồng) để cho các em đối tượng thụ hưởng chương trình được uống sữa mỗi ngày vì một thế hệ người Việt trong tương lai cao lớn hơn, thông minh hơn và tiếp đó là vì một đất nước Việt Nam luôn vươn cao không thua kém bạn bè trong khu vực và trên thế giới. Đó là ý tưởng và khát khao của những người thực hiện chương trình.

- Chương trình kết hợp với Quỹ Bảo trợ Trẻ Em Việt Nam - Bộ Lao Động TBXH thực hiện - Do Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Bộ Trưởng Bộ LĐ TBXH làm chủ Tịch Quỹ.
- Chương trình sẽ thực hiện từ tháng 6/2010 đến cuối năm 2010. Quỹ sữa sẽ huy động 30 tỷ - tương đương 8 triệu ly sữa - dành cho các trẻ em nghèo, khó khăn, các em học sinh tiểu học, mầm non ở 63 tỉnh thành.
- 8 triệu ly sữa này sẽ trao cho hơn 90.000 em được thụ hưởng, trong đó 40.000 em học sinh tiểu học, mầm non, còn lại là các em ở nhà mở, khuyết tật, mồ côi.

## QUỸ HỌC BỔNG VỪ A DÍNH

Quỹ học bổng Vừ A Dính - Quỹ học bổng dành riêng cho các em học sinh, sinh viên các dân tộc thiểu số Việt Nam của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh được thành lập ngày 5/3/1999, theo sáng kiến của báo Thiếu niên Tiền phong. 11 năm đồng hành cùng học sinh, sinh viên miền núi và dân tộc Việt Nam, Quỹ Vừ A Dính đã và đang trở thành người bạn lớn tin yêu của thế hệ trẻ các dân tộc thiểu số Việt Nam.

## BƯỚC NHẢY HOÀN VŨ

"Bước Nhảy Hoàn Vũ" là một chương trình truyền hình thực tế thời lượng khoảng 100 phút/ mỗi chương trình do VTV3 - Đài Truyền hình Việt Nam thực hiện sản xuất và phát sóng dưới bản quyền của Đài truyền hình BBC - Anh Quốc, được sự tài trợ của Vfresh - nhãn hàng nước giải khát của Vinamilk

## CHƯƠNG TRÌNH ÂM NHẠC NHÍ - DOREMÍ

Chương trình bắt đầu từ 2007 do Vinamilk tài trợ và được phát sóng trên kênh VTV3 - Đài truyền hình Việt Nam. Đây không chỉ là sân chơi bổ ích và lý thú cho thiếu nhi mà còn là nơi để các em bộc lộ tài năng, được đào tạo những kỹ năng cơ bản về âm nhạc cho các em và nghệ thuật biểu diễn mà không hề mất đi vẻ hồn nhiên, ngây thơ của trẻ em.

## CỨU TRỢ LŨ LỤT

Với tinh thần tương thân tương ái, trong cơn lũ lụt lịch sử ở Bắc Miền Trung vừa qua, Công ty đã quyết định trao ngay 100 triệu khẩn cấp tại Hà Tĩnh, Quảng Bình.

Toàn thể CB CNV Công Ty đóng góp, ủng hộ mỗi người ít nhất 1 ngày lương, tổng tiền hơn 1,7 tỷ đồng để ủng hộ bà con vùng lũ ở Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Huế.

## PHỤNG DƯỠNG BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG

Công ty đã có chính sách phụng dưỡng suốt đời hơn 15 năm qua với 21 Mẹ VNAH tại Bến tre và Quảng Nam Đà Nẵng. Hàng tháng Công ty đều có chu cấp cho mỗi Mẹ, mỗi năm Công Đoàn Công ty sẽ tổ chức các cuộc viếng thăm vào đợt vào ngày 27/7 và Tết.

## CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

- Ủng hộ cho Hội bảo trợ bệnh nhân nghèo Tp " trong chương trình mổ tim cho trẻ em bệnh tim bẩm sinh" - 500.000.000 đồng.
- Chăm lo Tết cho người nghèo ở Hà Tây
- Ủng hộ quân dân Đảo Trường Sa và nhà Giàn DK1 "triệu trái tim hướng về Biển Đảo"
- Ủng hộ hội bảo trợ Bệnh nhân CBNV hiến máu nhân đạo:
- Hội bảo trợ Chất độc da cam/Dioxin.
- Kết hợp với Cục chăm sóc trẻ em thuộc Bộ Lao Động Thương Binh Xã hội để xây dựng đề án "Sữa học đường" nhằm cho các em được cải thiện và bổ sung dinh dưỡng học đường giúp phát triển thể lực và trí tuệ cho học sinh ngay từ cấp mầm non và tiểu học.

# Báo cáo tài chính


- Thông tin Doanh nghiệp
- Báo cáo của Ban điều hành
- Báo cáo của Kiểm toán viên độc lập
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

**49** Tốc độ tăng trưởng đạt % so với 2009

Vinamilk đạt được tốc độ tăng trưởng ngoạn mục và cao nhất trong lịch sử 35 năm hình thành và phát triển của công ty.

# CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

(VINAMILK)

| | |
|---|---|
| Tên tiếng Anh: | VIETNAM DAIRY PRODUCTS JOINT STOCK COMPANY |
| Tên viết tắt là: | VINAMILK |
| Mã chứng khoán (HoSE): | VNM |
| Trụ sở chính: | 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh |
| Điện thoại: | (84. 8) 54 155 555 |
| Fax: | (84. 8) 54 161 226 |
| Website: | www.vinamilk.com.vn |

| | |
|---|---|
| GIẤY PHÉP ĐĂNG KÝ KINH DOANH | Số 0300588569, ngày 20 tháng 8 năm 2010<br>do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. |



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| | |
|---|---|
| Bà Mai Kiều Liên | Chủ tịch |
| Ông Hoàng Nguyên Học | Thành viên |
| Bà Ngô Thị Thu Trang | Thành viên |
| Ông Wang Eng Chin | Thành viên |
| Ông Lê Anh Minh | Thành viên |

## BAN ĐIỀU HÀNH

| | |
|---|---|
| Bà Mai Kiều Liên | Tổng Giám đốc |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa | Giám đốc Điều hành Chuỗi Cung ứng |
| Bà Nguyễn Thị Như Hằng | Giám đốc Điều hành Phát triển Vùng Nguyên liệu |
| Bà Ngô Thị Thu Trang | Giám đốc Điều hành Tài chính |
| Ông Trần Minh Văn | Giám đốc Điều hành Dự án |
| Ông Nguyễn Quốc Khánh | Quyền Giám đốc Điều hành Sản xuất và Phát triển sản phẩm |
| Bà Nguyễn Hữu Ngọc Trân | Quyền Giám đốc Điều hành Tiếp thị |
| Ông Phạm Phú Tuấn | Quyền Giám đốc Điều hành Kinh doanh |

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

| | |
|---|---|
| Bà Mai Kiều Liên | Tổng Giám đốc |

| | |
|---|---|
| KIỂM TOÁN VIÊN | Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam) |

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ("**Công ty**") và các công ty con (gọi chung là "**Tập đoàn**") tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của niên độ kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng chúng một cách nhất quán;
- thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai qui định khác.

## PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 50. Các báo cáo tài chính này được trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của niên độ kết thúc vào ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Ban Điều Hành

MAI KIỀU LIÊN
Tổng Giám đốc
*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2011*

PRICEWATERHOUSECOOPERS

PricewaterhouseCoopers (Vietnam) Ltd.
Tầng 4, Saigon Tower
29 Lê Duẩn, Quận 1,
Tp. Hồ Chí Minh, Vietnam
ĐT : (84. 8) 3823 0796
Fax: (84. 8) 3825 1947

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM



Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được Ban Điều hành của Công ty phê duyệt vào ngày 28 tháng 2 năm 2011. Các báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 50.

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

## TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính hợp nhất có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro của các báo cáo tài chính hợp nhất

xem có sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót hay không. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, Kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Điều hành đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

## Ý KIẾN

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.

S.G.C.N: 4110430000993-Đ.T.N.N.G
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PRICEWATERHOUSECOOPERS VIỆT NAM
QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH

IAN S. LYDALL
Số chứng chỉ KTV: N.0559/KTV
Chủ tịch

QUÁCH THÀNH CHÂU
Số chứng chỉ KTV: N.0875/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
*Tp. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam*
Báo cáo kiểm toán số HCM2667
*Ngày 28 tháng 2 năm 2011*

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính hợp nhất, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | 2010 VNĐ | 2009 VNĐ |
|---|---|---|---|---|
| 100 | TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 5.919.802.789.330 | 5.069.158.279.142 |
| 110 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 263.472.368.080 | 426.134.657.958 |
| 111 | Tiền | | 249.472.368.080 | 376.134.657.958 |
| 112 | Các khoản tương đương tiền | | 14.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| 120 | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 4(a) | 2.092.259.762.292 | 2.314.253.566.692 |
| 121 | Đầu tư ngắn hạn | | 2.162.917.431.792 | 2.400.760.431.792 |
| 129 | Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | | (70.657.669.500) | (86.506.865.100) |
| 130 | Các khoản phải thu ngắn hạn | | 1.124.862.162.625 | 728.635.028.515 |
| 131 | Phải thu khách hàng | 5 | 587.457.894.727 | 513.346.454.195 |
| 132 | Trả trước cho người bán | | 354.095.973.554 | 139.363.472.266 |
| 135 | Các khoản phải thu khác | 6 | 183.904.850.455 | 76.588.274.943 |
| 139 | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | (596.556.111) | (663.172.889) |
| 140 | Hàng tồn kho | 7 | 2.351.354.229.902 | 1.311.765.054.881 |
| 141 | Hàng tồn kho | | 2.355.487.444.817 | 1.321.270.711.701 |
| 149 | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | (4.133.214.915) | (9.505.656.820) |
| 150 | Tài sản ngắn hạn khác | | 87.854.266.431 | 288.369.971.096 |
| 151 | Chi phí trả trước ngắn hạn | 8(a) | 38.595.473.073 | 21.986.072.192 |
| 152 | Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | 16.933.368.421 | 37.398.679.286 |
| 154 | Thuế thu nhập doanh nghiệp trả trước Nhà nước | | - | 226.000.000.000 |
| 158 | Tài sản ngắn hạn khác | | 32.325.424.937 | 2.985.219.618 |



*Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 50 là một phần hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.*

| Mã | TÀI SẢN (tiếp theo) | Thuyết minh | 2010 VNĐ | 2009 VNĐ |
|---|---|---|---|---|
| 200 | TÀI SẢN DÀI HẠN | | 4.853.229.506.530 | 3.412.877.571.360 |
| 210 | Các khoản phải thu dài hạn | | 23.624.693 | 8.822.112.758 |
| 218 | Phải thu dài hạn khác | | 23.624.693 | 8.822.112.758 |
| 220 | Tài sản cố định | | 3.428.571.795.589 | 2.524.963.816.799 |
| 221 | Tài sản cố định hữu hình | 9(a) | 2.589.894.051.885 | 1.835.582.064.070 |
| 222 | Nguyên giá | | 4.113.300.629.871 | 3.135.506.309.723 |
| 223 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (1.523.406.577.986) | (1.299.924.245.653) |
| 227 | Tài sản cố định vô hình | 9(b) | 173.395.289.975 | 39.241.360.883 |
| 228 | Nguyên giá | | 263.171.406.266 | 82.339.659.797 |
| 229 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (89.776.116.291) | (43.098.298.914) |
| 230 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 9(c) | 665.282.453.729 | 650.140.391.846 |
| 240 | Bất động sản đầu tư | 10 | 100.817.545.211 | 27.489.150.000 |
| 241 | Nguyên giá | | 104.059.758.223 | 27.489.150.000 |
| 242 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (3.242.213.012) | - |
| 250 | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 4(b) | 1.141.798.415.275 | 602.478.419.946 |
| 252 | Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | | 214.232.426.023 | 26.151.955.551 |
| 258 | Đầu tư dài hạn khác | | 1.036.146.073.800 | 672.731.593.440 |
| 259 | Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | | (108.580.084.548) | (96.405.129.045) |
| 260 | Lợi thế thương mại | 11 | 19.556.808.664 | - |
| 270 | Tài sản dài hạn khác | | 162.461.317.098 | 249.124.071.857 |
| 271 | Chi phí trả trước dài hạn | 8(b) | 97.740.813.322 | 194.714.091.558 |
| 272 | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 12 | 62.865.036.536 | 53.520.933.059 |
| 278 | Tài sản dài hạn khác | | 1.855.467.240 | 889.047.240 |
| 280 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 10.773.032.295.860 | 8.482.035.850.502 |

*Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 50 là một phần hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.*

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | 2010 VNĐ | 2009 VNĐ |
|---|---|---|---|---|
| 300 | NỢ PHẢI TRẢ | | 2.808.595.705.578 | 1.991.195.909.984 |
| 310 | Nợ ngắn hạn | | 2.645.012.251.272 | 1.734.870.964.822 |
| 311 | Vay ngắn hạn | 13(a) | 567.960.000.000 | 13.283.082.682 |
| 312 | Phải trả người bán | 14 | 1.089.416.813.120 | 789.866.508.433 |
| 313 | Người mua trả tiền trước | | 30.515.029.293 | 28.827.412.385 |
| 314 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 15 | 281.788.660.883 | 399.962.484.363 |
| 315 | Phải trả người lao động | | 33.549.296.245 | 28.687.738.983 |
| 316 | Chi phí phải trả | 16 | 264.150.983.635 | 208.130.515.257 |
| 319 | Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 17 | 118.236.497.397 | 83.847.771.105 |
| 320 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 259.394.970.699 | 182.265.451.614 |
| 330 | Nợ dài hạn | | 163.583.454.306 | 256.324.945.162 |
| 331 | Phải trả dài hạn người bán | | - | 116.939.763.988 |
| 333 | Phải trả dài hạn khác | 18 | 92.000.000.000 | 92.000.000.000 |
| 334 | Vay dài hạn | 13(b) | - | 12.454.295.000 |
| 336 | Dự phòng trợ cấp thôi việc | 19 | 51.373.933.083 | 34.930.886.174 |
| 338 | Doanh thu chưa thực hiện | | 20.209.521.223 | - |
| 400 | VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 7.964.436.590.282 | 6.455.474.592.983 |
| 410 | Vốn chủ sở hữu | | 7.964.436.590.282 | 6.455.474.592.983 |
| 411 | Vốn cổ phần | 20, 21 | 3.530.721.200.000 | 3.512.653.000.000 |
| 414 | Cổ phiếu quỹ | 21 | (669.051.000) | (154.222.000) |
| 417 | Quỹ đầu tư phát triển | 21 | 2.172.290.789.865 | 1.756.282.910.335 |
| 418 | Quỹ dự phòng tài chính | 21 | 353.072.120.000 | 294.347.876.431 |
| 420 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 21 | 1.909.021.531.417 | 892.345.028.217 |
| 439 | LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | 23 | - | 35.365.347.535 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 10.773.032.295.860 | 8.482.035.850.502 |

*Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 50 là một phần hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.*

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ như sau:

| | 2010 | 2009 |
|---|---|---|
| Đô la Mỹ | 1.303.277,93 | 3.721.592,43 |
| Euro | 994,69 | 425,61 |

LÊ THÀNH LIÊM
Kế toán trưởng

MAI KIỀU LIÊN
Tổng Giám đốc
*Ngày 28 tháng 2 năm 2011*

*Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 50 là một phần hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.*

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

| Mã số | | Thuyết minh | 2010 VNĐ | 2009 VNĐ |
|---|---|---|---|---|
| 01 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 16.081.466.183.586 | 10.820.141.520.445 |
| 02 | Các khoản giảm trừ doanh thu | | (328.600.184.161) | (206.370.629.645) |
| 10 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 24(a) | 15.752.865.999.425 | 10.613.770.890.800 |
| 11 | Giá vốn hàng bán | 25 | (10.579.208.129.197) | (6.735.061.693.184) |
| 20 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 5.173.657.870.228 | 3.878.709.197.616 |
| 21 | Doanh thu hoạt động tài chính | 24(b) | 448.530.127.237 | 439.936.099.518 |
| 22 | Chi phí tài chính | 26 | (153.198.613.988) | (184.827.894.243) |
| 24 | Chi phí bán hàng | 27 | (1.438.185.805.872) | (1.245.476.021.840) |
| 25 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 28 | (388.147.124.772) | (292.942.132.778) |
| 30 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | 3.642.656.452.833 | 2.595.399.248.273 |
| 40 | Thu nhập khác - số thuần | 29 | 608.785.500.303 | 135.959.019.269 |
| 41 | Phần lỗ trong liên doanh, liên kết | | (234.529.528) | - |
| 50 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 4.251.207.423.608 | 2.731.358.267.542 |
| 51 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành | 30 | (645.058.588.114) | (361.536.490.197) |
| 52 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại | 30, 12 | 9.344.103.477 | 6.245.696.829 |
| 53 | Lỗ/(lãi) phân bổ cho cổ đông thiểu số | | 693.010.209 | (374.620.950) |
| 60 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | 3.616.185.949.180 | 2.375.692.853.224 |
| 70 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 31 | 10.251 | 6.769 |



LÊ THÀNH LIÊM
Kế toán trưởng

MAI KIỀU LIÊN
Tổng Giám đốc
*Ngày 28 tháng 2 năm 2011*

*Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 50 là một phần hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.*

| Mã số | | Thuyết minh | 2010 VNĐ | 2009 VNĐ |
|---|---|---|---|---|
| | LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | Lợi nhuận trước thuế | | 4.251.207.423.608 | 2.731.358.267.542 |
| | Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| 02 | Khấu hao tài sản cố định | 9, 10 | 290.130.555.884 | 234.078.211.663 |
| 03 | (Hoàn nhập dự phòng)/chi phí dự phòng | | (3.794.604.381) | 62.019.570.731 |
| 04 | (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 24, 26 | (42.641.420.105) | 3.485.360.436 |
| 05 | Lãi từ thanh lý tài sản cố định | 29 | (334.206.706.014) | (1.250.896.136) |
| 06 | Chi phí lãi vay | 26 | 6.171.553.959 | 6.654.877.842 |
| 07 | Thu nhập tiền lãi và cổ tức | 24(b) | (275.493.447.654) | (134.759.201.229) |
| 07 | Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư khác | | 607.464.960 | (23.039.215.925) |
| 07 | Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư trong công ty liên doanh | | - | (139.577.506.654) |
| 08 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | | 3.891.980.820.257 | 2.738.969.468.270 |
| 09 | Tăng các khoản phải thu | | (319.291.901.558) | (68.041.422.411) |
| 10 | (Tăng)/giảm hàng tồn kho | | (1.110.496.793.174) | 453.952.130.175 |
| 11 | Tăng các khoản phải trả | | 367.932.025.243 | 392.538.074.566 |
| 12 | (Tăng)/giảm các chi phí trả trước | | (14.274.508.242) | 10.276.347.742 |
| 13 | Tiền lãi vay đã trả | | (5.034.090.508) | (6.942.303.051) |
| 14 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | (548.573.466.173) | (293.332.380.687) |
| 15 | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | 66.404.700.098 | 16.032.334.480 |
| 16 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (309.872.739.199) | (146.949.359.480) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 2.018.774.046.744 | 3.096.502.889.604 |
| | LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản | | (1.432.287.891.422) | (654.816.757.348) |
| 22 | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | | 690.015.455.837 | 6.746.327.021 |

*Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 50 là một phần hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.*

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Theo phương pháp gián tiếp

| Mã số | | Thuyết minh | 2010 VNĐ | 2009 VNĐ |
|---|---|---|---|---|
| 23 | Tiền chi mua trái phiếu và chứng khoán vốn | | (500.000.000.000) | (200.000.000.000) |
| 23 | Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn | | 16.773.743.444 | 101.917.632.788 |
| 24 | Tiền thu từ thu hồi khoản cho vay từ liên doanh | | - | 207.968.250.000 |
| 25 | Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác | | (188.315.000.000) | (2.450.000.000) |
| 26 | Tiền thu từ thu hồi khoản góp vốn vào đơn vị khác | | - | 134.267.250.000 |
| 27 | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 272.639.774.517 | 69.082.724.259 |
| 28 | Mua lại khoản góp vốn của cổ đông thiểu số trong công ty | | (121.252.384.560) | (15.603.226.000) |
| 28 | Giảm/(tăng) tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn | | 269.375.000.000 | (2.123.386.500.000) |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (993.051.302.184) | (2.476.274.299.280) |
| | LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 31 | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu | 21 | 18.068.200.000 | 3.646.400.000 |
| 32 | Tiền chi trả mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành | 21 | (514.829.000) | (154.222.000) |
| 33 | Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | | 967.075.836.372 | 3.319.646.682 |
| 34 | Tiền chi trả nợ gốc vay | | (407.813.214.054) | (188.221.936.000) |
| 36 | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 21, 22 | (1.765.200.420.000) | (351.280.620.000) |
| 40 | Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính | | (1.188.384.426.682) | (532.690.731.318) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | (162.661.682.122) | 87.537.859.006 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | 3 | 426.134.657.958 | 338.653.634.582 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | (607.756) | (56.835.630) |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 3 | 263.472.368.080 | 426.134.657.958 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM VINAMILK

LÊ THÀNH LIÊM
Kế toán trưởng

MAI KIỀU LIÊN
Tổng Giám đốc
*Ngày 28 tháng 2 năm 2011*

*Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 50 là một phần hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.*

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ("Công ty" hoặc "Vinamilk") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam ban đầu theo Quyết định số 420/CNN/TCLD ngày 29 tháng 4 năm 1993 theo loại hình doanh nghiệp Nhà nước dưới sự kiểm soát của Bộ Công nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ("Việt Nam" hay "Nhà nước"). Ngày 1 tháng 10 năm 2003, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 155/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp cấp. Ngày 20 tháng 11 năm 2003, Công ty đăng ký trở thành một công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 4103001932 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Ngày 19 tháng 1 năm 2006, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 42/UBCK-GPNY do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2005.

Vào ngày 20 tháng 8 năm 2010, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Giấy phép đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 0300588569 phê duyệt gia tăng vốn cổ phần như trình bày trong Thuyết minh số 20.

Hoạt động chủ yếu của Công ty và các công ty con bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, sữa tươi, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác;
- Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất, nguyên liệu;
- Kinh doanh nhà, môi giới, cho thuê bất động sản;
- Kinh doanh kho, bến bãi, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô và bốc xếp hàng hóa;
- Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan;
- Sản xuất và mua bán bao bì, in trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa;
- Phòng khám đa khoa;
- Chăn nuôi và trồng trọt;
- Các hoạt động hỗ trợ trồng trọt như: cung cấp cây trồng, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, thu hoạch cây trồng, làm đất, tưới tiêu;
- Chăn nuôi: cung cấp giống vật nuôi, kỹ thuật nuôi;
- Dịch vụ sau thu hoạch;
- Xử lý hạt giống để nhân giống.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") và quyền lợi của Tập đoàn trong các công ty liên kết và các đơn vị đồng kiểm soát được liệt kê dưới đây:

| | | 2010 | | 2009 | |
|---|---|---|---|---|---|
| Tên | Địa chỉ | Quyền sở hữu (%) | Quyền biểu quyết (%) | Quyền sở hữu (%) | Quyền biểu quyết (%) |
| CÔNG TY CON: | | | | | |
| Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam | 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn (trước đây là Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn) (a) | Khu Công Nghiệp Lễ Môn, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam | 100% | 100% | 55% | 55% |
| Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế | 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Công ty TNHH Một Thành viên Bất động sản Chiến Thắng - Việt Nam (b) | 95 Lê Lợi, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam | - | - | 100% | 100% |
| Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Dielac (trước đây là Công ty TNHH Thực phẩm F&N Việt Nam) (c) | 9, Đại lộ Tự Do, Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore, Thuận An, Bình Dương | 100% | 100% | - | - |
| LIÊN DOANH: | | | | | |
| Dự án phát triển nguồn nguyên liệu sữa tại Việt Nam | Thôn Tư Tra, Huyện Đơn Dương, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam | 25% | 25% | 25% | 25% |
| CÔNG TY LIÊN KẾT: | | | | | |
| Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực Phẩm Á Châu Sài Gòn | Lô C, 9E Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam | 20% | 20% | 20% | 20% |
| Dự án Căn Hộ Horizon - Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh | 214 Trần Quang Khải, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam | 24,5% | 24,5% | 24,5% | 24,5% |
| Công ty TNHH Miraka (d) | Tòa nhà c/-Beker 109 Tuwharetoa St, PO Box 1091, Taupo, New Zealand | 19,3% | 19,3% | - | - |

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

a. Vào ngày 13 tháng 4 năm 2010, Đại hội Cổ đông của Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn (trước đó Vinamilk nắm giữ 55% cổ phần của Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn) đã ra Nghị quyết số 01/04/NQ-ĐHĐCĐ/10 đồng ý chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của các cổ đông thiểu số cho Vinamilk. Sau đó, ngày 24 tháng 6 năm 2010, Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn chuyển đổi thành loại hình công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên với tên gọi là Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn theo Giấy chứng nhận Kinh doanh số 2801074568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

b. Vào ngày 11 tháng 3 năm 2010, chủ sở hữu của Công ty TNHH Một Thành Viên Bất Động Sản Chiến Thắng - Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế - đã ra Quyết định số 01/2010/QĐ quyết định giải thể tư cách pháp nhân của Công ty TNHH Một Thành viên Bất động sản Chiến Thắng và chuyển toàn bộ tài sản, nợ và vốn chủ sở hữu theo giá trị sổ sách cho Công ty TNHH Một Thành viên Bất động sản Quốc tế.

c. Vào ngày 30 tháng 9 năm 2010, Ban Quản lý Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore đã ban hành Giấy chứng nhận Đầu tư điều chỉnh số 463043000209 phê duyệt việc thay đổi chủ đầu tư từ F&N Foods Pte Ltd. thành Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và tên Công ty từ Công ty TNHH Thực phẩm F&N Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên Sữa Dielac dựa trên hợp đồng chuyển nhượng 100% vốn góp của Công ty F&N Foods Pte Ltd. trong Công ty TNHH Thực phẩm F&N Việt Nam mà Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và Công ty F&N Foods Pte Ltd. đã ký vào ngày 4 tháng 6 năm 2010. Việc bàn giao tài sản được hoàn tất vào ngày 13 tháng 10 năm 2010.

d. Vào ngày 30 tháng 9 năm 2010, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Giấy Chứng nhận Đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh số 389/BKH-ĐTRNN-ĐC1 phê duyệt khoản đầu tư của Vinamilk vào Công ty TNHH Miraka, một công ty được thành lập tại New Zealand với tổng số vốn đầu tư là 121.000.000 đô la New Zealand cho thời hạn 40 năm kể từ ngày của Giấy Chứng nhận Đầu tư ra nước ngoài đầu tiên cấp ngày 11 tháng 9 năm 2010. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã đầu tư vào Công ty TNHH Miraka với số vốn là 179.315 triệu đồng Việt Nam (tương đương 12,5 triệu đô la New Zealand).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn có 4.453 nhân viên (2009: **4.670** nhân viên).

## 2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được soạn thảo dựa theo qui ước giá gốc.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

## 2.2 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

## 2.3 Hợp nhất báo cáo

Năm 2010, Công ty soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con.



### Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

### Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông thiểu số

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông thiểu số giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn. Khoản lãi hoặc lỗ từ việc bán bớt cổ phần cho cổ đông thiểu số được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc mua cổ phần từ cổ đông thiểu số sẽ tạo ra lợi thế thương mại, là sự chênh lệch giữa khoản tiền thanh toán và phần giá trị tài sản thuần thể hiện trên sổ sách của công ty con.

### Liên doanh và công ty liên kết

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào liên doanh và công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên doanh liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong liên doanh và các công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh và các công ty liên kết.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên doanh, liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

## 2.4 Sử dụng các ước tính kế toán

Việc soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đòi hỏi Ban Điều hành phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập các báo cáo tài chính cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho niên độ đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

## 2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng Việt Nam áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



## 2.6 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

## 2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

## 2.8 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị của hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của Ban Điều hành đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

## 2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn khi so giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định theo cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên các cấp độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí hoàn tất và chi phí bán hàng. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn

kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết.

## 2.10 Các khoản đầu tư

### a. Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn là các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn không quá 12 tháng kể từ ngày của bảng cân đối kế toán và các khoản đầu tư được giữ lại với ý định để bán trong vòng 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán. Đầu tư ngắn hạn được hạch toán ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn được lập khi giá gốc của các chứng khoán cao hơn giá trị hợp lý.

### b. Đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết

Đầu tư vào các công ty liên doanh và liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất.

### c. Đầu tư tài chính dài hạn

i. Tiền gửi ngân hàng dài hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán và được hạch toán theo giá gốc.

ii. Đầu tư trái phiếu được phân loại là đầu tư dài hạn với ý định không bán lại trong vòng 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán. Đầu tư trái phiếu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, trái phiếu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng được lập khi có bằng chứng giảm giá dài hạn của chứng khoán hoặc trong trường hợp Tập đoàn không thể thu hồi khoản đầu tư.

iii. Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỷ lệ nắm giữ dưới 20% tại các đơn vị đã niêm yết hoặc chưa niêm yết mà không dự tính bán trong vòng 12 tháng kể từ ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được lập khi có sự giảm sút giá trị của các khoản đầu tư này.

## 2.11 Tài sản cố định

### Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thụ đắc tài sản cố định.

## 2.11 Tài sản cố định(tiếp theo)

### Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời hạn của dự án nếu ngắn hơn. Thời gian khấu hao của các loại tài sản như sau:

| | Năm |
|---|---|
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 10 - 50 |
| Máy móc, thiết bị | 8 - 10 |
| Phương tiện vận tải | 10 |
| Thiết bị quản lý | 3 - 8 |
| Gia súc | 6 |
| Phần mềm | 3 |

Khấu hao tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được thực hiện theo Thông tư 203/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 10 năm 2009. Theo Thông tư này, quyền sử dụng đất được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

### Các chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu

Các chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tập đoàn và chi phí đó được xác định một cách đáng tin cậy. Tất cả các chi phí sửa chữa và bảo trì khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh khi phát sinh.

### Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## 2.12 Thuê tài sản cố định

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.13 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hay cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng mà Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải dùng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa hay dịch vụ, dùng cho các mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

### Khấu hao

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại bất động sản đầu tư như sau:

| | Năm |
|---|---|
| Nhà cửa | 10 |
| Cơ sở hạ tầng | 25 - 50 |

Khấu hao bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất được thực hiện theo Thông tư 203/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 10 năm 2009. Theo Thông tư này, quyền sử dụng đất được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

### Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## 2.14 Vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn chủ sở hữu bao gồm các cổ phần được phát hành. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành thêm cổ phần hoặc quyền chọn được trừ vào số tiền thu được do bán cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu của Công ty đã phát hành và được Công ty hoặc công ty con mua lại. Khoản tiền đã trả để mua cổ phiếu, bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp, được trừ vào vốn chủ sở hữu đến khi các cổ phiếu quỹ được hủy bỏ hoặc được tái phát hành. Số tiền thu do tái phát hành hoặc bán cổ phiếu quỹ trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc tái phát hành hay bán cổ phiếu quỹ được tính vào phần vốn chủ sở hữu.

## 2.15 Chi phí vay



Chi phí vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong khoảng thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

## 2.16 Ghi nhận doanh thu

### a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu về các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng hàng bị trả lại.

### b. Doanh thu gia công

Doanh thu hoạt động gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hóa đã được gia công và đã được bên chủ hàng chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu về các khoản tiền gia công.

### c. Doanh thu dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

### d. Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

### e. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận trong kỳ kế toán khi bên được đầu tư công bố chia cổ tức.

## 2.17 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, cho sự chênh lệch tạm thời giữa giá trị tính thuế của tài sản và nợ phải trả với giá trị sổ sách ghi trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại không được tính khi nó phát sinh từ sự ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sát nhập doanh nghiệp, mà giao dịch đó không có ảnh hưởng đến lợi nhuận/lỗ kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận tới chừng mực có thể sử dụng được những chênh lệch tạm thời để tính vào lợi nhuận chịu thuế có thể có được trong tương lai.

## 2.18 Chia cổ tức

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức giữa kỳ được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Số cổ tức cuối kỳ được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông trong Đại hội thường niên.

## 2.19 Phương pháp trích lập các quỹ dự trữ

Các quỹ được trích lập dựa theo Điều lệ của Công ty như sau:

| | |
|---|---|
| Quỹ đầu tư phát triển | 10% lợi nhuận sau thuế |
| Quỹ phúc lợi, khen thưởng | 10% lợi nhuận sau thuế |
| Quỹ dự phòng tài chính | 5% lợi nhuận sau thuế |

Công ty ngưng trích lập quỹ dự phòng tài chính khi số tiền trong quỹ đạt 10% trên vốn điều lệ. Việc sử dụng các quỹ nói trên phải được sự phê duyệt của Đại hội Cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc tùy thuộc vào bản chất của nghiệp vụ đã được nêu trong Điều lệ và Quy chế Quản lý Tài chính của Công ty.

## 2.20 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước hiện nắm giữ số cổ phần lớn nhất trong Công ty và do đó được xem là một bên liên quan. Tuy nhiên, những doanh nghiệp chịu sự kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước thì không được xem là các bên liên quan với Công ty cho mục đích công bố thông tin, bởi vì các doanh nghiệp này không gây ảnh hưởng đối với Công ty hoặc không chịu ảnh hưởng từ Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.



## 2.21 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tập đoàn có một nghĩa vụ – pháp lý hoặc liên đới – hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính theo các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu yếu tố thời giá của tiền tệ là quan trọng thì dự phòng được tính ở giá trị hiện tại với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

## 2.22 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Tập đoàn. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền Tập đoàn phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động có thời gian làm việc cho Tập đoàn. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, số dự phòng đã được lập trên cơ sở nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc, dựa trên mức lương của người lao động tại ngày đó.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động từ

ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, số dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được xác định căn cứ vào số năm làm việc của người lao động đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình của họ trong giai đoạn 6 tháng tính đến ngày của bảng cân đối kế toán.

## 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Tiền mặt | 739.816.785 | 636.241.121 |
| Tiền gửi ngân hàng | 245.717.979.722 | 374.658.408.861 |
| Tiền đang chuyển | 3.014.571.573 | 840.007.976 |
| Các khoản tương đương tiền | 14.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| | 263.472.368.080 | 426.134.657.958 |

## 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

### a. Đầu tư tài chính ngắn hạn

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết | 82.283.660.000 | 82.283.660.000 |
| Đầu tư vào chứng khoán đã niêm yết | 24.993.771.792 | 87.536.571.792 |
| Tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng | 1.955.640.000.000 | 2.227.700.200.000 |
| Trái phiếu doanh nghiệp | 100.000.000.000 | 3.200.000.000 |
| Trái phiếu chính phủ | - | 40.000.000 |
| | 2.162.917.431.792 | 2.400.760.431.792 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | (70.657.669.500) | (86.506.865.100) |
| | 2.092.259.762.292 | 2.314.253.566.692 |

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được lập nhằm phản ánh sự suy giảm giá thị trường của các cổ phiếu có liên quan tại ngày cuối năm.

## 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### a. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Số dư đầu năm | 86.506.865.100 | 122.995.786.378 |
| Tăng dự phòng | 7.706.652.500 | - |
| Hoàn nhập | (23.555.848.100) | (36.488.921.278) |
| Số dư cuối năm | 70.657.669.500 | 86.506.865.100 |



### b. Đầu tư tài chính dài hạn

#### i. Đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Đầu tư dài hạn vốn sở hữu vào liên doanh và các công ty liên kết: | | |
| Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực Phẩm Á Châu Sài Gòn | 17.765.470.472 | 9.000.000.000 |
| Dự án Căn Hộ Horizon - Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh | 9.942.684.826 | 9.942.684.826 |
| Dự án Phát triển nguồn nguyên liệu sữa tại Việt Nam | 7.209.270.725 | 7.209.270.725 |
| Công ty TNHH Miraka | 179.315.000.000 | - |
| | 214.232.426.023 | 26.151.955.551 |

#### ii. Đầu tư dài hạn khác

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn | 600.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| Các khoản đầu tư dài hạn khác: | | |
| Chứng khoán đã niêm yết | 206.996.073.800 | 223.520.072.140 |
| Chứng khoán chưa niêm yết | - | 20.061.521.300 |
| Các quỹ đầu tư | 106.350.000.000 | 106.350.000.000 |
| Khác | 122.800.000.000 | 122.800.000.000 |
| | 1.036.146.073.800 | 672.731.593.440 |

### iii. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Số dư đầu năm | 96.405.129.045 | - |
| Tăng | 30.319.633.343 | 96.405.129.045 |
| Hoàn nhập | (18.144.677.840) | - |
| Số dư cuối năm | 108.580.084.548 | 96.405.129.045 |

## 5 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Bên thứ ba | 587.457.894.727 | 513.346.454.195 |

## 6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Cổ tức phải thu | - | 831.280.000 |
| Lãi tiền gửi phải thu | 54.367.379.215 | 56.339.350.382 |
| Lãi trái phiếu và lãi cho vay phải thu | 34.647.731.162 | 425.696.057 |
| Thuế nhập khẩu được hoàn lại hoặc khấu trừ | 86.664.527.807 | 8.236.379.986 |
| Phải thu khoản hỗ trợ từ nhà cung cấp | 5.560.735.007 | 5.113.567.440 |
| Phải thu khác | 2.664.477.264 | 5.642.001.078 |
| | 183.904.850.455 | 76.588.274.943 |

## 7. HÀNG TỒN KHO

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Hàng mua đang đi trên đường | 623.207.047.788 | 375.091.101.930 |
| Nguyên vật liệu | 1.173.813.695.805 | 574.013.715.916 |
| Công cụ, dụng cụ | 7.056.358.487 | 6.132.979.862 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 124.144.418.373 | 96.120.712.359 |
| Thành phẩm | 377.156.084.524 | 250.545.969.549 |
| Hàng hóa | 34.192.837.705 | 11.409.563.139 |
| Hàng gửi đi bán | 15.917.002.135 | 7.956.668.946 |
| | 2.355.487.444.817 | 1.321.270.711.701 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (4.133.214.915) | (9.505.656.820) |
| | 2.351.354.229.902 | 1.311.765.054.881 |

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Số dư đầu năm | 9.505.656.820 | 14.304.099.823 |
| Tăng dự phòng | 6.674.401.057 | 29.978.372.166 |
| Hoàn nhập | (6.667.004.301) | (28.390.802.339) |
| Sử dụng | (5.379.838.661) | (6.386.012.830) |
| Số dư cuối năm | 4.133.214.915 | 9.505.656.820 |

## 8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

### a. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | 2010 VNĐ | 2009 VNĐ |
|---|---|---|
| Chi phí quảng cáo | 8.764.606.163 | 3.359.557.849 |
| Tủ đông và tủ mát | 13.536.497.543 | 4.186.007.286 |
| Chi phí thuê đất, nhà xưởng và thuê khác | 4.117.594.883 | 6.225.726.914 |
| Chi phí triển khai phần mềm và bảo trì mạng | 2.194.732.003 | 1.805.249.992 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 2.844.774.494 | 2.509.212.308 |
| Chi phí khác | 7.137.267.987 | 3.900.317.843 |
| | 38.595.473.073 | 21.986.072.192 |

### b. Chi phí trả trước dài hạn

| | 2010 VNĐ | 2009 VNĐ |
|---|---|---|
| Tiền thuê đất | 86.021.727.136 | 189.432.685.102 |
| Tủ đông và tủ mát | 7.122.306.162 | 2.400.404.384 |
| Khác | 4.596.780.024 | 2.881.002.072 |
| | 97.740.813.322 | 194.714.091.558 |

Biến động của chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

| | 2010 VNĐ | 2009 VNĐ |
|---|---|---|
| Số dư đầu năm | 194.714.091.558 | 195.512.328.998 |
| Tăng | 31.766.676.285 | 13.852.680.126 |
| Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | (1.437.755.893) | (480.900.032) |
| Chuyển sang tài sản cố định vô hình | (77.559.136.190) | - |
| Giảm khác | (49.743.062.438) | (14.170.017.534) |
| Số dư cuối năm | 97.740.813.322 | 194.714.091.558 |

Khoản giảm khác trong năm 2010 phần lớn thể hiện khoản chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong vòng 1 năm.

## 9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

### a. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa và vật kiến trúc VNĐ | Máy móc và thiết bị VNĐ |
|---|---|---|
| **NGUYÊN GIÁ** | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010 | 603.272.382.626 | 2.025.448.974.144 |
| Mua trong năm | 3.378.501.266 | 43.934.191.814 |
| Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành | 223.489.090.745 | 897.083.663.500 |
| Súc vật nuôi chuyển đàn | - | - |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh | 67.567.260.057 | - |
| Tăng khác | - | 3.371.430 |
| Chuyển sang bất động sản đầu tư | (62.737.879.531) | (1.421.546.427) |
| Phân loại lại | (235.576.649) | 2.464.565.652 |
| Thanh lý, nhượng bán | (55.522.536.738) | (249.019.852.228) |
| Giảm khác | (218.332.434) | (25.050.000) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 | 778.992.909.342 | 2.718.468.317.885 |
| **KHẤU HAO LŨY KẾ** | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010 | 164.580.133.736 | 933.751.739.436 |
| Khấu hao trong năm | 30.433.761.750 | 181.804.443.300 |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh | 31.306.426.097 | - |
| Chuyển sang bất động sản đầu tư | (398.978.030) | (24.955.269) |
| Phân loại lại | (109.356.496) | 562.544.571 |
| Thanh lý, nhượng bán | (5.308.314.496) | (43.550.844.687) |
| Giảm khác | - | (11.078.325) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 | 220.503.672.561 | 1.072.531.849.026 |
| **GIÁ TRỊ CÒN LẠI** | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010 | 438.692.248.890 | 1.091.697.234.708 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 | 558.489.236.781 | 1.645.936.468.859 |

| Phương tiện vận chuyển VNĐ | Thiết bị văn phòng VNĐ | Gia súc VNĐ | Tổng cộng VNĐ |
|---|---|---|---|
| 354.592.120.122 | 114.706.214.288 | 37.486.618.543 | **3.135.506.309.723** |
| 65.401.467.904 | 68.866.221.734 | 14.778.123.323 | **196.358.506.041** |
| 23.724.643.936 | 1.743.768.121 | - | **1.146.041.166.302** |
| - | - | 65.611.311.629 | **65.611.311.629** |
| - | - | - | **67.567.260.057** |
| - | - | 5.281.250 | **8.652.680** |
| - | - | - | **(64.159.425.958)** |
| (2.639.415.010) | 480.558.197 | (70.132.190) | **-** |
| (110.512.348.103) | (9.712.702.547) | (8.502.091.683) | **(433.269.531.299)** |
| (10.512.000) | (45.195.000) | (64.529.870) | **(363.619.304)** |
| 330.555.956.849 | 176.038.864.793 | 109.244.581.002 | **4.113.300.629.871** |
| | | | |
| 117.227.994.955 | 76.213.934.489 | 8.150.443.037 | **1.299.924.245.653** |
| 33.430.739.997 | 19.928.970.574 | 11.114.107.211 | **276.712.022.832** |
| - | - | - | **31.306.426.097** |
| - | - | - | **(423.933.299)** |
| (756.508.854) | 70.230.042 | 233.090.737 | **-** |
| (26.144.871.475) | (6.370.735.481) | (2.703.740.765) | **(84.078.506.904)** |
| (2.978.400) | (19.619.668) | - | **(33.676.393)** |
| 123.754.376.223 | 89.822.779.956 | 16.793.900.220 | **1.523.406.577.986** |
| | | | |
| 237.364.125.167 | 38.492.279.799 | 29.336.175.506 | **1.835.582.064.070** |
| 206.801.580.626 | 86.216.084.837 | 92.450.680.782 | **2.589.894.051.885** |

## 9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

### a. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là **647.984.584.591** đồng Việt Nam (2009: **620.924.233.160** đồng Việt Nam).

### b. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất VNĐ | Phần mềm vi tính VNĐ | Tổng cộng VNĐ |
|---|---|---|---|
| **NGUYÊN GIÁ** | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010 | 35.750.347.200 | 46.589.312.597 | 82.339.659.797 |
| Mua trong năm | 29.971.555.655 | 3.299.755.190 | 33.271.310.845 |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh | 62.055.125.624 | - | 62.055.125.624 |
| Chuyển từ trả trước ngắn hạn và dài hạn | 85.505.310.000 | - | 85.505.310.000 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 | 213.282.338.479 | 49.889.067.787 | 263.171.406.266 |
| **KHẤU HAO LŨY KẾ** | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010 | 11.608.069.186 | 31.490.229.728 | 43.098.298.914 |
| Khấu hao trong năm | - | 10.600.253.339 | 10.600.253.339 |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh | 30.523.959.984 | - | 30.523.959.984 |
| Chuyển từ trả trước ngắn hạn và dài hạn | 5.553.604.054 | - | 5.553.604.054 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 | 47.685.633.224 | 42.090.483.067 | 89.776.116.291 |
| **GIÁ TRỊ CÒN LẠI** | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010 | 24.142.278.014 | 15.099.082.869 | 39.241.360.883 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 | 165.596.705.255 | 7.798.584.720 | 173.395.289.975 |

Việc khấu hao quyền sử dụng đất đã ngưng từ ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2003 quy định quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là **18.871.366.142** đồng Việt Nam (2009: **26.136.457.751** đồng Việt Nam).

## c. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Số dư đầu năm | 650.140.391.846 | 356.867.733.457 |
| Tăng trong năm | 1.175.733.225.440 | 731.794.323.320 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (1.146.041.166.302) | (432.340.767.263) |
| Chuyển sang bất động sản đầu tư | (12.411.182.265) | - |
| Chuyển sang hàng tồn kho | - | (1.636.389.836) |
| Thanh lý | (1.495.453.021) | - |
| Giảm khác | (643.361.969) | (4.544.507.832) |
| Số dư cuối năm | 665.282.453.729 | 650.140.391.846 |

Những đơn vị có chi phí xây dựng cơ bản dở dang lớn:

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Văn phòng Công ty | 277.772.837.051 | 313.857.683.435 |
| Nhà máy sữa Sài Gòn | 185.734.013.102 | 36.929.521.394 |
| Nhà máy sữa Tiên Sơn | 49.929.155.652 | 51.648.322.565 |
| Nhà máy sữa Trường Thọ | 31.401.764.891 | 114.909.529.995 |

## 10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

| | Quyền sử dụng đất VNĐ | Cơ sở hạ tầng VNĐ | Nhà cửa VNĐ | Tổng cộng VNĐ |
|---|---|---|---|---|
| **NGUYÊN GIÁ** | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010 | 27.489.150.000 | - | - | **27.489.150.000** |
| Xây dựng cơ bản hoàn thành | - | 709.366.974 | 11.701.815.291 | **12.411.182.265** |
| Chuyển từ tài sản cố định hữu hình | - | 1.421.546.427 | 62.737.879.531 | **64.159.425.958** |
| Phân loại lại | - | 3.863.376.796 | (3.863.376.796) | **-** |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 | 27.489.150.000 | 5.994.290.197 | 70.576.318.026 | **104.059.758.223** |
| **KHẤU HAO LŨY KẾ** | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010 | - | - | - | **-** |
| Khấu hao trong năm | - | 358.290.755 | 2.459.988.958 | **2.818.279.713** |
| Chuyển từ tài sản cố định hữu hình | - | 24.955.269 | 398.978.030 | **423.933.299** |
| Phân loại lại | - | 161.626.450 | (161.626.450) | **-** |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 | - | 544.872.474 | 2.697.340.538 | **3.242.213.012** |
| **GIÁ TRỊ CÒN LẠI** | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010 | 27.489.150.000 | - | - | **27.489.150.000** |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 | 27.489.150.000 | 5.449.417.723 | 67.878.977.488 | **100.817.545.211** |

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn thể hiện quyền sử dụng đất vô thời hạn ở quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng và được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

## 11. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Vào ngày 13 tháng 4 năm 2010, Công ty đã mua số cổ phần còn lại (45%) từ các cổ đông thiểu số trong một công ty con - Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn (trước đây là Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn). Ngoài ra, tại ngày 13 tháng 10 năm 2010, Công ty đã hoàn tất thủ tục nhận bàn giao tài sản theo hợp đồng đã ký ngày 4 tháng 6 năm 2010 nhằm mua lại 100% phần vốn góp của F&N Foods Pte.Ltd trong Công ty TNHH Thực phẩm F&N Việt Nam.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hai nghiệp vụ trên được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm lần lượt bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 năm 2010 và ngày 1 tháng 10 năm 2010.

Biến động của lợi thế thương mại trong năm như sau:

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Số dư đầu năm | - | - |
| Tăng trong năm | 20.680.539.721 | - |
| Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm | (1.123.731.057) | - |
| Số dư cuối năm | 19.556.808.664 | - |

## 12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Biến động gộp của thuế thu nhập hoãn lại không tính bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế như sau:

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Số dư đầu năm | 53.520.933.059 | 47.275.236.230 |
| Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 9.344.103.477 | 6.245.696.829 |
| Số dư cuối năm | 62.865.036.536 | 53.520.933.059 |

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu phát sinh từ các khoản dự phòng và các khoản chi phí trích trước.

## 13. CÁC KHOẢN VAY

### a. Vay và nợ ngắn hạn

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Vay ngắn hạn | 567.960.000.000 | 3.319.646.682 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | - | 9.963.436.000 |
| | 567.960.000.000 | 13.283.082.682 |

Số dư khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 thể hiện 5 khoản vay ngắn hạn có thời hạn từ 6 tháng đến 1 năm từ một chi nhánh của một ngân hàng nước ngoài trị giá 30 triệu đô la Mỹ với lãi suất từ 2% đến 2,09%/năm. Khoản vay dùng để thanh toán khoản phải trả nhà cung cấp nước ngoài và không được bảo đảm.



### b. Vay và nợ dài hạn

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Các khoản vay dài hạn | - | 22.417.731.000 |
| Hoàn trả trong vòng 12 tháng | - | (9.963.436.000) |
| Hoàn trả sau 12 tháng | - | 12.454.295.000 |

Khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là khoản vay được ký giữa Quỹ Đầu tư và Phát triển TP. Hồ Chí Minh (40%) và Ngân hàng Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (60%) để hỗ trợ cho dự án lắp đặt dây chuyền đóng hộp sữa đặc có đường tại nhà máy Sữa Thống Nhất.

Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là **59.215.811.590** đồng Việt Nam (2009: **68.384.711.428** đồng Việt Nam) và chịu lãi suất bình quân tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng cộng 2,4%/năm. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, khoản vay này đã được hoàn trả hết cho Quỹ Đầu tư và Phát triển Tp. Hồ Chí Minh và Ngân hàng Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh.

## 14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

| | 2010 VNĐ | 2009 VNĐ |
|---|---|---|
| Bên thứ ba | 1.089.416.813.120 | 789.866.508.433 |

## 15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 2010 VNĐ | 2009 VNĐ |
|---|---|---|
| Thuế giá trị gia tăng | 63.543.620.049 | 52.305.473.573 |
| Thuế xuất nhập khẩu | 3.668.385.524 | 11.474.338.752 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 203.518.332.483 | 330.270.558.581 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 10.303.847.765 | 5.902.783.169 |
| Thuế khác | 754.475.062 | 9.330.288 |
| | 281.788.660.883 | 399.962.484.363 |

## 16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | 2010 VNĐ | 2009 VNĐ |
|---|---|---|
| Chi phí hỗ trợ bán hàng cho khách hàng | 125.005.789.994 | 143.611.944.115 |
| Chi phí quảng cáo | 83.472.865.870 | 37.959.007.545 |
| Chi phí vận chuyển | 20.660.425.800 | 13.625.930.465 |
| Chi phí điện nước | 74.203.600 | 536.884.750 |
| Chi phí bảo trì và sửa chữa | 4.239.789.975 | 2.736.095.442 |
| Chi phí phải trả khác | 30.697.908.396 | 9.660.652.940 |
| | 264.150.983.635 | 208.130.515.257 |

Chi phí phải trả khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 chủ yếu thể hiện chi phí hoạt động chung, chi phí lãi vay, phí kiểm toán, chi phí thuê đất và chi phí nhiên liệu.

## 17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Tiền ký quỹ nhận được từ khách hàng | 13.069.222.332 | 48.130.560.000 |
| Thuế nhập khẩu phải nộp | 91.614.690.576 | 5.178.995.586 |
| Phải trả cho các cổ đông góp vốn mua cổ phần đầu tư | 34.800.000 | 20.406.760.000 |
| Phải trả khác về đầu tư tài chính | 2.684.859.155 | 3.184.859.555 |
| Bảo hiểm và kinh phí công đoàn | 201.264.468 | 130.893.835 |
| Phải trả khác | 10.631.660.866 | 6.815.702.129 |
| | 118.236.497.397 | 83.847.771.105 |



## 18. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Nợ dài hạn khác thể hiện khoản tạm ứng nhận được từ bên thứ ba về việc chuyển nhượng khoản đầu tư của Tập đoàn vào một ngân hàng trong tương lai. Việc chuyển nhượng chỉ có hiệu lực khi được sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị và các cổ đông sáng lập của ngân hàng này; hoặc sau 5 năm kể từ ngày thành lập ngân hàng này, tùy theo sự kiện nào xảy ra trước.

## 19. DỰ PHÒNG TRỢ CẤP THÔI VIỆC

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Số dư đầu năm | 34.930.886.174 | 35.899.570.833 |
| Trích lập dự phòng | 24.104.008.563 | 4.856.819.779 |
| Sử dụng dự phòng | (4.475.476.521) | (3.854.936.538) |
| Hoàn nhập dự phòng | (3.185.485.133) | (1.970.567.900) |
| Số dư cuối năm | 51.373.933.083 | 34.930.886.174 |

## 20. VỐN CỔ PHẦN

Vào ngày 20 tháng 8 năm 2010, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Giấy phép đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 0300588569 phê duyệt gia tăng vốn cổ phần lên **3.530.721.200.000** đồng Việt Nam.

Vốn cổ phần của Công ty được duyệt và đã phát hành như sau:

| | 2010 | | 2009 | |
|---|---|---|---|---|
| | Số cổ phiếu | VNĐ | Số cổ phiếu | VNĐ |
| Vốn cổ phần được duyệt | 353.072.120 | 3.530.721.200.000 | 351.265.300 | 3.512.653.000.000 |
| Vốn cổ phần đã phát hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 353.072.120 | 3.530.721.200.000 | 351.265.300 | 3.512.653.000.000 |
| Cổ phiếu quỹ | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | (66.020) | (669.051.000) | (15.320) | (154.222.000) |
| Cổ phiếu hiện đang lưu hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 353.006.100 | 3.530.052.149.000 | 351.249.980 | 3.512.498.778.000 |

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

## 21. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

| | Vốn góp của chủ sở hữu<br>VNĐ | Thặng dư vốn cổ phần<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009 | 1.752.756.700.000 | 1.064.948.051.177 |
| Vốn góp tăng trong năm | 1.759.896.300.000 | (1.064.948.051.177) |
| Lợi nhuận sau thuế | - | - |
| Trích lập các quỹ | - | - |
| Chia cổ tức | - | - |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 | 3.512.653.000.000 | - |
| Vốn góp tăng trong năm | 18.068.200.000 | - |
| Lợi nhuận sau thuế | - | - |
| Tăng khác | - | - |
| Trích lập các quỹ | - | - |
| Chia cổ tức (Thuyết minh 22) | - | - |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 | 3.530.721.200.000 | - |

| Cổ phiếu quỹ VNĐ | Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ | Quỹ dự phòng tài chính VNĐ | Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ | Tổng cộng VNĐ |
|---|---|---|---|---|
| - | 869.697.027.622 | 175.275.670.000 | 803.037.145.827 | **4.665.714.594.626** |
| (154.222.000) | - | - | (691.301.848.823) | **3.492.178.000** |
| - | - | - | 2.375.692.853.218 | **2.375.692.853.218** |
| - | 886.585.882.713 | 119.072.206.431 | (1.243.802.502.005) | **(238.144.412.861)** |
| - | - | - | (351.280.620.000) | **(351.280.620.000)** |
| (154.222.000) | 1.756.282.910.335 | 294.347.876.431 | 892.345.028.217 | **6.455.474.592.983** |
| (514.829.000) | - | - | - | **17.553.371.000** |
| - | - | - | 3.616.185.949.180 | **3.616.185.949.180** |
| - | - | - | 6.688.696 | **6.688.696** |
| - | 416.007.879.530 | 58.724.243.569 | (834.315.714.676) | **(359.583.591.577)** |
| - | - | - | (1.765.200.420.000) | **(1.765.200.420.000)** |
| (669.051.000) | 2.172.290.789.865 | 353.072.120.000 | 1.909.021.531.417 | **7.964.436.590.282** |

## 22. CỔ TỨC

Trong năm 2010, Công ty chi trả cổ tức đợt cuối của năm 2009, cổ tức bổ sung sau 6 năm cổ phần hóa và cổ tức giữa kỳ của năm 2010 lần lượt là **353.056.460.000** đồng Việt Nam (1.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu), **353.055.970.000** (1.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu) và **1.059.087.990.000** (3.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu).

Cổ tức cuối cùng cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 sẽ được đề xuất trong Đại hội đồng Cổ đông của Công ty tổ chức trong năm 2011.

## 23. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

| | VNĐ |
|---|---|
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009 | 50.613.519.335 |
| Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho các cổ đông thiểu số | 374.620.950 |
| Mua lại cổ phiếu từ các cổ đông thiểu số của công ty con | (15.622.792.750) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 | 35.365.347.535 |
| Lỗ sau thuế phân bổ cho các cổ đông thiểu số | (693.010.209) |
| Mua lại cổ phiếu từ các cổ đông thiểu số của công ty con | (34.665.648.728) |
| Các khoản giảm khác | (6.688.598) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 | - |

## 24. DOANH THU

### a. Doanh thu thuần

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Doanh thu | | |
| Bán hàng hóa | 158.054.990.021 | 69.316.652.489 |
| Bán thành phẩm | 15.890.079.436.076 | 10.730.585.603.253 |
| Cung cấp dịch vụ | 27.410.984.250 | 20.239.264.703 |
| Cung cấp dịch vụ bất động sản | 5.920.773.239 | - |
| | 16.081.466.183.586 | 10.820.141.520.445 |

## a. Doanh thu thuần (Tiếp theo)

| | 2010 VNĐ | 2009 VNĐ |
|---|---|---|
| Các khoản giảm trừ | | |
| Chiết khấu thương mại | (320.185.652.193) | (196.965.123.771) |
| Hàng bán bị trả lại | (8.414.531.968) | (9.405.505.874) |
| | (328.600.184.161) | (206.370.629.645) |
| Doanh thu thuần | 15.752.865.999.425 | 10.613.770.890.800 |

## b. Doanh thu hoạt động tài chính

| | 2010 VNĐ | 2009 VNĐ |
|---|---|---|
| Lãi tiền gửi | 196.899.498.165 | 106.572.793.051 |
| Lãi đầu tư trái phiếu | 60.569.825.569 | 9.273.679.259 |
| Lợi nhuận từ đầu tư chứng khoán | 1.037.680.360 | 33.191.128.124 |
| Cổ tức nhận được | 18.024.123.920 | 14.588.435.250 |
| Cổ phiếu thưởng | - | 4.311.416.804 |
| Lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện | 124.057.264.255 | 127.930.880.807 |
| Lãi do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm | 47.711.031.480 | 4.285.965.956 |
| Thu nhập từ thanh lý khoản đầu tư trong công ty liên doanh | - | 139.577.506.654 |
| Các thu nhập tài chính khác | 230.703.488 | 204.293.613 |
| | 448.530.127.237 | 439.936.099.518 |

## 25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | 2010 VNĐ | 2009 VNĐ |
|---|---|---|
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 10.356.442.165.458 | 6.637.850.292.740 |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 145.209.760.823 | 50.001.285.267 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 6.301.870.656 | 3.849.609.131 |
| Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản | 3.826.512.705 | - |
| Hao hụt, mất mát hàng tồn kho | 1.284.568.341 | 909.820.064 |
| Chi phí do hoạt động dưới công suất bình thường | 66.135.854.458 | 40.863.116.155 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 7.396.756 | 1.587.569.827 |
| | 10.579.208.129.197 | 6.735.061.693.184 |

## 26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Chi phí hỗ trợ thanh toán nhà phân phối | 37.407.095.648 | - |
| Chi phí lãi vay | 6.171.553.959 | 6.253.096.842 |
| Chi phí lãi cho các khoản ký quỹ nhận được | 1.303.336.014 | 401.781.000 |
| Lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện | 100.770.275.629 | 110.352.620.385 |
| Lỗ do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm | 5.069.611.375 | 7.771.326.392 |
| (Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng giảm giá đầu tư tài chính | (3.674.240.097) | 59.916.207.766 |
| Phí giao dịch mua bán chứng khoán | 154.951.460 | 132.861.858 |
| Chi phí tài chính khác | 5.996.030.000 | - |
| | 153.198.613.988 | 184.827.894.243 |



## 27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Chi phí nhân viên | 111.698.708.452 | 127.769.536.074 |
| Chi phí nguyên vật liệu | 36.033.721.867 | 25.461.809.958 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 15.694.989.118 | 14.447.269.526 |
| Chi phí khấu hao | 31.490.118.666 | 21.236.329.708 |
| Chi phí bảo hành | 6.429.668.286 | 7.987.976.032 |
| Chi phí dịch vụ thuê ngoài | 247.150.586.765 | 173.517.571.524 |
| Chi phí quảng cáo | 484.726.234.260 | 369.021.963.115 |
| Chi phí khuyến mãi | 267.572.811.563 | 228.895.940.871 |
| Chi phí hỗ trợ và hoa hồng cho nhà phân phối | 237.388.966.895 | 277.137.625.032 |
| | 1.438.185.805.872 | 1.245.476.021.840 |

## 28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Chi phí nhân viên | 105.991.687.325 | 81.595.347.198 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 8.308.139.705 | 6.722.431.252 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 8.333.290.980 | 5.537.074.790 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 29.461.744.081 | 37.293.162.703 |
| Thuế, phí, lệ phí | 7.874.243.019 | 8.695.525.011 |
| Chi phí dự phòng | 19.914.745.226 | 58.343.858 |
| Chi phí dịch vụ thuê ngoài | 124.181.413.180 | 90.321.780.358 |
| Chi phí nhập hàng | 24.830.959.180 | 12.313.877.310 |
| Công tác phí | 14.145.595.709 | 15.032.637.945 |
| Chi phí dịch vụ ngân hàng | 6.873.150.187 | 6.617.325.286 |
| Chi phí khác | 38.232.156.180 | 28.754.627.067 |
| | 388.147.124.772 | 292.942.132.778 |

## 29. THU NHẬP KHÁC

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Thu nhập khác | | |
| Tiền bồi thường nhận được từ các bên thứ ba | 1.288.039.182 | 1.951.569.978 |
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định | 701.993.355.373 | 6.748.522.475 |
| Tiền thu từ thanh lý phế liệu, công cụ, dụng cụ, vật tư kỹ thuật | 58.532.314.552 | 38.634.151.960 |
| Hỗ trợ từ nhà cung cấp | 217.531.182.525 | 91.480.108.818 |
| Thu nhập khác | 3.642.276.984 | 4.216.267.434 |
| | 982.987.168.616 | 143.030.620.665 |

## 29. THU NHẬP KHÁC (tiếp theo)

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Chi phí khác | | |
| Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý | (349.191.024.395) | (5.495.430.885) |
| Giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản thanh lý | (1.495.453.021) | - |
| Chi phí thanh lý tài sản cố định | (17.099.171.943) | (2.195.454) |
| Giá trị vật tư kỹ thuật, công cụ dụng cụ thanh lý | (626.593.674) | (347.789.972) |
| Chi phí phạt do vi phạm hợp đồng | (5.264.156.933) | - |
| Chi phí khác | (525.268.347) | (1.226.185.085) |
| | (374.201.668.313) | (7.071.601.396) |
| Thu nhập khác - số thuần | 608.785.500.303 | 135.959.019.269 |

## 30. THUẾ

Các công ty trong Tập đoàn chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") theo các mức thuế suất khác nhau từ 15% đến 25% tùy thuộc vào địa điểm kinh doanh. Trong Tập đoàn, chỉ có Công ty phát sinh chi phí thuế TNDN. Các công ty con trong Tập đoàn hoặc là đang trong giai đoạn miễn thuế, hoặc là chưa có thu nhập chịu thuế.

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất thông thường 25% theo qui định của luật thuế hiện hành như sau:

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 4.251.207.423.608 | 2.731.358.267.542 |
| Thuế tính ở thuế suất 25% | 1.062.801.855.902 | 682.815.566.885 |
| Điều chỉnh: | | |
| Thay đổi mức thuế suất | - | (17.630.662.575) |
| Ảnh hưởng của việc loại trừ các khoản lỗ chưa thực hiện mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận tương ứng | - | (124.555.076) |
| Chênh lệch thuế suất trong các công ty con và các chi nhánh của Công ty | (172.131.175.185) | (113.548.417.700) |
| Thu nhập không chịu thuế | (11.680.572.796) | (2.631.851.168) |
| Chi phí không được khấu trừ | 2.494.552.401 | 3.131.052.281 |
| Ưu đãi thuế | (250.238.871.042) | (149.075.942.923) |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trước đây | - | 1.129.086.780 |
| Tài sản lỗ tính thuế không ghi nhận trên các khoản lỗ tính thuế trong năm hiện hành của các công ty con | 3.994.740.319 | - |
| Dự phòng thiếu/(thừa) của năm trước | 473.955.038 | (48.772.878.778) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 635.714.484.637 | 355.291.397.726 |

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn được tính dựa trên trên thu nhập chịu thuế ước tính trong năm và tùy thuộc vào việc kiểm tra và có thể có sự thay đổi của cơ quan thuế.

## 31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chính chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành.

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông | 3.616.185.949.180 | 2.375.692.853.224 |
| Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 352.777.598 | 350.950.861 |
| Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu | 10.251 | 6.769 |



*Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.*

## 32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 10.223.560.438.739 | 6.528.517.999.873 |
| Chi phí nhân công | 490.733.283.511 | 460.889.924.520 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 282.101.851.074 | 229.813.153.286 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 570.428.629.163 | 377.425.864.139 |
| Chi phí khác | 1.155.019.268.882 | 996.141.996.057 |
| | 12.721.843.471.369 | 8.592.788.937.875 |

## 33. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, chỉ có các nghiệp vụ liên quan đến các khoản chi cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành như sau:

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Tiền lương và thưởng của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành | 41.545.628.000 | 30.059.586.864 |

## 34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo khu vực địa lý, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Tập đoàn.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

### Bộ phận theo khu vực địa lý

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng tại Việt Nam ("trong nước") hay ở các nước khác ngoài Việt Nam ("xuất khẩu").

#### TRONG NƯỚC

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Doanh thu bán hàng | 14.096.108.021.031 | 9.415.220.745.218 |
| Giá vốn hàng bán | (9.249.543.881.741) | (5.886.500.688.172) |
| Lợi nhuận gộp | 4.846.564.139.290 | 3.528.720.057.046 |

#### XUẤT KHẨU

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Doanh thu bán hàng | 1.656.757.978.394 | 1.198.550.145.582 |
| Giá vốn hàng bán | (1.329.664.247.456) | (848.561.005.012) |
| Lợi nhuận gộp | 327.093.730.938 | 349.989.140.570 |

TỔNG CỘNG

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Doanh thu bán hàng | 15.752.865.999.425 | 10.613.770.890.800 |
| Giá vốn hàng bán | (10.579.208.129.197) | (6.735.061.693.184) |
| Lợi nhuận gộp | 5.173.657.870.228 | 3.878.709.197.616 |

## 35. CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
|---|---|---|
| Nhà cửa, nhà xưởng, máy móc và thiết bị | 1.511.730.845.164 | 365.161.000.000 |

## 36. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Tập đoàn phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

| | THUÊ ĐẤT VÀ THUÊ KHO | |
|---|---|---|
| | 2010<br>VNĐ | 2009<br>VNĐ |
| Dưới 1 năm | 5.519.112.723 | 4.626.000.000 |
| Từ 1 đến 5 năm | 22.076.450.893 | 18.530.000.000 |
| Trên 5 năm | 195.180.370.321 | 159.364.000.000 |
| Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu | 222.775.933.937 | 182.520.000.000 |

## 37. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Trong tháng 2 năm 2011, Tập đoàn đã phát hành **3.498.520** cổ phiếu với mệnh giá cho nhân viên bằng tiền mặt.

## 38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày năm nay.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Điều hành duyệt ngày 28 tháng 2 năm 2011.

LÊ THÀNH LIÊM
Kế toán trưởng

MAI KIỀU LIÊN
Tổng Giám đốc
*Ngày 28 tháng 2 năm 2011*

VINAMILK TOWER
10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

## TRỤ SỞ MỚI

10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT : (84.8) 54 155 555
Fax : (84 8) 54 161 226
Email: vinamilk@vinamilk.com.vn
Website: www.vinamilk.com.vn

## CHI NHÁNH BÁN HÀNG

### CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

57 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
ĐT : (84 4) 35 563 638
Fax : (84 4) 35 563 621

### CHI NHÁNH TẠI ĐÀ NẴNG

Lô 42, Triệu Nữ Vương (nối dài), Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
ĐT : (84 511) 3 897 449
Fax : (84 511) 3897223

### CHI NHÁNH TẠI CẦN THƠ

86D Hùng Vương, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT : (84 710) 3 811 274
Fax : (84 710) 3 827 334

## NHÀ MÁY SỮA TRƯỜNG THỌ

32 Đặng Văn Bi, Phường Trường Thọ,
Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT : (84 8) 39 300 358 - 39 305 197
Fax : (84 8) 39 305 206

## NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT

12 Đặng Văn Bi, Phường Trường Thọ,
Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT : (84 8) 38 960 725
Fax : (84 8) 38 963 140

## NHÀ MÁY SỮA DIELAC

Khu Công Nghiệp Biên Hòa I, Phường Bình An,
Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
ĐT : (84 61) 3 836 115
Fax : (84 61) 3 836 015

## NHÀ MÁY SỮA BÌNH ĐỊNH

87 Hoàng Văn Thụ, Tp. Qui Nhơn, Tỉnh Bình Định

ĐT : (84 56) 3 847 312

Fax : (84 56) 3 746 065

## NHÀ MÁY SỮA NGHỆ AN

Đường Sào Nam, Xã Nghi Thu,
Thị Xã Cửa Lò, Nghệ An

ĐT : (84 38) 3 949 032

Fax : (84 38) 3 824 717

## NHÀ MÁY SỮA SÀI GÒN

Lô 1-18 Khu G1- KCN Tân Thới Hiệp, Hương lộ 80,
Phường Hiệp Thành, Q.12, Tp. Hồ Chí Minh

ĐT : (84 8) 37 176 355

Fax : (84 8) 37 176 353

## NHÀ MÁY SỮA CẦN THƠ

Khu Công Nghiệp Trà Nóc, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ

ĐT : (84 710) 3 842 698

Fax : (84 710) 3 842 811

## NHÀ MÁY SỮA TIÊN SƠN

Khu Công nghiệp Tiên Sơn,

Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh

ĐT : (84 241) 31 714 814

Fax : (84 241) 31 714 807

## NHÀ MÁY NƯỚC GIẢI KHÁT VIỆT NAM

Lô A-2-CN, A-9-CN, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

## NHÀ MÁY SỮA ĐÀ NẴNG

Khu Công Nghiệp Hòa Khánh, TP Đà Nẵng.

*(Dự án đang xây dựng)*

## NHÀ MÁY SỮA VIỆT NAM

Lô A-4-CN, A-5-CN, A-6-CN, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

*(Dự án đang xây dựng)*

## XÍ NGHIỆP KHO VẬN HCM

32 Đặng Văn Bi, Phường Trường Thọ,
Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT : (84 8) 38 966 673
Fax : (84 8) 38 960 804

Chuyên: Vận chuyển, Giao hàng hóa.

## XÍ NGHIỆP KHO VẬN HÀ NỘI

Km 10/Quốc lộ 5, Xã Dương Xá,
Huyện Gia Lâm, Tp. Hà Nội
ĐT : (84 4) 38 276 418
Fax : (84 4) 38 276 966

Chuyên: Vận chuyển, Giao hàng hóa.

## PHÒNG KHÁM AN KHANG

87A Cách Mạng Tháng 8,
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT : (84 241) 62 911 722
Fax : (84 241) 62 911 720

## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BÒ SỮA VIỆT NAM

## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN QUỐC TẾ

10 Tân Trào, Phường Tân Phú,
Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT : (84 8) 54 155 555
Fax : (84 8) 54 161 226

## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SỮA LAM SƠN

Khu Công Nghiệp Lễ Môn,
TP. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
ĐT : (84 37) 3 912 702
Fax : (84 37) 3 912 541

## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SỮA DIELAC

Số 9, Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore,
Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương

## CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU THỰC PHẨM Á CHÂU - SÀI GÒN

Lô C- 9E - CN, KCN Mỹ Phước 3,
Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

## CÔNG TY TNHH MIRAKA

Beker Findlay Allan Ltd, PO Box 1091,
Taupo, New Zealand
ĐT : +64 (07) 377-6380
DDI : +64 (07) 376-2710
Fax : +64 (07) 377-6382

# 25,6 GRAM ĐẠM ĐẬU NÀNH MỖI NGÀY TỐT CHO SỨC KHỎE TIM MẠCH

*Hãy quan tâm chăm sóc trái tim bạn hàng ngày với 25,6g đạm trong 4 khẩu phần của Vfresh - sữa đậu nành chứa hàm lượng đạm đậu nành cao nhất đã được chứng nhận tiêu chuẩn "Tốt cho tim mạch".*

***Vfresh – Tốt tự nhiên***

*FDA khuyến nghị nên dùng ít nhất 25g đạm đậu nành hàng ngày tốt cho tim mạch.*

*"Báo cáo này được in trên giấy tái chế"*

Vì mục đích Bảo vệ môi trường, báo cáo thường niên Vinamilk 2010 được in với số lượng có hạn và được đăng tải tại website: www.vinamilk.com.vn
Khi không còn nhu cầu sử dụng vui lòng chuyển lại cho những người quan tâm.

## TRỤ SỞ MỚI

10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT : (84. 8) 54 155 555 Fax : (84. 8) 54 161 226
Email : vinamilk@vinamilk.com.vn
Web : www.vinamilk.com.vn

Designed by _lapphuong.com - Hotline: 0918 271 635